

KÍNH BIỂU

THERAVĀDA

Luận Giải
Về
Nghiệp



Tác giả: **Sayadaw Dr. Nandamālābhivamsa**

Người dịch: **Pháp Triều**

PL: 2561

DL: 2018



NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO

HỒI HƯƠNG

--ooOoo--

Nông Văn Hằng
Trần Thị Quế Anh

LỜI NÓI ĐẦU

--00000--

Trong Giáo Lý Duyên Khởi (Paṭiccasamuppāda), Đức Phật dạy rằng, với sự trợ giúp của vô minh và tham ái, nghiệp là nhân tố dẫn đưa chúng ta xoay vòng trong tam giới từ vô thủy, vô chung: Vô minh duyên hành, hành duyên thức... thủ duyên (nghiệp) hữu, (nghiệp) hữu duyên sanh (Avijjāpaccayā saṅkhārā, saṅkhārapaccayā viññāṇam... upādānapaccayā bhavo, bhavapaccayā jāti). Trong Giáo Lý Tứ Thánh Đế (Ariyasacca), Ngài lại dạy rằng, nghiệp là nhân tố giúp chúng ta thoát khỏi tam giới. Nghiệp trong trường hợp này chính là Đạo Đế (Dukkhanirodhagāmini paṭipadā ariyasacca). Như vậy, nghiệp là một yếu tố vô cùng quan trọng; bằng cách nhìn vào nghiệp của một chúng sanh, chúng ta có thể ít nhiều biết được loại tương lai gì đang đợi chờ họ. Hơn nữa, quan điểm về nghiệp (kamma) của Phật giáo hoàn toàn khác với quan điểm về nghiệp của các tôn giáo khác: Đức Phật thuyết giảng về nghiệp mà không hề đụng đến khái niệm về một bản ngã trường tồn bất biến. Do đó, sở hữu tri kiến đúng đắn về nghiệp vô cùng hữu ích cho bản thân, đặc biệt là đối với hàng học Phật, tức là những ai đang hướng đến sự thoát ly luân hồi.

Tác phẩm "Luận Giải Về Nghiệp" này bao gồm hai phần:

1. Phần Một: Tử Và Tục Sinh, là bản dịch của tác phẩm "Kamma at Death and Rebirth", và
2. Phần Hai: Đời Sống Bình Nhật, là bản dịch của tác phẩm "Kamma in This Life – How it Arises and Gives Its Result".

Những nguyên tác này bao gồm những bài Pháp về Nghiệp (Kamma) do Sayadaw Dr. Nandamālābhivamsa thuyết giảng với những trích dẫn từ Kinh Điển Pāli và những ví dụ minh họa từ đời sống thực tiễn. Vốn là một trong số ít những bậc tinh thông Giáo Pháp của Đức Phật vào hạng bậc nhất ngày nay, Sayadaw Dr. Nandamālābhivamsa đã truyền gửi sự hiểu biết của mình vào các bài giảng với những phân tích và luận giải sâu sắc nhưng không kém phần thực tiễn và gần gũi, giúp cho thính giả và độc giả có được chánh kiến về sự vận hành của nghiệp để rồi có thể làm chủ nghiệp và dùng nghiệp vượt ra khỏi vòng sanh tử luân hồi.

Phước thiện này đã không thể được thành tựu viên mãn nếu không nhờ vào sự động viên, hỗ trợ và giúp đỡ nhiệt tâm của các vị thầy và của rất nhiều đạo hữu. Chúng tôi xin đặc biệt tri ân Sayadaw Dr. Nandamālābhivamsa đã cho phép chúng tôi sử dụng các nguyên tác và đã tận tâm giải đáp những thắc mắc của chúng tôi trong quá trình biên dịch. Ashin Ācāra, Ashin Javanadhamma và Ashin Candāsiri là những vị thầy và những người bạn tuyệt vời đã giúp chúng tôi tra cứu những chi tiết và những chú thích cần thiết cho việc biên dịch. Đạo hữu Thiện Tuệ đóng vai trò chính yếu trong việc đọc kỹ bản thảo và góp ý chỉnh sửa lời văn. Đạo hữu cũng là người trình bày bản thảo và là người đại diện chúng tôi liên hệ với nhà xuất bản và nhà in. Các đạo hữu Tâm Lan, Tuệ Phương, Tâm Hiền và Vũ Thị Châu Giang đã dành rất nhiều thời gian và công sức kêu gọi hùn phước và giúp lưu hành ấn phẩm đến tay độc giả. Chị Nguyễn Thị Hồng Nga đã dành thời gian quý báu xem qua bản thảo. Chúng tôi vô cùng tri ân sự quan tâm và hỗ

trợ quý báu của tất cả các đạo hữu. Chúng tôi cũng nhân dịp này gửi lời cảm ơn chân thành đến Tu nữ Phước Thủy và các Phật tử tại chùa Bửu Quang, Thủ Đức đã giúp chúng tôi dâng sách đến các tự viện cũng như phân phát sách đến các Phật tử tại Việt Nam. Chúng tôi cũng xin ghi nhận và tán dương công đức của tất cả các đạo hữu trong nước và hải ngoại đã đóng góp tinh tài hùn phước in ấn và vận chuyển tác phẩm đến tay độc giả. Nguyện cầu hồng ân Tam Bảo hộ trì cho các đạo hữu thân tâm thường an lạc và vững bước trên đường tu học.

Dầu cẩn thận đến mức nào, chúng tôi vẫn khó có thể tránh khỏi những sai sót trong quá trình biên dịch. Kính mong các bậc tôn túc trưởng thượng và độc giả lượng tình bỏ qua và chỉ bảo, chúng tôi sẽ tiếp nhận bằng sự tri ân.

Chúng tôi xin chia đều phần phước phát sanh từ việc thiện này đến thầy tổ, gia quyến và tất cả chúng sanh trong tam giới, đặc biệt là cố song thân của chúng tôi. Mong cầu phước thiện này hãy hộ trì cho tất cả luôn được an vui, có trí tuệ và tu hành tinh tấn chóng đến ngày giải thoát khỏi vòng sanh tử luân hồi.

Pháp Thí Thắng Mọi Thí (Sabbadānaṃ Dhammadānaṃ Jināti). Chúng tôi nguyện cầu do phước thiện này, quả vị Phật Chánh Đẳng Giác sẽ trở thành hiện thực cho chúng tôi trong ngày vị lai (Jminā puññakammena sammāsambuddho homi anāgate).

JTBMU, ngày 14 tháng 03 năm 2018

Pháp Triều

MỤC LỤC

--ooOoo--

Lời Nói Đầu	i
Mục Lục	iv
Tiểu Sử Của Sayadaw Dr. Nandamālābhivamsa	vii
PHẦN I: TỬ VÀ TỤC SINH	1
CHƯƠNG MỘT	
Kết Thúc Của Đời Sống.....	3
CHƯƠNG HAI	
Hiện Tượng Quay Lô Tô Tại Lúc Tử.....	10
CHƯƠNG BA	
Đối Tượng Cuối Cùng Của Đời Sống	14
CHƯƠNG BỐN	
Nghiệp (Kamma) Gieo Hạt Tại Lúc Tử.....	21
CHƯƠNG NĂM	
Không Có Danh Sách Chờ Đợi Đối Với Việc Tái Sanh ..	28
CHƯƠNG SÁU	
Tâm Tục Sinh (Paṭisandhi): Mỗi Nối Trong Vòng Luân Hồi (Saṃsāra)	36
CHƯƠNG BẢY	
U Ba Và Maung Hla: Cùng Là Một Người Hay Là Hai Người Khác Nhau?	41
CHƯƠNG TÁM	
Ai Đi Tục Sinh?	46

CHƯƠNG CHÍN

Làm Sao Chấm Dứt Nghiệp (Kamma)?54

CHƯƠNG MƯỜI

Du Hành Với Nghiệp (Kamma) Là Tấm Vé..... 64

PHẦN II: ĐỜI SỐNG BÌNH NHẬT 71

Giới Thiệu.....73

Nghiệp (Kamma) Trong Phật Giáo: Không Giống Với Những Quan Điểm Khác Về Nghiệp 79

CHƯƠNG MỘT

Nghiệp (Kamma) Là Nhân Của Hành Động..... 85

Nghiệp (Kamma) Sanh Lên Trong Tâm Như Thế Nào 85

Nghiệp (Kamma) Được Tích Trữ Ở Đâu 89

Động Lực Là Nghiệp (Kamma)..... 93

Tâm Sở Tư (Cetanā) Nào? Nghiệp (Kamma) Nào? 96

Tâm Quyết Định Đời Sống Của Chúng Ta 100

CHƯƠNG HAI

Nghiệp (Kamma) Là Hành Động Do Bởi Sự Thúc Đẩy 105

Nói Dối Được Thành Tựu Như Thế Nào.....105

Trong Việc Gây Ra Án Mạng: Ai Là Người Có Tội? 108

CHƯƠNG BA

Nghiệp (Kamma) Cho Quả..... 113

Sự Lập Lại Sẽ Cho Quả 113

Bạn Hay Thù 118

Nhìn Bằng/Với Sự Phản Chiếu Của Nghiệp
(Kamma) 121

Sáu Giọt Mật Cộng Với Một Giọt Dung Dịch Sắt ..123

CHƯƠNG BỐN

Các Yếu Tố Ảnh Hưởng Đến Nghiệp (Kamma)..... 127

Không Có Sự Đối Đãi Công Bằng 127

Bản Chất Tạo Nên Sự Khác Biệt130

Thành Công Và Thất Bại.....134

Chúng Ta Có Thể Tránh Được Quả Của Nghiệp (Kamma)
Xấu Không?138

Tài Liệu Tham Khảo.....142

Phương Danh Thích Chủ Hùng Phước Ấn Tống143

Địa Chỉ Phân Phối 147

TIÊU SỬ TÁC GIẢ

--ooOoo--

Tiêu Sử Của Sayadaw Dr. Nandamālābhivamsa

Sayadaw Dr. Nandamālābhivamsa sinh ra vào năm 1940 tại Sint-ky của Miến Điện. Ngài đã bắt đầu sự nghiệp học Phật của mình tại một tu viện ở Mandalay. Ngài xuất gia sa-di vào năm mười tuổi dưới sự hướng dẫn của Sankin Sayadaw tại Vipassanā Monastery (Tự Viện Minh Sát) rất có uy tín ở Sagaing Hills.

Vào năm mười sáu tuổi, ngài đã thi đậu bằng Dhammācariya (Pháp Sư), và ở tuổi 21, ngài đã vượt qua kỳ thi Abhivamsa cực kỳ khó khăn. Ngài đã tiếp tục theo học tại Sri Lanka và Ấn Độ, đạt được những bằng cấp cao hơn. Luận văn tiến sĩ của ngài là về giáo thuyết Giai-na Đạo trong văn học Phật giáo.

Sayadaw Dr. Nandamāla là một trong những vị sáng lập ra học viện lừng danh Mahāsubodhayon tại Sagaing Hills. Vào năm 2003, ngài thành lập Dhammavijjālaya (Trung Tâm Nghiên Cứu Phật Giáo), sát cánh cùng với Mahāsubodhayon trong việc hỗ trợ những sinh viên ngoại quốc nghiên cứu và thực hành những lời Đức Phật giảng dạy. Ngài cũng đã thành lập Institute of Dhamma Education (IDE), một trung tâm giảng dạy Phật giáo tại Pyin Oo Lwin. Từ lúc khánh thành vào năm 2013 cho đến nay, ngài đã mở các khóa học cho cả các sinh viên trong nước và ngoài nước. Một trung tâm nghiên cứu Phật học khác, Dhammavinaya Center, cũng đã được thành lập vào năm 2015.

Các khóa học cũng đã được tổ chức tại đây cho các tu sĩ và sinh viên từ năm 2016.

Song song với những hoạt động trên, Sayadaw Dr. Nandamāla cũng đang nắm giữ nhiều trọng nhiệm: trong số đó là chức vụ Hiệu trưởng của Sītagu International Buddhist Academy (Học Viện Phật Học Quốc Tế Sītagu) tại Sagaing Hills. Hơn nữa, sau khi International Theravāda Buddhist Missionary University (Trường Đại Học Truyền Bá Phật Giáo Nguyên Thủy Quốc Tế) được thành lập vào năm 1995, ngài đã là giáo sư thỉnh giảng của trường. Và ngài cũng đã là Hiệu trưởng của trường từ năm 2005 đến nay.

Sayadaw Dr. Nandamāla nỗ lực hoạt động với mục đích nâng đỡ và truyền bá giáo lý của Đức Phật cả trong nước Miến Điện cũng như trên thế giới. Từ năm 2003, ngài đã bắt đầu giảng dạy Thắng Pháp (Abhidhamma) tại châu Âu, Mã-lai và Singapore. Với vô số các bài giảng Pháp qua nhiều năm tại Miến Điện, ngài được quần chúng biết đến và yêu quý do cách giảng gần gũi, sống động và thực tế thông qua việc sử dụng các ví dụ thực tiễn hằng ngày. Ngài cũng là tác giả của nhiều tác phẩm bằng tiếng Miến Điện, tiếng Pāli và tiếng Anh.

Với kiến thức Phật học thâm sâu và kinh nghiệm trong việc giảng dạy, ngài đã được chính phủ Miến Điện ban tặng chức hiệu Aggamahāganthavācakapaṇḍita vào năm 1995 và chức hiệu Aggamahāpaṇḍita vào năm 2005.

Luận Giải Về Nghiệp

Phần I: Tử Và Tục Sinh

Bản Tiếng Anh của Venerable Sayadaw

Dr. Nandamālābhivaṃsa

(Kamma at Death and Rebirth)

Bản Dịch Tiếng Việt Của Pháp Triều

CHƯƠNG MỘT

Kết Thúc Của Đời Sống

Bất kỳ ai có sanh thì sẽ không tránh khỏi được việc phải đối diện với tử. Đức Phật đã dạy rằng: “Sanh duyên lão tử” (*Jāti paccayā jarā-marāṇa*). Nếu đã có sanh, thì sẽ có lão và tử vì lão và tử là kết quả của sanh. Du khách luôn luôn có đích đến cho đâu họ lái xe hay đi bằng máy bay, bằng tàu hỏa hoặc bằng thuyền. Bất kỳ họ đi đâu, về đâu, luôn luôn có điểm cuối của cuộc hành trình. Cũng giống như vậy, cuộc du hành của chúng ta trong đời sống này đã bắt đầu từ lúc chúng ta còn là một thai bào trong bụng mẹ. Không ai khác nhau cả, chúng ta sẽ phải kết thúc cuộc hành trình của đời sống vào một thời điểm nào đó trong tương lai. Hết kiếp sống này đến kiếp sống khác, mỗi kiếp sống chỉ là một tiến trình tạm bợ do bởi những nghiệp (*kamma*) khác nhau.

Ngay trên đường đến đây, tôi có chứng kiến cảnh một cô bé bị xe đụng. Thật trớ trêu là ngay vào lúc tôi lại đang trên đường đến đây để giảng về sự chết. Cô bé đó còn sống sót hay đã chết? Tôi không rõ.

Tại sao chết lại xảy ra? Cái gì là nguyên nhân và điều kiện của nó? Luận thư *Abhidhammatthasaṅgaha*¹ có trình bày bốn nguyên nhân:

1. Chết do hết tuổi thọ:

¹ ND: Theo chúng tôi được biết, có ít nhất ba bản dịch Việt của tác phẩm này: “Vi Diệu Pháp Toát Yếu” của cố cư sĩ Phạm Kim Khánh, “Thắng Pháp Tập Yếu Luận” của cố Hòa Thượng Thích Minh Châu và “Thắng Pháp Lý Nhiếp Luận” của Thượng Tọa Pháp Chất.

Loại thứ nhất là hết tuổi thọ (ayukkhaya¹). Nếu các bạn có đọc phần phân ưu trong các cột báo, các bạn sẽ tìm thấy rằng, thường trên 60 là hết tuổi thọ. Đó là lý do tại sao 75 năm được xem là tuổi thọ trung bình ngày nay. Tại sao như vậy? Vì khi đến 50 hoặc 60, người ta đã trở thành ông bà rồi.

Nhiều người thử đủ các loại thuốc men, đủ các chế độ ăn uống và đủ các phương pháp trị liệu để kéo dài đời sống. Nhưng tôi chưa từng nghe được một trường hợp nào là thành công cả. Thậm chí đến Đức Phật cũng chỉ sống đến 80 tuổi vào thời mà tuổi thọ là 100 năm. Nếu nương theo nghiệp (kamma)² của Ngài, Ngài đã có thể sống đến vô lượng năm. Tuy nhiên, do các điều kiện khí hậu (utu) và vật thực (āhāra) đương thời, tuổi thọ của Ngài đã không thể kéo dài như những vị khác. Cho nên, ở tuổi 80, Ngài đã nhập diệt (parinibbāna) do hết tuổi thọ.

Không có nhiều người có thể sống mãi tuổi thọ của mình; họ thường chết trước khi tuổi thọ chấm dứt.

2. Chết do nghiệp (kamma) đã mãn:

Trong một vài trường hợp, nghiệp (kamma) mà dẫn đến việc tái sinh làm người lại yếu đến mức nó không thể tiếp tục duy trì đời sống đó cho đến lúc mãn tuổi thọ³. Chúng ta hãy giả sử rằng tuổi thọ tự nhiên của một người là 100 năm. Nhưng người đó lại chết vào lúc mới khoảng hai mươi mấy tuổi. Lý do của việc này là vì nghiệp (kamma) hỗ trợ hay duy trì mạng sống của người đó đã mãn rồi. Nói một cách khác là nghiệp thiện của người đó (ND: tức là nghiệp mà dẫn chúng sanh đó đi tái sinh làm

¹ “Ayu” có nghĩa là tuổi thọ và “khaya” có nghĩa là sự cạn kiệt.

² ND: Tức là sanh nghiệp của Ngài.

³ Kammakkhaya, ND: Kamma có nghĩa là nghiệp và khaya có nghĩa là sự cạn kiệt.

người) chỉ cho phép người đó sống lâu chừng đó mà thôi, cho nên người đó phải chết yếu như vậy.

3. Chết do vừa hết tuổi thọ và vừa mãn nghiệp (kamma):

Một loại khác là ubhayakkhaya, với ubhaya có nghĩa là cả hai. Có một câu nói rằng: tim đèn và dầu đều hết. Khi cả hai đều cạn kiệt, thì ngọn lửa bị tắt đi. Tương tự, một người chết đi khi cả hai nghiệp (kamma) và tuổi thọ của người đó cùng cạn kiệt.

4. Chết do đoạn nghiệp (upacchedaka kamma):

Đoạn nghiệp (upacchedaka kamma) là nguyên nhân thứ tư, không cho phép đời sống được tiếp tục. Thay vào đó, nó cắt đi tuổi thọ trước khi đến thời, do bởi những nguyên nhân và điều kiện cụ thể nào đó. Nó có thể là chính nghiệp bất thiện của người đó đã tạo trong kiếp hiện tại này hoặc trong một kiếp quá khứ nào đó. Như vậy, do bởi đoạn nghiệp, chết có thể xảy đến cho người đó trong một tai nạn: bị tai nạn xe hoặc bị rơi máy bay, hoặc bị đắm tàu, hoặc bị cây đè trong cơn bão. Một người có thể tự kết liễu đời mình, tức là tự tử. Thông qua cách này hoặc cách khác, đoạn nghiệp cắt đứt đi sanh nghiệp (janaka kamma) mà vốn đã dẫn chúng sanh đó đi tái sanh làm người.

Chúng ta hãy lấy trường hợp ngài Moggallāna làm ví dụ: một bà-la-môn học thức trong kiếp sống đương thời, đã trở thành một bậc A-la-hán (Arahant) với nhiều loại thần thông. Mặc dầu ngài rất là tốt, nhưng nghiệp (kamma) quá khứ của ngài lại không tốt, vì đã có một lần trong kiếp sống quá khứ, ngài đã cố gắng sát hại cha mẹ của mình. Do đó, ngài phải đối diện với quả của ác nghiệp đó trong đời sống hiện tại của mình. Nếu ngài đã không trở thành A-la-hán (Arahant), ngài đã phải tái

sanh vào địa ngục trở lại. Bị đánh đập cho đến chết thay vì phải tái sanh vào địa ngục trở lại: Điều này giống như tội với án mười năm ở tù đã được giảm án xuống còn chỉ có một năm.

Chúng ta có thể cho rằng đây là đoạn nghiệp. Nghiệp bất thiện (akusala kamma) này cắt đứt đi đời sống của ngài vốn đã được tạo ra do một nghiệp thiện (kusala kamma). Chúng ta cũng có thể phân tích hay nhìn nhận vấn đề này theo một cách khác: tuổi thọ của ngài đã gần mãn. Nếu những tên trộm không giết ngài, ngài vẫn sẽ phải chết vào ngày đó. Nếu trường hợp này là đúng thì đó không thể được gọi là đoạn nghiệp (upacchedaka kamma), mà chỉ là chướng nghiệp (upapīlaka kamma), tạo nên sự đau khổ và những thương tích cho ngài. Tuy nhiên, đây chỉ là giả thuyết của riêng tôi.

Rồi theo ngài Ledi Sayadaw, chết do bệnh tật cũng có thể được bao gồm trong loại chết do đoạn nghiệp (upacchedaka maraṇa). Trước khi tuổi thọ có thể được chấm dứt, một cơn bệnh nào đó¹ tạo nên cái chết do bởi quả của nghiệp (kamma vipākaja). Trường hợp này được xem là chết do đoạn nghiệp vì tuổi thọ của người này

¹ Bệnh tật không nhất thiết là chỉ do nghiệp (kamma) tạo ra. Có những bệnh tật do gió tạo ra (vātasamuṭṭhāna). Bệnh tật sanh lên có thể do đàm (semhasamuṭṭhāna) cũng như do mật (pittasamuṭṭhāna). Những thay đổi về thời tiết cũng có thể dẫn đến bệnh tật (utuviparināma). Hoặc nó cũng có thể là do thái độ bất cẩn hoặc sự chữa trị thái quá (visamaparihāra). Bệnh tật cũng có thể có từ sự nỗ lực tinh cần và rắng sức, hoặc thông qua sự tra tấn, các tai nạn, hoặc ảnh hưởng của phi nhân (opakkamika). Do sự kết hợp của hai hoặc ba yếu tố gió, đàm và mật, bệnh tật có thể xảy ra (sannipāta). Sau cùng, các bệnh tật sanh lên do quả của nghiệp (kammavipākaja). Để hiểu thêm về tám yếu tố tạo nên bệnh tật, hãy đọc bài kinh Sīvaka (Sīvaka Sutta) trong Tương Ứng Bộ Kinh (Saṃyutta Nikāya) – Tương Ứng Thọ (Vedanāsaṃyutta).

chưa mãn hoàn toàn. Hơn nữa, nghiệp (kamma) của người đó chưa cạn kiệt. Trong trường hợp này, chúng ta có thể tìm thấy nhiều ví dụ về loại chết như vậy.

Vào lúc sự chết xảy ra

Điều diễn ra lúc bấy giờ là tim trở nên yếu đi. Đồng lực cận tử (maraṇāsanna javana) sanh lên ngay trước khi chết bắt một cái gì đó làm đối tượng, chẳng hạn như cảnh sắc hoặc cảnh thanh. Hoặc một cảnh sắc xuất hiện tại ý môn như trong giấc mơ. Tâm chìm vào nó, hướng về nó với tham ái (taṇhā). Hoặc tâm trở nên bối rối hoặc lo âu với sợ hãi. Rồi tâm tử (cuti citta) sanh lên. Cùng lúc đó, sắc pháp do nghiệp tạo diệt đi, không còn sanh lên nữa. Khi điều này xảy ra thì một kiếp sống được xem là đã kết thúc.

Hiện tượng tim ngừng đập không đủ để kết luận rằng người đó đã chết. Khi ngủ say, tâm thức vẫn còn đó vì hơi thở ra vào được nó điều khiển. Đối với những người bất tỉnh, hơi thở có thể rất là vi tế đến mức có thể không ghi nhận được.

Như vậy làm sao có thể quyết định là một người thật sự đã chết? Các bạn không nên kết luận rằng chết xảy ra chỉ vì tim đã ngừng đập. Thậm chí khi không có nhịp tim hoặc không có hơi thở, chúng ta cũng không thể chắc rằng người đó chắc chắn là đã chết. Ông ta có thể là bất tỉnh. Theo kinh điển (Piṭaka), một người được xem là chết chỉ khi ba yếu tố sau có mặt đầy đủ:

- Āyu: thân và tâm được bảo vệ bởi mạng quyền (jīvita). Tại lúc tử, mạng quyền diệt đi.

- Usmā: Hỏa đại (tejo) do nghiệp tạo, tạo nên hơi ấm của cơ thể, không còn được tạo ra nữa vào lúc tử. Hỏa đại được tạo ra trước lúc tử thì vẫn có thể còn tồn tại.

• *Viññāṇa*: Mọi tâm, kể cả tâm hữu phần (*bhavaṅga*¹), tức là tâm duy trì sự diễn tiến của dòng tâm thức, đều ngừng lại.

Chỉ khi nào ba yếu tố này dừng lại hoàn toàn thì chết mới được xem là xảy ra. Giả định rằng một người đã chết chỉ vì ông ta ngừng thở có thể dẫn đến nhiều vấn đề. Tôi có nhớ khi còn nhỏ, tôi có đọc trong báo về một người ở Bangladesh đã bị bác sĩ tuyên bố là chết sau khi dùng dụng cụ kiểm tra xem hơi thở của ông có còn không. Vì ông ta là người của một tôn giáo khác, điều đó có nghĩa là việc chôn cất phải được thực hiện trong ngày. Mộ của ông đã không được lấp kỹ. Nếu lúc đó thân xác của ông bị đem đi thiêu, thì chắc mọi việc đã an bài. Năm giờ sau khi bị chôn, ông đã tỉnh dậy. Vì ông còn trẻ, cho nên, ông đã có đủ sức mạnh đẩy hết lớp đất lấp trên mình và leo ra khỏi mộ. Khi ông bước vào nhà, gia đình đã hoảng sợ nhìn thấy ông. Họ đã thấy ông bị chôn cất như là một xác chết. Bây giờ ông quay lại, họ chỉ có thể nghĩ rằng ông là ma quỷ. Cuối cùng thì gia đình ông đã kiện vị bác sĩ, người mà đã tuyên bố rằng ông đã chết.

Một sự kiện tương tự đã xảy ra tại Mandalay cách đây khoảng bốn hoặc năm năm. Một cô bé người Trung Quốc đã được tuyên bố là chết. Người ta cũng đã tiến hành việc mai táng cho cô. Khi xe tang vừa đến cửa nghĩa trang, cô đột nhiên tỉnh dậy. Tuy nhiên, do vì cô bị xem là mang lại xui xẻo, cô đã không được cho phép về lại nhà. Một ngôi lều nhỏ đã được dựng lên cho cô gần nghĩa trang. Vì lý do này, trong quá khứ người ta thường giữ xác chết lại trong bảy ngày. Ngày nay, nếu chết hôm nay thì việc mai táng hay thiêu xác sẽ được thực hiện vào ngày mai. Một người xui xẻo có thể bị đưa vào nhà xác. Rồi nếu tỉnh dậy và gây ra tiếng động, người đó có thể bị

¹ *Bhava* = sự sống; *aṅga* = nguyên nhân, yếu tố

hiếu nhằm là ma quỷ và cuối cùng là bị đập đến chết.

Một lần nọ, có một câu chuyện kể về một ông lão trong một ngôi làng. Ông đã chết và đang được chuẩn bị chôn cất. Ông được tạm thời đặt vào một cái huyệt: một vài cuốc đất đã được rải lên người ông. Tuy nhiên, ông đã tỉnh dậy và xin nước uống. Thay vì giúp ông, mọi người đã đánh ông cho đến chết và rồi chôn cất ông.

Nếu chúng ta suy ngẫm rằng sự hiện hữu là do nghiệp (kamma), thì chúng ta có thể cảm giác được một chút an ủi nào đó khi nghe những câu chuyện như vậy.

CHƯƠNG HAI

Hiện Tượng Quay Lô Tô Tại Lúc Tử

Tại nơi quay lô tô trúng thưởng, các bạn sẽ thấy một máy quay chứa có đựng bên trong những quả bóng tròn nhỏ mang những con số. Khi máy quay vòng vòng, chúng ta chẳng thể nào biết được quả bóng nào sẽ rơi vào đường ra. Cũng theo cách đó, trong vô vàn những nghiệp (kamma) mà chúng ta đã tạo, chúng ta không thể nói hoặc đoán được nghiệp nào sẽ dành được cơ hội cho quả đưa chúng ta đi tái sinh vào kiếp kế đến. Chúng ta đã tích lũy rất nhiều nghiệp thiện và nghiệp bất thiện. Bất kỳ nghiệp nào trong số chúng đều có cơ hội tạo quả tại lúc cuối cuộc đời. Đối với phàm nhân, không có gì là nhất định cả. Chỉ đối với vị Nhập Lưu (Sotāpanna), chúng ta mới có thể đoán chắc được vì những cửa xuống đọa xứ đã được đóng lại đối với vị đó.

Tại thời điểm tử, một trạng thái tâm thức nào đó sẽ chế ngự tâm trí của chúng ta, làm cho nó trở nên đen tối hoặc là trong sáng. Nếu đó là sự ảnh hưởng của bất thiện (akusala), tâm trí sẽ tối mờ đi. Rồi đời sống kế tiếp trở nên đen tối. Nếu đó là trong sáng, thì đời sống kế tiếp cũng sẽ trở nên trong sáng. Đối với người có phương tiện mưu sinh là đã sát hại sinh vật bằng súng và chó, thì lúc cận tử, ông ta có thể mơ thấy rằng ông đang dùng súng săn đuổi một con vật cùng với những con chó của mình. Cảm giác của ông ta lúc đó sẽ là gì? Nó không phải là một cảm giác an bình phải không? Chết đi với một tâm trí như vậy thật là khủng khiếp cho kiếp sống kế liên sau đó.

Tuy nhiên, không có gì là chắc chắn cả. Không chắc chắn rằng nếu chúng ta đã phạm tội sát sanh (hoặc phạm vào các giới điều) thì chúng ta sẽ rơi vào đọa xứ (apāya).

Tại Miến Điện, có câu chuyện về một người thợ săn nhưng lại tái sinh làm người. Một số người khác tuy cúng dường rất nhiều (dāna) và xây dựng nhiều chùa chiền cao lớn và trì giữ giới hạnh (sila), nhưng lại tái sinh vào đọa xứ lúc chết.

Đối tượng cuối cùng mà chúng ta nhận bắt ngay trước khi chết có tính quyết định. Nó có thể là do nghiệp (kamma) quá khứ được làm mới lại tại ngay thời điểm đó. Bên cạnh nghiệp (kamma) được làm mới, còn có nghiệp (kamma) được tích lũy tức thời. Nghiệp (kamma) mới này được thực hiện ngay trước lúc tử. Ví dụ, một người bạn mang hoa đến tặng chúng ta. Chúng ta chết đi nhìn bắt những bông hoa này làm đối tượng. Chúng ta cũng có thể nghe kinh tụng đọc và bắt việc đó làm đối tượng sau cùng trước khi chết.

Một lần nọ, khi Đức Phật đang giảng Pháp gần một bờ hồ, một con cóc đã nhảy lên bờ lắng nghe. Mặc dầu nó không thể hiểu ý nghĩa của bài Pháp, nhưng nó có thể cảm nhận được rằng âm thanh đó được gửi truyền với tâm bi mẫn, chứ không phải với lòng sân hận. Chỉ với sự lắng nghe như vậy, nó đã có được một tâm trí trong lành và đầy an vui. Một người chăn bò đi ngang qua vô tình chống cây gậy lên người của nó. Nó chết đi và tái sinh làm một thiên nhân do bởi kết quả của tâm trí trong lành đó. Vị thiên nhân nhận ra rằng kiếp trước mình đã là một con cóc. Vị đó ngay lập tức xuống trần đến gặp Đức Phật và thỉnh Ngài thuyết Pháp cho mình nghe. Với tư cách là một thiên nhân nghe Pháp vào lúc đó, vị đó đã chứng đắc đạo quả Nhập Lưu (Sotāpanna).

Hoàng hậu Mallika, vợ của vua Kosala, đã tái sinh vào địa ngục Avici trong một thời gian ngắn do bởi vào lúc gần chết bà đã cảm thấy bất an, ân hận rằng bà đã một lần lừa dối nhà vua. Rồi có một tu sĩ vào thời của

Đức Phật có nhận những bộ y mới do người chị dâng tặng. Vị đó đã giữ chúng bên mình với ý định sẽ mặc chúng vào ngày mai. Đêm hôm đó, vị đó đã ngã bệnh và qua đời, với tâm ý mong muốn được mặc những bộ y đó. Do đó, vị đó đã tái sinh làm một con rận trong những bộ y mặc đầu vị đó đã có thực hành thiên hơn 50 năm.

Nghiệp (kamma) mới được tạo ra lúc gần chết là nghiệp cận tử (*āsanna kamma*), và nếu như không có trọng nghiệp (*garuka kamma*) nào cản đường thì đối tượng của nghiệp cận tử có thể được thay đổi. Do đó, thời điểm này là cực kỳ quan trọng.

“Ông đã cất những phiếu tài khoản ngân hàng ở đâu?” Chúng ta không nên hỏi câu hỏi này. Chúng ta cũng không nên hỏi người gần chết rằng: “Ông muốn giao chiếc nhẫn này cho ai?” hoặc “Những vật đó ông đã cầm tại tiệm cầm đồ nào?” Nếu những câu hỏi đó được đưa ra, người đó sẽ khó có được một cái chết an bình.

Có một câu chuyện về một phụ nữ tốt bụng, trì giữ giới hạnh (*sīla*) và luôn luôn dâng tặng nước uống cho những du khách. Bất hạnh thay cho bà vào lúc cận tử, hình ảnh con cái khóc than bên giường đã làm cho bà không an vui. Mặc dầu bà đã làm nhiều việc bố thí (*dāna*) trong đời sống của mình, bà được ghi nhận là đã tái sinh làm một phi nhân thấp kém (*ma quý*).

Thay đổi nghiệp lúc cận tử

Nghiệp cận tử (*āsanna kamma*) cho quả vào kiếp sống kế tiếp nếu nó được thực hiện vào lúc cận tử. Nó giống như một người già ngồi ngay gần cửa lên xuống của xe buýt (ở đây là cái chết). Ông ta là người bước xuống đầu tiên, chứ không phải những người ngồi ở xa bên trong xe buýt. Cũng theo cách đó, vì nghiệp cận tử (*āsanna*) xảy ra ngay trước lúc chết, nó có quyền ưu tiên.

Ngài Sona của vùng Anuradhapura có một người cha vốn từng là một thợ săn. Vào lúc về già, ngài đã thuyết phục ông trở thành tu sĩ. Lúc gần chết, người cha đã có những giấc mơ kinh hãi là bị chó rượt đuổi. Ông la hét lên rằng: “Hãy cứu tôi! Quá nhiều chó đang rượt đuổi tôi!” Ngài Sona hiểu rằng cha của mình sẽ tái sinh vào đọa xứ. Cho nên, ngài đã đưa cha mình đến chùa để ông dâng cúng hoa và đèn đến Đức Phật. Ngài hướng dẫn cha mình hãy đánh lễ Đức Phật và bảo ông đừng sợ hãi nữa vì hiện tại ông đang ở một nơi an toàn. Giấc mơ của người cha đã thay đổi. Bây giờ ông lại thấy nhiều thiên nhân xinh đẹp hiện đến lúc ông qua đời. Như vậy, ông đã tái sinh về thiên giới.

Có một câu chuyện trong sử giải về một người đánh cá ở Tích Lan (Sri Lanka) lúc gần chết. Một vị A-la-hán (Arahant) do lòng bi mẫn đã đến gặp ông và đã thấy rằng lúc chết ông sẽ tái sinh vào đọa xứ (apāya). Do đó, vị A-la-hán (Arahant) đã khuyên ông, lúc đó đang gần chết, nên quy y Tam Bảo và thọ trì ngũ giới. Mặc dầu đang trong cơn đau đớn, ông đã nghe theo và lập lại theo lời hướng dẫn của vị tu sĩ. Sau khi đọc xong câu “Tôi đi đến Tăng chúng làm nơi nương nhờ” (Saṅghaṃ saraṇaṃ gacchāmi), ông đã qua đời. Sau khi tái sinh làm một thiên nhân địa cầu, ông đã rất hạnh phúc vì đã được cứu thoát khỏi việc tái sinh vào khổ cảnh (apāya). Vị thiên nhân lúc bấy giờ đã hiện ra gặp vị A-la-hán (Arahant) và bạch với ngài rằng, nếu ông được hướng dẫn thọ trì thêm ngũ giới, thì ông đã có cơ hội tái sinh lên một cảnh giới cao hơn.

Tuy nhiên, nếu người đó chưa tẩy trừ phiền não (kilesa) để trở thành vị Thánh Nhập Lưu (Sotāpanna), thì đó chẳng qua chỉ là một sự trốn thoát tạm thời. Cửa xuống các đọa xứ vẫn luôn luôn mở rộng cho ông ta.

CHƯƠNG BA

Đôi Tượng Cuối Cùng Của Đời Sống

Năm vừa rồi, tôi có gặp một cô y tá từ Hoa Kỳ, người đã chăm sóc cho những bệnh nhân gần chết tại những bệnh viện lớn. Cho nên, cô đã chứng kiến nhiều cách chết khác nhau. Có người mất đi sau những cơn vật vã chống lại cái chết. Có người vùng vẫy chống cự. Rồi có những người mất đi với mắt trợn trừng trong sợ hãi dường như là họ đang nhìn thấy cái gì đó đáng kinh sợ. Có những người mất đi với những nụ cười nhẹ nhàng. Như vậy, cô y tá này đã tận mắt chứng kiến mọi người qua đời theo những cách khác nhau. Cô đã hỏi tại sao như vậy.

Tôi đã giải thích rằng, tùy thuộc vào đối tượng vốn có liên quan đến nghiệp (kamma) mà người đó nhận bắt ngay trước khi chết, biểu cảm của người đó sẽ hiển lộ ra sự ảnh hưởng của nó đối với ông ta. Nếu nó là một đối tượng gì đó hài lòng, an vui, ông ta sẽ chết với nụ cười trên môi. Nếu nó là một thứ gì đó đáng sợ, ông ta sẽ chết vật vã với một gương mặt méo mó hoặc nhăn nhó.

Thường thì tại thời điểm như vậy, một trong những điều mà ông ta đã thực hiện (kamma) trong quá khứ cho đến nay, tức là một trong những hành động đó, sẽ sanh lên giống như một cái bóng chế ngự hoặc áp đảo tâm trí của ông ta.

Cách nghiệp (kamma) tạo sinh ra kết quả của nó

Nghiệp (kamma) là một hoạt động tinh thần; xong việc của mình, nó biến mất mãi mãi. Mỗi ngày, chúng ta tích lũy nghiệp (kamma) – tốt và xấu – tất cả mọi trạng thái tinh thần chỉ xảy ra nhất thời và tại từng thời điểm.

Nhưng năng lượng của nó lại là tiềm ẩn. Làm thế nào hiểu được tính tiềm ẩn này? Nếu chúng ta cắt xẻ hạt xoài ra, chúng ta không thể tìm thấy rễ, lá và những bộ phận khác của cây xoài. Mặc dầu lửa không có tồn tại trong cái hộp quẹt, nhưng sự tiềm ẩn của nó lại có trong đó – giống như sự tiềm ẩn của cây xoài trong hạt xoài vậy. Cũng vậy, khi chúng ta còn nhỏ, chúng ta không thể viết A, B, C được... Rồi chúng ta được học bảng chữ cái tại trường tiểu học. Kiến thức đó không bị mất lạc đi. Phẩm chất hay giá trị đó được lưu giữ lại, bởi nếu không, làm sao chúng ta có thể tiếp tục phát triển hoặc nâng cao việc học hành của chúng ta được? Nghiệp (kamma) thì giống như phẩm chất hay giá trị đó vốn không phải là vật chất và không thể nhìn thấy được.

Giả sử chúng ta tức giận một ai đó hoặc với một việc gì đó, và chuyện này lặp đi lặp lại nhiều lần. Cứ mỗi lần, cơn giận sẽ tan biến đi bởi vì nó không thể tồn tại mãi mãi do bởi bản chất sanh diệt của nó. Tuy nhiên, năng lượng của nó lại được duy trì như là một phẩm chất trong tiến trình tâm thức của chúng ta. Đó là cách nghiệp (kamma) nằm tiềm ẩn.

Phẩm chất hay giá trị tinh thần này khá là kỳ quặc. Những ý tưởng mang tính thói quen thường xảy ra khi chúng ta nằm xuống. Khi các bạn chỉ có một mình, những loại suy nghĩ mang tính thói quen nào sanh lên? Những ý tưởng hiện ra lặp đi lặp lại, trở thành một khuynh hướng. Ví dụ, chúng ta ghét bỏ một ai đó. Đôi lúc, chúng ta nghĩ rằng chúng ta sẽ không bao giờ nghĩ về người đó. Nhưng những suy nghĩ như vậy lại quay trở lại nhiều lần. Nó bắt đầu trở thành thói quen.

Cho nên, từ đó, nghiệp (kamma) dần dần trưởng thành trong dòng tâm thức của chúng ta, đợi chờ cơ hội để xuất hiện. Nó có thể tạo sinh ra kết quả của mình,

thậm chí là sau một thời gian rất dài, ví dụ như khi chúng ta đang nằm trên giường chết. Những trạng thái mang tính thói quen như vậy của chúng ta sẽ xuất hiện, ví dụ như sự tức giận. Chúng ta sẽ mơ thấy rằng chúng ta đang giận dữ với người đó. Hoặc chúng ta nhớ lại một việc gì đó mà chúng ta đã làm cách đây lâu lắm rồi – tức là đã bị lãng quên cho đến lúc này. Nó xuất hiện trong tâm trí của chúng ta như một giấc mơ vào lúc cận tử.

Ba đối tượng

Vào lúc cận tử, một đối tượng hiện ra tại một trong sáu môn. Chúng ta nghe hoặc thấy đối tượng đó, có thể là đối tượng được khao khát hoặc không được khao khát. Nhưng điều này không giống như những lúc thường ngày, vì vào lúc cận tử, chính nghiệp (kamma) tạo ra đối tượng này. Nó có thể là một trong ba đối tượng sau:

1. Nghiệp (kamma)

Trong khối khổng lồ bao gồm những nghiệp (kamma) đã được tích lũy trong chúng ta, chỉ một nghiệp chín mùi xuất hiện. Vì nó thuộc vào quá khứ, cho nên nó chỉ hiện ra trong tâm mà thôi. Do sức mạnh hay nghiệp lực nó sở hữu – trong sạch hoặc ô nhiễm – vốn không thể điều khiển hoặc tránh khỏi được – nó áp chế hoặc chế ngự dòng tâm thức, thậm chí đối với người đang nằm hôn mê. Nó là sự gợi nhớ lại một cái gì đó đã được thực hiện trong quá khứ.

Chúng ta hãy lấy ví dụ một người thợ săn đã sát hại thú vật trong nhiều năm. Ông ta có thể mơ thấy việc săn đuổi và giết các con thú. Một hành giả có thể mơ thấy đang hành thiền trong thiền đường. Nếu chúng ta có thói quen thường hay tức giận, chúng ta có thể mơ thấy đang tranh cãi với ai đó. Tâm trí trở nên tức giận vì chúng ta

đang sống lại những gì chúng ta đã từng trải nghiệm qua trước đây.

2. Nghiệp tướng (kamma nimitta)

Đây là đối tượng được trải nghiệm khi nghiệp (kamma) được thực hiện trong quá khứ. Nó cũng có thể là thuộc vào nghiệp (kamma) hiện tại. Đối với đối tượng thuộc về quá khứ, nó chỉ hiện ra tại ý môn. Còn đối tượng hiện tại thì có thể hiện ra tại bất kỳ một trong sáu môn. Hình ảnh Phật, bông hoa và nhang đèn, người mà chúng ta đang tranh cãi, vũ khí được sử dụng hoặc con thú đang bị săn đuổi: những đối tượng này, hoặc quang cảnh xung quanh, chẳng hạn như thiên đường, tức là những thứ có liên quan đến hành động hay nghiệp của chúng ta được gọi là nghiệp tướng (kamma nimitta).

3. Thú tướng (gati nimitta)

Thú tướng là cảnh hiện tại, nó xuất hiện tại một trong sáu môn, trình bày ra hoặc cho biết nơi tái sinh. Chúng ta có thể thấy với chính mắt mình một ngạ quỷ xấu xí, kêu gọi và tiến gần đến chúng ta, chứ không phải tiến gần đến ai khác. Đó là lý do tại sao chúng ta la hét lên: “Cứu tôi! Cứu tôi! Nó muốn quăng tôi vào đồng lửa!” Hoặc chúng ta thấy một người bạn đến dắt chúng ta vào một tòa nhà xinh đẹp. Tức là vào lúc đó, vào lúc gần chết, chúng ta đang được cho xem trước nơi đến của mình. Thú tướng (gati nimitta) này thường xuất hiện dưới dạng một cảnh sắc.

Theo kinh điển, nếu các bạn thấy chỉ có một mình trong rừng sâu thì các bạn sẽ tái sinh làm ma đói (peta). Nếu các bạn thấy kinh sợ, bị vây quanh bởi lửa nguy hiểm thì các bạn sẽ tái sinh vào địa ngục. Đối với ai sẽ tái sinh vào địa ngục, lửa địa ngục và những con chó đen to lớn có thể hiện ra cho người đó. Những chúng sanh dị

hình có thể xuất hiện lôi kéo người đó đi. Ông ta chắc chắn sẽ chết vầy vùng, tròn trảng tròn tròn trong mắt – tức là hải hùng với cái chết. Nếu các bạn nhận thức rằng các bạn đang ở giữa những thú vật như ngựa, chó hoặc trâu bò, các bạn sẽ tái sanh làm súc sanh.

Rồi nếu các bạn thấy mình bước vào một ngôi nhà xinh đẹp với vườn tược, các bạn sẽ tái sanh vào một gia đình giàu sang. Mặt khác, nếu các bạn bước vào một túp lều, điều đó có nghĩa là các bạn sẽ tái sanh vào một gia đình nghèo nàn. Một vài người thấy quang cảnh tuyệt đẹp. Điều đó cho thấy rằng họ sẽ tái sanh vào thiên giới hoặc cõi nhân loại. Người chắc chắn tái sanh vào thiên giới có thể sẽ thấy các thiên nhân đến mời ông ta vào những cỗ xe. Hoặc ông ta có thể thấy mình đi đến một khu vườn với một tòa lâu đài. Giống như là ông ta đã đến chứng kiến nơi tái sanh của mình. Cho nên, đây là sự tiếp nhận hay sự ghi nhận về kiếp sống kế tiếp.

Những cỗ xe dành cho Dhammika

Do bị bệnh trầm trọng, cận sự nam Dhammika lúc bấy giờ sắp qua đời. Các tu sĩ được mời đến để tụng đọc kinh kệ cho ông nghe. Trong lúc ông đang nằm lắng nghe kinh kệ, các thiên nhân (deva) với các cỗ xe đã hiện đến trước nhà ông từ sáu cõi trời dục giới. Các thiên nhân đã gọi mời ông: “Hãy theo chúng tôi về cõi trời của chúng tôi.” Họ tranh giành với nhau, chào mời như những người lái xe khách hoặc những người lái xe ngựa tại ga tàu.

Dhammika đã bảo với họ rằng: “Khoan đã. Hãy chờ đợi một chút.” Ông đã thật sự thấy họ và nghe những lời chào mời của họ.

“Hãy chờ đợi một chút. Hãy đợi đã.”

Khi nghe những lời này, các tu sĩ đã bảo nhau rằng:

“Ông ta muốn chúng ta ngưng tụng.” Cho nên, các vị đã ngưng tụng đọc kinh kệ. Vào ngay lúc đó, Dhammika chợt bất tỉnh. Chỉ sau khi các tu sĩ đã rời nhà của mình, ông mới tỉnh lại. Ông nhìn thấy mọi người trong gia đình đang khóc, nên mới hỏi: “Tại sao mọi người đang khóc?”

“Thưa cha, mới lúc vừa rời trong khi nghe Pháp, cha đã yêu cầu các tu sĩ mà cha đã mời đến tụng đọc rằng: ‘Xin hãy ngưng lại. Xin hãy đợi một chút.’ Cho nên, các vị đã quay về rồi ạ.”

“Cha đâu có nói với các vị tu sĩ đâu. Ở phía trên kia, những cỗ xe từ các tầng trời vừa mới đến để đón cha đó. Các con không thấy sao?”

Nhưng chẳng ai thấy gì cả. Họ nghĩ là cha của họ đang bị chứng ảo giác. Nhưng ông thì lại có thể thật sự thấy những cỗ xe đó bằng chính mắt của mình.

Hiểu rằng cõi trời Đâu Suất (Tusitā) là tốt nhất vì đó là nơi các vị Bồ-tát (Bodhisatta) cư ngụ, Dhammika đã yêu cầu người trong nhà đưa cho ông một vòng hoa. Ông đã ném nó vào cỗ xe đến từ cõi trời Đâu Suất (Tusitā). Những người trong gia đình của ông đã chỉ thấy vòng hoa treo lơ lửng giữa không trung mà không thấy cỗ xe nào cả. Đó là thú tướng (gati nimitta), vốn chỉ có thể nhìn thấy được bởi chủ nhân của nghiệp (kamma) đang cho quả đó mà thôi.

Cho nên, giống như một bóng che bao trùm lên tâm trí, một trong ba đối tượng này tự thị hiện ra khi người đó qua đời.

Chuẩn bị trước

Vì đối tượng được bắt ngay trước khi tử có tính quyết định, chúng ta ít nhất nên cố gắng chuẩn bị trước để có được một cái chết an vui, không lo lắng trong suốt

những giây phút cuối cùng đó. Chúng ta nên có sẵn trong tâm mình Pháp bảo để nương tựa vào. Để chúng ta có thể sẵn sàng quán tưởng hoặc suy nghiệm về tất cả các nghiệp thiện của mình, chúng ta nên tạo dựng hay nên trau dồi thói quen đó ngay từ trước.

Để đảm bảo cho cuộc hành trình của mình trong đời sống được ngay thẳng, chúng ta nên cố gắng hướng tâm mình về các thiện hạnh trong đời sống hằng ngày. Chúng ta chuẩn bị trước bằng cách làm thãm nhuần tâm trí của chúng ta với Pháp bảo. Suy nghiệm về Pháp bảo và gìn giữ giới hạnh trong sạch – bằng cách đó, chúng ta sẽ chào tạm biệt kiếp sống này một cách đầy an vui.

CHƯƠNG BỐN

Nghiệp (Kamma) Gieo Hạt Tại Lúc Tử

Chẳng khác gì quả chứa hạt, rất nhiều nghiệp (kamma) được tích lũy trong chúng ta. Tuy nhiên, nói chung, không phải tất cả các hạt đều có thể phát triển thành cây. Một phần lớn trở thành thực phẩm cho loài người. Súc vật cũng tiêu thụ đi một ít. Thậm chí có nước và đất tốt, nếu nhiệt độ quá cao hoặc quá thấp, các hạt giống này vẫn không thể mọc lên được. Chỉ khi nào các điều kiện thuận lợi và đúng mực kết hợp lại với nhau, chúng mới có thể nảy mầm. Rất nhiều yếu tố cần phải có. Đối với nghiệp (kamma) cũng giống như vậy. Nghiệp (kamma) không thể tự hoạt động một mình để tạo sinh ra đời sống mới. Nghiệp (kamma) mới được tích lũy phải nằm tiềm ẩn trong dòng tâm thức, đợi đến lúc chín muồi theo thời gian giống như quả với hạt vậy. Chỉ khi nào được duyên bởi hai phiền não chính, tham ái (taṇhā) và vô minh (avijjā), thì nghiệp (kamma) mới chín muồi, tức là mới cho quả.

Đức Phật dạy rằng, chính tham ái (taṇhā) là thứ tạo sanh ra sự tái hiện hữu¹. Do bởi tham ái hay sự dính mắc, sự sống lại xảy ra: taṇhā ponobbhavikā². Giống như sức nóng là bản chất của lửa, bản chất của tham ái (taṇhā) là tận hưởng, là thỏa thích và là bị dính mắc. Nó thỏa thích trong ái dục (nandirāga). Bất kỳ nơi nào tham ái (taṇhā)

¹ Yāyaṃ taṇhā ponobbhavikā nandirāga sahaḡatā tatra tatra bhinandinī (Trong kinh Chuyển Pháp Luân (Dhammacakka Sutta)).

² Puna = lặp đi lặp lại; bhava = đời sống hay sự hiện hữu; ika = tạo ra, sinh ra. Cho nên, ponobbhava có nghĩa là một sự hiện hữu mới hay một đời sống khác.

tồn tại hay hiện hữu, nó tận hưởng tại đó. Trong một vài bài kinh (sutta), Đức Phật gọi nó là bhavanetti, tức là thứ dẫn đến sự phục hồi lại đời sống hay sự khôi phục lại đời sống hay sự tiếp tục của sự sống. Tuy nhiên, một mình tham ái (taṇhā) không thể làm được việc đó.

Nó cần vô minh (avijjā) che giấu đi bản chất thật của đối tượng để chúng ta không thể thấy được những khuyết tật của nó. Đức Phật đã giải thích rằng vô minh (avijjā) làm chướng ngại¹, dẫn đến việc thay vì thấy bản chất thật của đối tượng, chúng ta lại thấy theo những cách khác. Điều này giống như nhìn một bức hình phong cảnh chụp toàn cảnh và nghĩ rằng nó là thật. Vô minh (avijjā) có thể ngụy hình một đối tượng xấu xí thành đẹp, tốt hoặc an lành. Bằng cách che phủ đi khía cạnh xấu xa của đối tượng, thứ phiền não (kilesa) này ngăn không cho chúng ta thấy được những hiểm nguy của nó. Và kết quả là chúng ta sẽ thấy cái xấu là tốt và ngược lại. Tuy nhiên, vô minh (avijjā) không che phủ toàn bộ tất cả những gì là sự thật. Vì lý do này, Đức Phật đã dạy rằng nó chỉ che phủ một phần mà thôi và làm cho việc nhìn ra được sự thật vô cùng khó khăn².

Cách thức vô minh (avijjā) và tham ái (taṇhā) hoạt động cùng nhau

Cặp đôi này hoạt động cùng với nhau như thế nào? Cái nào chỉ đạo hay dẫn đầu? Đôi lúc, đó là tham ái (taṇhā); đôi lúc, đó là vô minh (avijjā). Như các bạn thấy đây, có lúc chúng ta hành động do vô minh. Có lúc chúng ta hành động do tham ái. Một vài người biết về kết quả tội lỗi, nhưng họ không thể tránh được việc làm cái gì đó vì do tham ái. Một vài người không biết; cho nên họ hành

¹ Avijjā nivāraṇaṃ.

² Sabhāva paticchādana.

động. Vào lúc đó, thì vô minh (avijjā) chỉ đạo. Chúng ta hãy lấy người nghiện ngập thuốc làm ví dụ. Lần đầu tiên, ông ta không biết về những tác hại của việc dùng thuốc nghiện. Cho nên, ông ta bắt đầu thử. Lúc đó, vô minh (avijjā) dẫn đầu. Sau khi trở thành một kẻ nghiện ngập, ông đã biết về các tác hại của việc sử dụng thuốc nghiện. Nhưng ông ta không thể dè nén được nữa vì sự ham muốn đã trở nên mạnh hơn rất nhiều. Lần này thì tham ái (taṇhā) dẫn đầu.

Rồi khi chúng ta bị mê hoặc bởi vô minh (avijjā) về một đối tượng nào đó, tham ái (taṇhā) sanh lên thể hiện sự ham muốn về nó. Nó hoạt động như là một kiến sư, gắn kết chúng ta vào đối tượng đó. Một vài loại côn trùng cho rằng ngọn lửa là đẹp do bởi màu sắc óng vàng của nó. Cho nên, chúng lao mình vào ngọn lửa. Nếu chúng biết rằng lửa sẽ đốt cháy, thì chúng chắc sẽ không lao mình vào đó làm gì.

Chúng ta cũng ở trong tình huống tương tự như những con côn trùng đó. Chúng ta lao mình vào sự khổ đau. Hầu hết mọi người trong chúng ta làm gì trong đời sống hằng ngày? Do không biết cách phân biệt giữa cái gì nên làm và cái gì không nên làm, chúng ta cho rằng cái nên làm là không nên làm và cái không nên làm là nên làm. Đây là do sự ảnh hưởng của vô minh (avijjā). Bị bao phủ trong vô minh, hầu hết mọi người trong chúng ta không biết bản chất thật của các đối tượng dục trần. Và kết quả là, sự dính mắc, sự bám víu và sự ham muốn xuất hiện. Vô minh (avijjā) và tham ái (taṇhā) trở nên mãnh liệt hơn, hùng mạnh hơn theo thời gian. Và kết quả là, có phải chúng ta sẽ cố gắng hết sức để đạt được thứ mà chúng ta khao khát không? Trong quá trình đó, chúng ta đã thực hiện thành công rất nhiều nghiệp (kamma) thông qua ý môn, khẩu môn và thân môn. Như vậy, chúng ta tích lũy càng nhiều hơn nghiệp lực trong dòng

chảy tâm thức của mình. Nghiệp (kamma) được gây dựng và tồn trữ đó sẽ tạo sinh ra sự hiện hữu của chúng ta trong tương lai. Hiện tại, nó chờ đợi, nằm tiềm ẩn trong dòng tâm thức. Chỉ vào lúc gần cuối đời sống, nó sẽ trôi lên.

Như Đức Phật đã dạy, vô minh (avijjā) và tham ái (taṇhā) là hai trợ thủ đắc lực của nghiệp (kamma) trong việc tạo sinh ra đời sống mới¹: ba yếu tố này là những nguyên nhân chính hay những điều kiện chính cho sự tái sinh.

Nghiệp (kamma) là đất trồng trọt

Mọi người thực hiện cả việc tốt lẫn việc xấu. Đối với người thực hành phước thiện, do năng lực của nghiệp thiện (kusala kamma), một ấn tượng tốt sẽ xuất hiện lúc cận tử. Đối với những người đã thực hiện những việc bất thiện (akusala), năng lực của nghiệp (kamma) bất thiện sẽ tạo sinh ra một ấn tượng xấu.

Vô minh che giấu bản chất của đối tượng để cho sự dính mắc hoặc sự thù ghét sanh lên trong người trên giường bệnh. Nếu nó là sự dính mắc, tham ái (taṇhā) sẽ cột chặt tâm trí vào đối tượng đó. Ví dụ, người đó có thể nhìn thấy một ngọc quý là một thiên nhân xinh đẹp. Rồi sự ham muốn sanh lên. Hoặc người đó có thể mơ thấy lửa, nhưng lại nghĩ nó là vàng. Người đó muốn sở hữu nó. Tâm thức lúc từ nắm bắt lấy nó làm đối tượng cuối cùng.² Khi lộ tâm tử kết thúc, do nghiệp lực, tâm tục sinh sanh lên ngay lập tức để bắt đầu đời sống mới.

Đức Phật đã sử dụng những ẩn dụ để giải thích tiến

¹ Avijjā nivāraṇaṃ, taṇhā saṃyojanaṃ. (Bhava Sutta, Aṅguttara Nikāya – Kinh Hiện Hữu, Phẩm Ānanda, Chương Ba Pháp, Tăng Chi Bộ Kinh)

² Đây có thể là nghiệp (kamma), nghiệp tướng (kamma-nimitta) hoặc thú tướng (gati-nimitta).

trình này: nghiệp (kamma) là đất (kammam khettaṃ)¹, tâm thức là hạt giống (viññāṇaṃ bijaṃ) và tham ái (taṇhā) là độ ẩm (taṇhā sneho). Tuy nhiên, trong những bài kinh khác, Ngài luôn luôn xem nghiệp (kamma) giống với hạt giống. Tôi đã suy ngẫm nhiều lần về điểm này, cố gắng tìm hiểu xem tại sao Đức Phật lại so sánh nghiệp (kamma) với đất trồng trọt, tức là xem nghiệp (kamma) như là đất trồng trọt. Tôi hiểu về điều này như sau: lúc cận tử, đối tượng cuối cùng do nghiệp (kamma) tạo ra chiếm giữ hay chế ngự dòng tâm thức của chúng ta cho đến khi tâm tử sanh lên. Sau đó, tâm tục sinh xuất hiện và bắt đối tượng cuối cùng này làm cảnh. Tại lúc bấy giờ, không có gì khác cho tâm (citta) này phụ thuộc vào cả ngoại trừ nghiệp lực. Không có đất gieo trồng nào khác để cho hạt giống tâm thức (viññāṇa) này nảy mầm cả. Chỉ có nghiệp (kamma) đã tạo ra đối tượng cuối cùng này. Cho nên, việc này giống như đất gieo trồng được làm ướt bởi hơi ẩm của tham ái, nơi mà hạt giống tâm thức (viññāṇa) có thể nảy mầm. Đây là cách đời sống (như là cây) mọc lên từ trong nghiệp (như là đất), với vô minh (avijjā) và tham ái (taṇhā) cung cấp sự hỗ trợ.

Làm thế nào để vùng vẫy thoát khỏi đối tượng này được? Vào lúc bấy giờ – khi mà chúng ta đang nằm hôn mê, tức là lúc mà tâm trí của chúng ta bị đối tượng này chiếm giữ – nghiệp (kamma) thực hiện việc gieo trồng hạt giống của nó. Cho nên, đây là cách chúng ta chết đi từ kiếp sống hiện tại và tái sanh vào kiếp sống kế tiếp.

Sự dính mắc vào lúc khởi đầu của đời sống

Bất kỳ sanh thú đó là gì, chúng sanh mới vừa tái sanh vào đều yêu thích nó. Đó là vì những đồng lực đầu

¹ Bhava Sutta, Aṅguttara Nikāya – Kinh Hiện Hữu, Phẩm Ānanda, Chương Ba Pháp, Tăng Chi Bộ Kinh

tiên đi theo sau tâm tục sinh là những tâm có nhân tham, dính mắc vào đời sống mới.¹ Như vậy, mỗi chúng sanh bắt đầu đời sống mới với tâm có nhân tham (lobha-mūla citta). Vì chưa có các cơ quan giác quan (và do đó, chưa có đối tượng dục trần mới), những đồng lực tham đầu tiên này phụ thuộc vào đối tượng của tâm tục sinh. Thậm chí đối với sự tục sinh vào địa ngục: trước hết, chúng sanh đó thấy lửa địa ngục như vàng do bởi màu vàng rực sáng của nó và do đó bị cuốn hút vào nó. Như vậy, thậm chí tái sanh vào địa ngục cũng có tham. Chúng ta cũng giống như vậy thôi. Đôi lúc, chúng ta thấy và rồi bị cuốn hút vào một cái gì đó mà chúng ta cho là xinh đẹp. Sau này, mới vỡ lẽ ra nó là một cái gì đó cực kỳ nguy hiểm, đáng chết.

Đó là bản chất của sự hiện hữu: thích thú và dính mắc vào đời sống mới, mới vừa hiện ra. Thậm chí những con ong cũng có sự yêu thích đời sống mới (bhava nikanti). Giống như những con thiêu thân và những con côn trùng bị cuốn hút vào lửa do bởi màu sắc vàng rực của nó – chúng vô cùng hạnh phúc bay vào gần và rồi phải khổ đau vì việc đó. Cho nên, tất cả mọi chúng sinh đều dính mắc và bám chặt vào đời sống – kiến, chó và mèo – tất cả đều hân hoan trong đời sống của chúng. Nếu mèo và chó có thể nói, và rồi nếu các bạn hỏi chúng rằng chúng có thích đời sống của chúng không, chúng đều sẽ trả lời “Dĩ nhiên”.

¹ Nó được gọi là bhava nikanti javana citta (bhava = đời sống; nikanti = sự yêu thích của). Lộ trình tâm khi đời sống bắt đầu là như sau: Tục sinh (paṭisandhi) – hữu phần (bhavaṅga) 1 – hữu phần (bhavaṅga) 2 – hữu phần (bhavaṅga) 3 – ... – hữu phần (bhavaṅga) 16 – hướng ý môn (manodvārāvajjana) – đồng lực (javana) 1 – đồng lực (javana) 2 – ... – đồng lực (javana) 7 – hữu phần (bhavaṅga) – hữu phần (bhavaṅga) ... Ở đây, đồng lực (javana) 1 cho đến đồng lực (javana) 7 là những tâm có nhân tham (lobha-mūla citta).

Có một câu chuyện trong Túc Sanh Truyện (Jātaka) về một vị vua mà hoàng hậu trẻ của ông vừa mới qua đời. Quá thương yêu hoàng hậu, vị vua vô cùng đau lòng với sự mất mát và đã ra lệnh cho ướp xác của bà trong dầu. Rồi ông luôn than khóc bên cạnh xác của bà. Trong khi đó, vị hoàng hậu đã tái sinh làm một con bọ sống trong phân cùng với người bạn tình. Tuy nhiên, con bọ bây giờ yêu thích đời sống mới hơn, và yêu mến người bạn tình mới hơn là vị vua trong kiếp sống trước.

Như vậy, do bởi sự dính mắc, tất cả chúng sanh đều hạnh phúc ở bất kỳ nơi nào họ sanh vào.

CHƯƠNG NĂM

Không Có Danh Sách Chờ Đợi Đối Với Việc Tái Sanh

Một lần nọ, tôi có đến nước Đức để dạy Thắng Pháp (Abhidhamma). Trong lớp học, có một học viên hỏi như sau: “Nhân bản vô tính có thể được giải thích dựa trên Thắng Pháp (Abhidhamma) không? Việc đó có thể xảy ra không?”

Tôi đã trả lời như sau: “Việc đó có thể xảy ra. Nếu các điều kiện cần thiết cho việc thụ thai hiện hữu, thì nó sẽ xảy ra, không quan trọng chế độ hay phương thức xảy ra là gì.”

Để cho việc thụ thai xảy ra, những điều kiện này phải có mặt, nói chung: thường là ngay trước thời kinh nguyệt của người mẹ¹. Phải có sự kết hợp của tinh trùng và trứng². Và gantabba³ sẽ có mặt ở đó để được thụ thai.

Gantabba này ám chỉ cho cái gì? Nó là người vừa mới chết và sẵn sàng được sanh ra. Có nhiều quan điểm khác nhau ngay từ những thời cổ xưa về gantabba này. Một vài truyền thống cũng như một vài trường phái Phật giáo tin rằng linh hồn của người mới vừa chết phải đợi khoảng từ bảy cho đến 49 ngày để được đi tái sanh. Nhiều dân tộc có xu hướng suy nghĩ theo cách này. Ví dụ, người Tây Tạng tin rằng nó phải mất 49 ngày. Người Nhật cũng tin vào những linh hồn như vậy.

Vào năm 1997, tôi có viếng thăm nước Nhật và có

¹ Mātāca utunī.

² Mātāpitaro sannipatitā.

³ ND: Chúng tôi để nguyên thuật ngữ Pāli không chuyển ngữ. Ý nghĩa của thuật ngữ này sẽ được giải thích trong các đoạn văn tiếp theo.

ghé Koyasan, nơi có khá nhiều tự viện. Tôi có gặp một tu sĩ người Nhật đang tụng đọc các bài chú cho những người chết. Tôi đã hỏi vị đó lý do tại sao. Vị đó trả lời rằng, tụng đọc để giúp cho những linh hồn đang sống trong các ngôi mộ, để hướng dẫn họ tìm một kiếp sống mới.

Tôi hỏi: “Đạo hữu có biết có được bao nhiêu linh hồn tìm được kiếp sống mới thông qua việc chú tụng của mình không?”

Vị đó trả lời: “Tôi không biết. Nhưng tôi phải tụng đọc theo truyền thống.”

Ở những nơi khác cũng vậy, mọi người tụng đọc trên người mới vừa chết, nghĩ rằng linh hồn đó đang tìm kiếm sự tái sanh. Mục đích của họ là giúp hướng dẫn cho gantabba đó vào kiếp sống mới. Tại Singapore và Mã-lai, một số người còn tụng đọc một vài bài Thăng Pháp (Abhidhamma) trên xác chết.

Nhiều người tại Miến Điện cho rằng, khi một người chết, linh hồn hay tâm thức (viññāṇa) (được gọi là “bướm bướm”¹) còn vương vấn xung quanh ngôi nhà trong bảy ngày.

Một vài người tin rằng lúc chết, linh hồn của người chết xuất ra để tìm nơi nó có thể bắt đầu cuộc sống mới. Vì chưa thể tìm được, linh hồn nương trú tạm thời vào một đời sống tạm thời được gọi là antarābhava². Họ nghĩ rằng người đó trở thành ma quỷ trong suốt thời gian này. Tôi nghĩ hầu hết mọi người đều xem đời sống của ma quỷ là giai đoạn này, tức là antarābhava này. Tuy nhiên, kiếp sống của ma quỷ là kiếp sống của một ngạ quỷ (peta).

¹ Leik-pya trong tiếng Miến.

² Antara = khoảng thời gian; bhava = đời sống. Cho nên, nó có nghĩa là khoảng thời gian ở giữa đời sống này và đời sống kế tiếp. ND: Trong tiếng Việt, khái niệm này có vẻ tương tự với khái niệm về “thân trung âm”.

Chúng ta không thể nhìn thấy chúng sanh này được bằng mắt trần; cho nên, mọi người gọi nó là “linh hồn”. Tôi có biết một người có thể nhớ lại kiếp sống trước của mình là một ngựa quý (peta) – chứ không phải là một gantabba.

Nhớ về đời sống là một ngựa quý (peta)

Ngài là một tu sĩ người Miến, U Sobhana, bây giờ đã hơn 80 tuổi. Ngài đã từng ở tại San Francisco cùng với Sayadaw U Sīlānanda. Ngài đã kể cho tôi nghe về kiếp sống quá khứ của mình đã sống tại cùng một ngôi làng, nhưng ở một ngôi nhà khác: tức là trong kiếp sống quá khứ, một ngôi nhà; kiếp sống này, một ngôi nhà khác. Ngài có thể nhớ tên gọi của mình trong kiếp sống đó và lý do tại sao ngài chết. Ngài có thể nhớ mọi thứ: việc ngài mắc bệnh và được điều trị trong bệnh viện như thế nào. Nhưng ngài đã chết vì bệnh đó không thể chữa lành được. Ngài nhớ rằng mọi người mang xác của ngài đi và tổ chức lễ mai táng. Sau đó, ngài không thể nhớ cái gì đã xảy ra. Điều tiếp theo ngài nhớ được là ngài đã ngồi một mình dưới một cội cây trong rừng sâu. Không có ai xung quanh cả. Rồi ngài nghe ai đó gọi tên mình. Ngài đứng dậy để nhìn và thấy một người đàn ông quý phái đang cưỡi một con ngựa trắng.

“Hãy đi theo tôi.” Người đàn ông đó ra lệnh như vậy. Cho nên, ngài đi theo. Khi họ đi ra khỏi khu rừng, ngài thấy rằng họ đi vào một ngôi làng.

“Ồ, đây là làng của tôi.” Ngài thốt lên vì nhận ra nó từ kiếp trước.

Khi vào trong làng, người đàn ông chỉ vào một ngôi nhà và nói: “Hãy đi vào ngôi nhà đó đi.”

Ngài nhận ra rằng đó là ngôi nhà trước đây của mình. Mặc dầu ngài cố đi vào ngôi nhà, nhưng ngài không thể đi vào được vì không có ai cho ngài vào.

Người đàn ông lại bảo ngài: “Nếu không thể vào ngôi nhà đó được, thì hãy đi vào ngôi nhà này vậy.”

Và ngài đã sanh ra trong ngôi nhà đó trong kiếp hiện tại này.

Vì hai đời sống đó ở trong cùng một làng, nhiều người vẫn có thể nhớ được ngày chết của ngài. Nếu tính luôn thời gian chín tháng trong bụng mẹ, thì có hai tháng cách khoảng giữa hai đời sống. Ngài nghĩ rằng trong suốt thời gian đó, ngài đã trở thành một nạ quý (peta) ngay sau khi chết. Đó là lý do tại sao khi làm một chúng sanh khác, ngài có thể chứng kiến được chính tang lễ của mình – đi theo mọi người mang xác ngài đi thiêu. Rồi thấy mình ngồi một mình trong rừng sâu: đó là một nạ quý (peta). Ngài đã không phải đang chờ đợi một kiếp sống mới.

Nhiều người là Phật tử nhưng vẫn tin vào đời sống trung chuyển này – họ có những quan điểm khác nhau. Tuy nhiên, nếu họ nghiên cứu giáo lý của Đức Phật một cách cẩn thận, họ sẽ tìm thấy rằng Ngài đã dạy rằng tái sanh đến kề liền sau khi cái chết xảy ra. Ngài đã giải thích rằng nó là hiện tượng vô gián duyên (anantarapaccayo)¹. Điều này có ý muốn nói rằng tục sinh đến liền ngay sau chết mà không có khoảng cách nào giữa chúng. Ngay sau khi tâm tử (cuti) diệt đi, tâm tục sinh (paṭisandhi) sanh lên ngay lập tức. Giống như lấy dao chém nước, nước sẽ nhập vào lại ngay lập tức.

Không có trạng thái đợi chờ để tái sanh như trong danh sách chờ đợi. Việc này không giống như chuyện các du khách chưa có vé được để tên trong danh sách chờ đợi. Những chúng sanh ước ao được sanh vào thế giới loài người không phải cần có vé, hoặc không phải đợi chờ

¹ Một trong 24 duyên trong Duyên Hệ (Paṭṭhāna).

đến lượt của mình theo danh sách chờ đợi. Việc này không diễn ra hoặc không có hoạt động theo cách như vậy.

Không có khoảng cách giữa cái chết và kiếp sống liền kề

Thậm chí không có một giây đồng hồ ngăn ngui ở giữa thời điểm một người qua đời và thời điểm người đó đi tái sanh. Nếu những yếu tố thích hợp hay thuận lợi có mặt, thì thông qua nghiệp lực, tâm tục sinh của người đó xuất hiện tức thời ngay tại nơi các yếu tố đó tồn tại – cho dù nơi đó có cách xa đến độ nào.

Nó giống như việc phát sóng tín hiệu truyền hình, truyền thanh từ ngoại quốc vậy. Với dụng cụ và thiết bị thích ứng để nhận tín hiệu, hình ảnh và âm thanh sẽ xuất hiện ngay lập tức. Điều này cũng như vậy cho thai bào mới và người với tâm tử (cuti citta). Khi cái tâm cuối cùng này diễn ra – chỉ tồn tại trong một sát-na tâm với ba tiểu sát-na sanh, trụ và diệt¹ – ở giai đoạn diệt của nó, tâm sanh lên tiếp theo sau đó không bị gián đoạn, chính là gantabba, tức là yếu tố đi tục sinh. Nó xuất hiện ở nơi thích hợp hay hợp thời cho việc tái sanh. Luôn luôn có một nơi thích hợp dành cho nó: thậm chí trong phòng thí nghiệm tạo ra những nhân bản vô tính.

Gantabba xuất hiện như thế nào

Trong Giáo Lý Duyên Khởi (Paṭiccasamuppāda), Đức Phật đã dạy rằng sanh nghiệp (tức là hành (saṅkhāra)) làm duyên cho tâm tục sinh: saṅkhāra paccayā viññāṇam². Rồi trong một mối quan hệ khác, Ngài dạy rằng “Viññāṇa paccayā nāma-rūpaṃ” (Thức

¹ Uppāda, ṭhiti và bhaṅga

² Ở đây, saṅkhāra là tâm sở tư (cetanā), mà Đức Phật đã tuyên bố là nghiệp (kamma).

duyên cho danh sắc). Ở đây, thức (viññāṇa) là yếu tố dẫn đầu – chứ không phải là yếu tố làm việc tạo sinh. Khi nó sanh lên, danh pháp (nāma) sanh lên cùng với nó kèm với sắc pháp do nghiệp tạo. Trong trường hợp này, danh pháp (nāma) chỉ cho các tâm sở (cetasika) mà thôi. Tất cả đều do nghiệp tạo.

Chúng ta phải bàn về hành (saṅkhāra) này vốn thuộc vào kiếp sống trước. Tâm (viññāṇa) quả mà nó tạo ra thì thuộc vào đời sống kế tiếp: Chúng ta gọi nó là sự tục sinh của đời sống mới. Hai kiếp sống này gặp nhau, có quan hệ với nhau như thế nào?

Các bạn thấy rằng chết đi theo sau cái tâm cuối cùng của một đời sống, tức là tâm tử (cuti citta). Nhưng cái giây phút cực kỳ quan trọng cuối cùng thì không phải là tâm tử. Tử (cuti) chỉ biểu hiện điểm kết thúc của dòng tâm cuối cùng giống như ánh lửa cuối cùng của cây nến vậy. Những đồng lực cận tử (maranāsanna javana) xảy ra trước đó mới là tiên quyết. Lý do những đồng lực (javana) này cực kỳ quan trọng là vì chúng nắm bắt đối tượng cuối cùng vốn do nghiệp (kamma) tạo ra¹. Đối tượng này tạo sinh ra sự tái sanh vì nó sẽ còn tiếp tục tồn tại cho đến kiếp sống kế tiếp mà không có sự gián đoạn. Với sự diệt đi của tâm tử (cuti citta), tâm tục sinh sanh lên, do nghiệp (kamma) tạo ra. Tuy nhiên, không phải chỉ do một mình nghiệp (kamma), nó phải có những điều kiện hỗ trợ khác. Chúng là những yếu tố nào? Một trong

¹ Giả sử trước khi chết, người đó thấy một đối tượng rất mạnh (cảnh rất lớn). Như vậy, lộ tâm cuối cùng của người đó là lộ tâm nhãn môn cảnh rất lớn: B1 – B2 – B3 – Hướng ngũ môn (Pañcadvāravajjana) – Nhân thức (Cakkhuvīññāṇa) – Tiếp thâu (Sampatiçchana) – Quan sát (Santīraṇa) – Đoán định (Votthabbana) – Đồng lực (Javana) 1 – Đồng lực (Javana) 2 – ... – Đồng lực (Javana) 5 – Na cảnh (Tadārammaṇa) 1 – Na cảnh (Tadārammaṇa) 2 – B – Tử (Cuti) – Tục sinh (Paṭisandhi) – B – B... Và vân vân. Ở đây, B là Hữu phần (Bhavaṅga).

những yếu tố đó là đối tượng cuối cùng do những đồng lực cận tử (*maranāsanna javana*) bắt lấy. Nó hoạt động với tư cách là một sự hỗ trợ. Nương tựa vào nó, tâm (*viññāna*) sanh lên. Nếu không có đối tượng để bám vào, không có tâm (*citta*) có thể tồn tại. Bản chất, hay đặc tính, của nó là biết cảnh. Điều không thể chối cãi được là chính nghiệp (*kamma*) tạo ra nó. Tuy nhiên, chỉ bằng cách bám vào đối tượng do nghiệp tạo này, nó mới có thể sanh lên, giống như nó phải bám chặt vào một sợi dây thừng vững chắc. Bằng không, không có sự tục sinh (*paṭisandhi*) nào có thể hiện hữu được.

Như vậy, đối tượng này thuộc vào cả hai kiếp sống. Nó đã bắt đầu trong kiếp sống trước và tiếp tục trong kiếp sống mới¹, giống như tạo ra một chiếc cầu nối. Không có chiếc cầu này, chúng ta không thể tiếp tục đi vào đời sống kế tiếp.

Trong các cõi dành cho những chúng sanh ngũ uẩn, không chỉ có đối tượng mà còn sắc ý vật (*vatthu-rūpa*)² cũng phải tồn tại để làm vật nương hay nơi nương cho tâm. Điều này có nghĩa là phải có nơi nương cho tâm tục sinh (*paṭisandhi*) nương vào. Cho nên, bám vào đối tượng giống như là bám vào sợi dây phơi áo quần, tâm tục sinh cùng một lúc có thể nương vào sắc ý vật (*vatthu-rūpa*) giống như là dựa vào một chỗ ngồi. Với hai sự hỗ

¹ Sau đó, đối tượng mới này trở thành cảnh quá khứ (của kiếp sống quá khứ), được bắt bởi tâm tục sinh (*paṭisandhi*), tâm hữu phần (*bhavaṅga*) và tâm tử (*cuti*) của kiếp sống mới. Như vậy, đối tượng này xác định đời sống mới của chúng ta. Nếu nó là một cảnh xấu (ví dụ như một cảnh đáng sợ), nó sẽ tạo ra ảnh hưởng hay hậu quả xấu cho kiếp sống kế tiếp.

² Ba loại sắc pháp (*rūpa*) do nghiệp (*kamma*) tạo cùng xuất hiện với danh pháp (*nāma*) tại thời điểm tục sinh: thần kinh xúc giác (*kāya pasāda*), sắc giới tính (*bhāva*) và sắc ý vật (*hadaya vatthu*). Bốn sắc thần kinh còn lại (thần kinh thị giác, thần kinh thính giác, thần kinh khứu giác và thần kinh vị giác) sẽ xuất hiện sau.

trợ này, tâm tục sinh (paṭisandhi) có thể thiết lập nên sự tồn tại cho chính nó. (Hãy lưu ý rằng không phải bất kỳ cõi hiện hữu nào cũng có sắc ý vật (vatthu-rūpa) làm nơi nương, đặc biệt là các cõi vô sắc (arūpa), tức là những nơi mà chúng sanh không có sắc pháp (rūpa).)

Như vậy, khi tâm tử diệt đi, tâm (viññāṇa), tức là tâm tục sinh, xuất hiện không có khoảng cách gián đoạn nào vì tiến trình tâm thức trôi chảy liên tục không gián đoạn. Đây là sự khởi đầu của một đời sống mới như đã được Đức Phật giảng giải¹.

¹ Bhava Sutta (Aṅguttara Nikāya) – Kinh Hiện Hữu, Phẩm Ānanda, Chương Ba Pháp, Tăng Chi Bộ Kinh.

CHƯƠNG SÁU

Tâm Tục Sinh (Paṭisandhi): Mối Nối Trong Vòng Luân Hồi (Saṃsāra)

Đối với tất cả chúng sanh, nghiệp (kamma) cung cấp đời sống bằng cách tạo ra tâm tục sinh (paṭisandhi citta)¹ cho từng mỗi người một tại lúc chết. Tâm tục sinh này, trong quá trình kết nối hai đời sống, cung cấp hay tạo nên sự liên tục để dòng tâm thức không bị gián đoạn.

Do bởi hành động kết nối hai đời sống khác nhau, hai tiến trình tâm thức khác nhau – ví dụ, một đời sống quá khứ làm người và một đời sống mới làm chó – chúng ta lang thang từ kiếp sống này đến kiếp sống khác ở những cõi khác nhau trong vòng luân hồi (saṃsāra), tùy thuộc vào những điều kiện và những sự tục sinh (paṭisandhi) khác nhau. Dựa vào tâm tục sinh này, 31 cõi hiện hữu có thể được phân loại ra, giống như cách những tâm này được phân chia ra trong việc tạo nên sự tục sinh.

Sự tục sinh (paṭisandhi) được tạo ra do bất thiện (akusala)

Chúng ta hãy lấy ví dụ tâm tục sinh được tạo ra do bất thiện (akusala): tức là tâm quan sát thọ xả (upekkhā santīraṇa)². Mười một tâm bất thiện (akusala) có thể tạo ra tâm này, ngoại trừ tâm si hợp phóng dật (uddhacca) vì nó không đủ năng lực sản sinh ra đời sống mới. Tâm tục

¹ Paṭi = một lần nữa; sandhi = nối, kết hợp. Là quả của nghiệp (kamma), tâm quả này giống như hình ảnh trong kính soi, tức là không thể bị thay đổi. Nó cũng không thể được/bị lặp lại mỗi khi đã được/bị nghiệp (kamma) phô bày hay trình diện.

² Tâm này cũng có sanh lên trong lộ tâm. Nhưng tại lúc tục sinh, nó không làm chức năng quan sát. Tuy rằng ở đây nó làm chức năng tục sinh, nhưng tên gọi vẫn là tâm quan sát thọ xả (upekkhā santīraṇa).

sinh bất thiện này (akusala paṭisandhi) là giống nhau cho tất cả những chúng sanh trong bốn đọa xứ (apāya). Tuy nhiên, đối với chúng sanh địa ngục, sự đau khổ là khốc liệt nhất. Súc sinh đỡ hơn một chút. Các ngạ quỷ (peta) thì lại đỡ hơn nhiều so với súc sanh. Mặc dầu tâm tục sinh (paṭisandhi citta) là như nhau, nhưng tại sao lại có sự khác nhau giữa những chúng sanh đi tục sanh với nó? Đó là vì còn có những điều kiện khác nữa.

Nghiệp bất thiện (akusala) được thực hiện bởi cá nhân này không giống với nghiệp bất thiện được thực hiện bởi cá nhân khác. Loại tệ hại nhất cho kết quả trong địa ngục. Nghiệp (kamma) bất thiện ít tệ hại hơn một chút cho quả tái sanh làm súc sinh. Tội lỗi ở mức độ nhẹ hơn đưa đến đời sống làm ngạ quỷ (peta). Như vậy, tại thời điểm nghiệp (kamma) thực hiện, nó có thể là với đủ sức mạnh hoặc được/bị giảm đi về năng lực. Bằng cách nhìn vào mức độ của bất thiện (akusala), chúng ta có thể đoán trước được kết quả của nó là như thế nào. Bất thiện ở mức độ cao sẽ mang lại sự tục sinh trong một môi trường khốc liệt ngang bằng hay giống như một núi lửa bốc cháy. Cho nên, liên quan đến các mức độ của bất thiện (akusala), có các môi trường (cảnh giới tái sanh) khác nhau: môi trường cực nóng, môi trường nóng và môi trường không nóng lắm.

Mặc dầu có cùng tâm tục sinh, những chúng sanh trong những đọa xứ đó không chia sẻ cùng sự trải nghiệm. Do đó, những nghiệp bất thiện (akusala) khác nhau được tạo ra có những năng lực khác nhau, mỗi trong số chúng có mức độ hoặc tăng cấp riêng.

Sự tục sinh (paṭisandhi) làm người

Đối với loài người, tâm tục sinh có thể là một trong chín tâm: quan sát thọ xả quả thiện (kusala vipāka

upekkhā santīraṇa) và tám đại quả (mahāvīpāka)¹. Các thiên nhân cũng tục sinh với những tâm đại quả (mahāvīpāka citta) này. Tuy nhiên, những tâm (citta) này có phải là cùng cấp bậc hay cùng đẳng cấp không? Cũng như trên, không có sự tương tự trong việc sản sinh ra quả. Một vài người thì nghèo khổ, một vài người khác thì giàu có. Một vài người thì thông minh trong khi những người khác thì lại không thông minh chút nào. Một vài người thì trường thọ, một vài người khác thì yếu thọ. Tại sao lại như vậy? Đó là vì những gì họ thực hiện trước đây không giống nhau.

Trong tám tâm đại quả (mahāvīpāka), tâm đầu tiên là mạnh nhất và tốt nhất, có ba nhân vô tham (alobha), vô sân (adosa) và vô si (amoha). Nếu yếu tố trí tuệ không có mặt, thì việc tái sinh đó là nhị nhân (dvihetuka). Tức là chỉ có vô tham (alobha) và vô sân (adosa), không giống với tam nhân (tihetuka). Cho nên, trong một hành động phước thiện (ví dụ như trong việc bố thí – dāna), khi trí tuệ dẫn đầu thì phước lành đạt được đó được gọi là thiện hợp trí (ñāṇa-sampayutta kusala). Nếu không có vô si (amoha), nó sẽ là thiện ly trí (ñāṇa-vippayutta kusala), tức là loại yếu kém hơn.

Đối với những cấp độ thiện (kusala) khác nhau này tại thời điểm tục sinh, tâm sở tư (cetanā) của chúng sẽ cho ra những quả tục sinh (paṭisandhi) với những kết quả khác nhau. Đây là quy luật tự nhiên (niyāma) mà theo đó, nghiệp (kamma) sẽ sản sinh ra kết quả tương tự. Tức là, thiện tam nhân (tihetuka kusala) sẽ dẫn đến quả tục sinh tam nhân (tihetuka paṭisandhi). Thiện nhị nhân (dvihetuka kusala) sẽ sản sinh ra tâm tục sinh nhị nhân. Như vậy, nghiệp (kamma) của loại nào đó sẽ chỉ cho quả

¹ Có tám tâm là vì chúng có thể là thọ hỷ hoặc thọ xả, hợp trí hoặc ly trí, và vô trợ hoặc hữu trợ.

cùng loại mà thôi. Nói một cách khác, thông qua nghiệp (kamma) do tự mình tạo ra, các bạn sẽ nhận quả tương ứng.

Rồi cho đầu hợp trí hay ly trí, có một vài người luôn vui vẻ, hân hoan một cách tự nhiên. Đây là do tâm tục sinh được kết hợp với thọ hỷ (somanassa). Do đó, họ sanh ra vui vẻ, hạnh phúc. Những người với thọ xả (upekkhā) thì khó có khuynh hướng cười. Thái độ của họ thường nghiêm nghị. Hiếm khi có những nụ cười hạnh phúc. Như vậy, thông qua yếu tố cảm thọ, chúng ta có thể thấy sự khác nhau giữa mọi người. Các bạn là loại người nào?

Đức Phật (ND: Bồ-tát trong kiếp cuối) đã đi tục sinh với tâm đại quả thọ hỷ, hợp trí và vô trở¹. Tuy nhiên, một vài học giả Tăng Pháp (Abhidhamma) tại Sri Lanka cho rằng tâm tục sinh (paṭisandhi) của Đức Phật không thể đi kèm với thọ hỷ (somanassa) được vì Ngài luôn luôn điềm tĩnh và vững chãi trong mọi việc Ngài làm. Tâm tục sinh của Ngài chỉ có thể là có thọ xả (upekkhā). Tuy nhiên, nhiều vị khác lại không đồng quan điểm. Đó là lý do tại sao những thuật ngữ sau đây được dùng để tán dương và ca tụng Đức Phật: (1) piyamukha – tức là gương mặt của Đức Phật luôn luôn tỏa ra một nụ cười hạnh phúc. Thậm chí, trong lúc trò chuyện, Ngài cũng có thói quen mỉm cười trước khi nói; (2) sukha sambhāsa – luôn luôn dễ dàng và thú vị khi hầu chuyện với Ngài.

Đối với những người không có yếu tố trí tuệ, họ cần thời gian để hiểu hoặc suy nghiệm ra một vấn đề đơn giản và không có khả năng trả lời nhanh những câu hỏi bất ngờ. Những người có yếu tố trí tuệ thì sắc bén hơn. Chúng ta gọi những người này là thông minh hoặc có chỉ

¹ Somanassa sahaḡata nāṇa sampayutta asaṅkhārika mahāvīpāka citta.

số thông minh (IQ) cao. Họ có khả năng hiểu nhanh, đầu óc lanh lợi do bởi sự hợp trí (*ñāṇa-sampayutta*) tại lúc tục sinh. Điều được ghi nhận là chỉ có những hành giả tam nhân (*tihetuka*) khi tu hành thiền mới có thể giác ngộ được Giáo Pháp sâu sắc và vi diệu. Những ai với tình trạng ly trí (*ñāṇa-vippayutta*) sẽ không có khả năng đạt đến được tầng mức đó. (Tuy nhiên, sự nỗ lực của họ sẽ không bị lãng phí. Sự tiến hóa có thể được thực hiện tới một mức độ nào đó.)

Bên cạnh những tâm đại quả (*mahāvīpāka*), còn có tâm quan sát thọ xả (*upekkhā santīraṇa citta*) vô nhân. Những người đi tục sinh với tâm này thì khiếm khuyết về thân xác hoặc về tâm lý. Lúc còn là thai bào trong bụng mẹ, họ đã mù, điếc, tức là đã bị khuyết tật. Không giống như những tâm đại quả (*mahāvīpāka*), tâm tục sinh (*paṭisandhi*) của họ được tạo sinh ra bởi nghiệp (*kamma*) có năng lực yếu. Do đó, mặc dầu đây là sự thuận lợi của việc tục sinh làm người, nhưng nó lại là loại thấp kém.

Cái gì nguyên thủy hay khởi nguồn do nghiệp (*kamma*) tạo ra thì không thể thay đổi được. Chẳng hạn, một người với sự tục sinh nhị nhân sẽ không thể nâng cấp lên mức cao hơn, tức là lên mức tam nhân (với yếu tố trí tuệ). Người đó cũng không thể thay đổi khuynh hướng hay tính khí của mình được. Do đó, tùy theo nghiệp (*kamma*) của người đó đã diễn bày ra như thế nào, người đó sẽ được nó dẫn đưa đến đích của mình trong đời sống. Những ai xuất hiện trong cõi nhân loại và các thiên giới là do họ đã thực hành những thiện pháp trong quá khứ như bố thí (*dāna*), trì giới (*sīla*) và tham thiền (*bhāvanā*). Những ai đã phạm những bất thiện hạnh (*duccarita*) thì có đích đến là những đọa xứ.

CHƯƠNG BẢY

U Ba Và Maung Hla: Cùng Là Một Người Hay Là Hai Người Khác Nhau?

Chúng ta hãy xem trường hợp của U Ba, người mà vào lúc chết đi đã tái sinh làm Maung Hla. Đứa bé này đã có thể nhớ lại kiếp sống quá khứ: “Tôi đã trở lại. Tôi nhớ rằng tôi đã là một người đàn ông có tên là U Ba trong kiếp sống đó.”

Việc tục sinh xảy ra như thế nào tại lúc tử của U Ba

Cụ ông này trở nên đau ốm lúc gần tử. Cái gì là những yếu tố chính quyết định cái chết ông sẽ trải qua lúc đang nằm trong cơn hôn mê? Đó là vô minh (avijjā), tham ái (taṇhā) và nghiệp (kamma). Một trong số những nghiệp quá khứ của ông ta đã hiện ra làm đối tượng nổi trội trong tâm của ông ngay trước khi ông gần qua đời. Đối tượng này thống trị, chiếm lĩnh tâm trí của ông thậm chí vào lúc ông đang nằm bất tỉnh. Vô minh (avijjā) lúc đó che giấu đi bản chất của đối tượng cuối cùng này. Do bởi sự ảnh hưởng của tham ái (taṇhā), U Ba hân hoan với đối tượng đó và tâm trí của ông hướng về nó. Rồi tâm tử (cuti citta) sanh lên sau khi hướng tâm về đối tượng đó kết thúc. Sắc pháp do nghiệp tạo dựng lại vì nghiệp (kamma) tạo sinh ra kiếp sống này đã ngưng cho quá.

Tại giây phút này, do lực đẩy của nghiệp, tức là của hành (saṅkhāra), và các pháp hỗ trợ, tâm tục sinh xuất hiện trong một kiếp sống khác. Tâm (citta) này cũng bắt hành động quá khứ của U Ba làm đối tượng. (Các bạn nên ghi nhớ rằng tâm thức không thể sanh lên mà không

có đối tượng.) Bằng cách này, khi đời sống kết thúc đối với U Ba, đối tượng cuối cùng mà ông bắt được trong lúc hôn mê đã xuất hiện lại trong đời sống mới – tức là đời sống của Maung Hla. Đây là cách sự liên hệ hay sự kết nối tồn tại giữa hai người này. Đối tượng cuối cùng được bắt trong kiếp sống của U Ba cùng với nghiệp (kamma) mới – hai yếu tố này kết hợp tạo nên sự tục sinh (paṭisandhi) của Maung Hla.

Khi tâm tử (cuti citta) của U Ba diệt đi, tâm tục sinh của Maung Hla bắt đầu. Nếu tâm tử của U Ba không diệt đi thì tâm tục sinh (paṭisandhi) của Maung Hla không thể xuất hiện. Sự diệt đi của tâm tử là điều kiện hay làm duyên cho sự sinh khởi của tâm tục sinh. Trong Duyên Hệ (Paṭṭhāna), cái này được gọi là năng lực vô gián duyên (anantarāsatti): chỉ sau khi một tâm diệt đi thì tâm tiếp theo mới xuất hiện được¹.

Tuy nhiên, trước khi cái chết của U Ba xảy ra, Maung Hla chưa có tồn tại. Cho nên, sự tồn tại của Maung Hla và U Ba có thể được xem là một trực tuyến. Tức là chỉ có một đường duy nhất theo ý nghĩa của tiến trình tâm thức.

Tâm tử có thể trở thành tâm tục sinh không?

Tâm tử (cuti citta) của U Ba có thể trở thành tâm tục sinh (paṭisandhi citta) của Maung Hla không? Điều này không thể xảy ra vì tâm tử của U Ba là kết quả của một trong những nghiệp (kamma) quá khứ của ông. Khi U Ba đi tục sinh (lúc thụ thai trong bụng mẹ), tâm tục sinh của ông sinh lên do bởi nghiệp (kamma) của kiếp sống quá khứ. Nghiệp (kamma) đó cho quả của nó trong

¹ Do bởi năng lực của Vô Gián Duyên (Anantara paccayo), Đẳng Vô Gián Duyên (Samanantara paccayo), Vô Hữu Duyên (Natthi paccayo) và Lý Khứ Duyên (Vigata paccayo).

kiếp sống của U Ba. Tâm tục sinh (paṭisandhi), tâm hữu phần (bhavaṅga) và tâm tử (cuti) của U Ba là kết quả của nghiệp đó¹.

Giả sử rằng tâm tục sinh của U Ba là một tâm đại quả ly trí (mahāvīpāka ñāṇa-vippayutta). Trong đời sống của mình, ông đã có nghe các pháp thoại, có hành thiền và có nghiên cứu kinh điển Phật giáo. Ông cũng có thực hiện nhiều việc thiện khác nữa. Vì tâm tục sinh (paṭisandhi citta) của ông là ly trí, cho nên tâm tử (cuti) của ông cũng là như vậy. Tại lúc tử, tâm tử (cuti citta) diệt đi, tâm tục sinh (paṭisandhi) mới theo đó sanh lên, thọ hỷ (somanassa sahaḡata) và hợp trí (ñāṇa-sampayutta). Đây là do năng lực của nghiệp (kamma) tốt, tức là từ những việc phước thiện của ông ta, cho kết quả tại lúc tử. Như vậy, tâm tục sinh của Maung Hla là hợp trí trong khi tâm tử của U Ba là ly trí. Cho nên, chúng không thể là cùng một tâm hay cùng một loại. Chúng khác nhau vì nghiệp (kamma) dẫn đến sự sanh khởi của chúng là khác nhau. Tâm tử (cuti citta) của U Ba không thể nào tiếp diễn để trở thành tâm tục sinh (paṭisandhi) của Maung Hla được. Vì nếu điều đó xảy ra, thì cả hai tâm (tâm tử của U Ba và tâm tục sinh của Maung Hla) phải là giống y hệt nhau. Điều có thể xảy ra là những kết quả của các nghiệp (kamma) tốt và xấu do U Ba thực hiện thì sẽ được/bị trải nghiệm bởi Maung Hla.

Cùng một người hay là hai người khác nhau?

Trong kiếp sống này thì U Ba đã mất, tức là không còn tồn tại nữa. Nhưng trong kiếp sống này, Maung Hla lại tồn tại. Tất cả những nghiệp gì U Ba đã thực hiện sẽ được hưởng chịu hay thọ nhận bởi Maung Hla – Maung Hla sẽ phải trải nghiệm các kết quả. Hai người này có

¹ Những tâm (citta) này bắt cùng đối tượng do nghiệp (kamma) đã tạo ra.

thật sự là cùng một người không? Không, họ không phải là cùng một người. Vậy họ có phải là hai người khác nhau không? Không, họ cũng không phải là hai người khác biệt. Điều chúng ta có thể nói là họ được kết nối với nhau bởi nhân quả, được biểu hiện thông qua một chuỗi dài chung bao gồm những tâm sanh lên và diệt đi, và không bị gián đoạn

Tâm sanh lên do các điều kiện. Trước lúc sanh lên, nó chẳng ở đâu cả, chỉ là một tiềm năng. Sau khi sanh lên, nó diệt đi ngay khi các điều kiện chấm dứt. Như vậy, dòng tâm thức chỉ là một dòng chảy liên tục bao gồm các tâm (citta) sanh lên và diệt đi. Hiện tượng này Kinh Điển gọi là tiến trình (santati), tức là diễn tiến mọi lúc.

Các bạn hãy lắng nghe tiếng nói của tôi trong khi tôi đang nói. Điều hiển nhiên là các âm thanh đang liên tục biến mất. Âm thanh của từ trước biến mất và được theo sau bởi âm thanh của từ sau. Mỗi âm thanh xuất hiện dựa vào nguyên nhân riêng của nó. Giả sử chúng ta đọc “A, B, C, D, ...” Sau khi “A” được đọc lên, âm thanh đó sẽ mất đi. Rồi âm thanh “B” xuất hiện, dựa trên nguyên nhân riêng của nó, chứ không phải do “A”. Tương tự như vậy, âm thanh “C” sanh lên không phải do âm thanh “B”, mà là do chính nguyên nhân riêng của nó. Cũng vậy, âm thanh “D” sanh lên không phải là kết quả của “C”, mà là do nguyên nhân và điều kiện riêng của nó.

Đây là cách từ và tái sanh xảy ra, tùy thuộc vào nguyên nhân và điều kiện của chúng giống như các âm thanh “A”, “B”, “C”, “D”, ...

Chẳng hạn như trong lộ trình tâm thấy cảnh sắc, sau khi tâm hướng ngũ môn¹ diệt đi, thì tâm nhãn thức (cakkhu-viññāṇa) mới hiện hữu. Tâm nhãn thức xuất

¹ Pañcadvārāvajjana citta

hiện không phải do bởi tâm hướng ngũ môn. Rồi vào lúc tâm nhãn thức biến mất, tâm tiếp thâu¹ xuất hiện. Cũng vậy, tâm tiếp thâu xuất hiện không phải vì tâm nhãn thức.

Đây là một tiến trình không đứt quãng theo cách này: tâm trước biến mất và được đi theo sau bởi sự sanh lên của tâm tiếp theo². Chúng ta có thể so sánh U Ba với tâm hướng ngũ môn và Maung Hla với tâm nhãn thức vì cả hai nằm kề nhau trên cùng một tiến trình. Chúng chia sẻ cùng những trải nghiệm và cùng tình huống trong tiến trình này. Tuy nhiên, chúng ta lại không thể nói rằng chỉ có một cá nhân mà thôi. Sự khác nhau giữa hai cá nhân này là điều vốn có của tự nhiên.

Chẳng ngạc nhiên gì tại sao Đức Phật lại đã nói rằng không dễ gì hiểu được vấn đề này. Vì do không biết được bản chất sanh diệt vốn có trong tiến trình tâm thức, chúng ta, thậm chí là những Phật tử, đã có thể rất dễ dàng và sẵn sàng chấp nhận ý tưởng hay khái niệm về việc đi đầu thai.

¹ Sampaticchana citta

² Trật tự không thể tránh khỏi được này được gọi là quy luật tâm thức (citta niyāma). Nó giống như quy luật của quý tiết: mùa xuân, mùa hạ, và vân vân. Không ai tạo lập ra những quy luật như vậy, mà đây chỉ là mối quan hệ của nhân và quả. Giống như việc lái xe: không phải chỉ có một mình người lái xe. Ông ta không thể thực hiện việc lái xe được nếu một bộ phận nào đó bị thiếu mất, chẳng hạn như bánh xe hoặc tay lái chẳng hạn. Đức Phật không tạo dựng ra quy luật (niyāma) này. Ngài chỉ khám phá ra và đặt tên cho cái quy luật tâm thức này thông qua trí tuệ và năng lực tâm linh của Ngài.

CHƯƠNG TÂM

Ai Đi Tục Sinh?

Như những Phật tử nguyên thủy chúng ta thường nói: “Ai chết thì người đó đi tục sinh.” Nhưng thật sự đó là ai, ai di chuyển từ kiếp sống này đến kiếp sống kế tiếp?

Ai lang thang trong vòng luân hồi (saṃsāra)?

Trên bề mặt hoặc ở mức độ nông cạn, cả Phật giáo và Hindu giáo đều dùng chung các thuật ngữ như vòng luân hồi (saṃsāra), nghiệp (kamma) và nghiệp quả. Tuy nhiên, có một sự khác biệt lớn trong quan điểm của hai tôn giáo này về việc cách chúng sanh luân chuyển trong vòng sanh tử như thế nào.

Trong Hindu giáo, bản ngã (atta) là cái lang thang trong vòng luân hồi (saṃsāra). Cái linh hồn này được gọi bởi một vài tên gọi khác nhau. Ví dụ, Hindu giáo dùng từ “atman”, có nghĩa là tiểu linh hồn hay tiểu ngã, vốn được tạo ra bởi Phạm thiên (Brahma) hay bởi đại linh hồn hay đại ngã. Trong tư tưởng hay trong quan điểm của họ, tất cả chúng sanh sở hữu một thực thể trường tồn, vốn là sản phẩm của đấng tạo hóa. (Sự giải thoát (mokkha) được giác ngộ khi tiểu ngã này hòa nhập với đại ngã.) Vòng luân hồi (saṃsāra) và nghiệp (kamma) được giải thích từ khía cạnh của linh hồn: những việc làm do linh hồn (atta) tạo ra là nghiệp (kamma). Cho nên, có một sự khác biệt lớn giữa thuyết về nghiệp (kamma) trong Hindu giáo với giáo lý về nghiệp trong Phật giáo.

Đức Phật giải thích về nghiệp (kamma) không có liên quan đến bản ngã (atta), tức là vô ngã (anatta), không giống với những tôn giáo khác. Điểm này rất quan trọng. Nếu không, các bạn có thể nhầm lẫn về thuật ngữ

và cho rằng Đức Phật đã dựng lên giáo lý của mình từ Hindu giáo, như một vài người đạo Hindu chủ trương. Trong Phật giáo Thượng Tọa Bộ (Theravāda), không có đấng sáng tạo chủ, tức là người tạo ra các tiểu ngã (atta). Không có thực thể trường tồn lăn trôi trong vòng sanh tử (saṃsāra) và tạo nghiệp (kamma). Thay vì một linh hồn, chỉ có ngũ uẩn¹, tức là tập hợp danh và sắc. Không có ai tạo ra chúng cả. Chúng không thể tồn tại mãi mãi vì chúng luôn biến đổi trong một chuỗi sanh diệt liên tục.

Tuy nhiên, rất khó để nhận ra được điều này từ sự suy tư thông thường. Nhưng nếu không hiểu rõ vấn đề này, chúng ta sẽ chỉ trở nên rối mù với những giáo thuyết khác của Hindu giáo và những trường phái Phật giáo khác.

Tỳ-kheo Sāti

Vào một dịp nọ trong thời Đức Phật còn tại thế, có một vị tỳ-kheo tên là Sāti tự xưng là đã hiểu những gì Đức Phật dạy về vòng luân hồi (saṃsāra) và nghiệp (kamma): “Theo như những gì tôi hiểu, đó là linh hồn trong thân tâm của một người, linh hồn này trải nghiệm và giao tiếp.” (Trong Hindu giáo, bản ngã sử dụng cả thân tâm để giao tiếp và hoạt động. Đây được gọi là attaniya, có nghĩa là bản thể trường tồn sở hữu cả thân và tâm.)

Lấy một chiếc xe làm ví dụ. Người chủ có thể lái xe và đi đến bất kỳ nơi nào ông ta muốn. Cũng theo cách này, linh hồn là chủ thể của thân xác. Nó là tác nhân thực hiện việc giao tiếp, cảm giác và trải nghiệm, tức là nó là người có vui buồn và là người tận hưởng. Đó là cách vị tỳ-kheo Sāti hiểu: linh hồn trải nghiệm cả hạnh phúc và bất hạnh, là chủ thể đi từ kiếp sống này sang kiếp sống

¹ Sắc uẩn, thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn và thức uẩn.

khác. Các bạn hãy hình dung rằng trong thời của Đức Phật mà lại có một tỳ-kheo có tư tưởng như vậy đấy.

“Tadeva viññāṇaṃ saṃsarati” là chính những lời của vị đó về cái được gọi là một linh hồn trường cửu lang thang trong vòng luân hồi bằng cách di chuyển từ thân xác này sang thân xác khác, từ kiếp sống này sang kiếp sống khác.

Sau khi nghe điều này, những vị tỳ-kheo khác đã nói rằng: “Đừng nói như vậy. Đó không phải là quan điểm của Phật giáo.” Họ đã vây quanh vị đó và cố gắng giải thích cho vị đó về quan điểm đúng đắn. Tuy nhiên, tỳ-kheo Sāti đã không khuất phục. Các vị tỳ-kheo đã mang tỳ-kheo Sāti đến gặp Đức Phật và Ngài đã hỏi tỳ-kheo Sāti như sau: “Có phải người đang nói về, đang bàn về tâm (viññāṇa). Nhà người đang nói về tâm (viññāṇa) nào?”

“Vado vedeyyo. Đó là tâm mà nói, cảm giác và trải nghiệm quả của nghiệp (kamma) tốt và xấu.”

Tỳ-kheo Sāti chỉ trình bày quan điểm hay tư tưởng Hindu mặc dầu vị đó là một tu sĩ Phật giáo.

Rồi Đức Phật đã nói: “Làm sao mà người có thể suy diễn từ những gì ta đã dạy ra được một sự hiểu biết như vậy? Ta đã giải thích rằng tâm sanh lên do các điều kiện¹. Nó không phải là trường cửu. Nó sanh lên do nguyên nhân. Nếu không có nguyên nhân, nó có sẽ sanh lên không?”

“Dạ, thưa không, bạch Ngài!”

Đó là lý do tại sao trong “paṭiccasamuppanna”, “paṭicca” có nghĩa phụ thuộc vào hay nương tựa vào, và “samuppanna” có nghĩa là đưa đến việc sanh lên. Tâm

¹ Viññāṇaṃ paṭiccasamuppannaṃ.

xuất hiện dựa vào nguyên nhân. Nếu không có nguyên nhân, nó sẽ không xảy ra.

Đức Phật đã giải thích cách tâm nhãn thức sanh lên. Khi mắt và cảnh sắc tiếp xúc nhau, tâm nhãn thức sanh lên. Nếu hai yếu tố này không gặp nhau, tâm nhãn thức có sẽ sanh lên không? Không, nó sẽ không sanh lên. Tương tự, khi âm thanh xúc chạm vào tai, tại lúc đó, tâm nhĩ thức sanh lên. Khi lưỡi và vị gặp nhau, tâm tỷ thức sanh lên. Thân xác và cảnh xúc gặp nhau dẫn đến sự sanh lên của tâm thân thức. Rồi khi tâm tiếp xúc với cảnh pháp, tâm thức sanh lên.

Khi các bạn cẩn thận và nỗ lực quan sát những điều kiện này, các bạn sẽ thấy rằng đối tượng thì không thường hằng, bất biến: sau khi xuất hiện, nó sẽ diệt đi. Tiếp đến, thần kinh thị giác có thường hằng, bất biến không? Không. Tương tự như vậy đối với âm thanh, sau khi nó xuất hiện, nó biến mất một cách rõ ràng. Thần kinh thính giác ghi nhận âm thanh rồi cũng biến mất. Dựa trên những điều kiện không thường hằng này, làm sao tâm quả sanh lên có thể là thường hằng được?

Theo Đức Phật, đối với thứ mà sanh lên rồi chỉ là diệt đi, thì làm sao nó có thể di chuyển từ kiếp sống này sang kiếp sống khác?¹ Bởi trước khi nó có thể thực hiện việc chuyển đời, nó đã diệt mất rồi.

Mặc dầu đã được Đức Phật giải thích như vậy, vị tỳ-kheo Sāti vẫn không từ bỏ được tà kiến của mình.

Chẳng có ai làm việc cả

Vị tỳ-kheo Sāti đã không thể hiểu được giáo thuyết về nghiệp (kamma) mà không có bản ngã (atta): ai là người thực hiện nghiệp (kamma) và ai trải nghiệm quả

¹ Anicca sambhūtaṃ kuto niccaṃ bhavissati.

của nghiệp (kamma)? Theo những tôn giáo khác, bản ngã (atta) là người thực hiện nghiệp (kamma) và là người nhận quả của nghiệp (kamma). Một vài tỳ-kheo vào thời của Đức Phật cũng suy nghĩ theo cách này: nếu không có bản ngã (atta), thì ai sẽ trải nghiệm quả của nghiệp (kamma)? Một tỳ-kheo đã đặt ra những câu hỏi như sau¹: “Nếu không có bản ngã (atta), làm sao nghiệp (kamma) có thể cho quả? Nếu không có bản ngã (atta), thì ai nhận quả của nghiệp (kamma)? Ai chịu trách nhiệm về nghiệp (kamma)?”

Phật tử phải thấy rõ ràng rằng đây chỉ là các hiện tượng. Các hiện tượng thực hiện và các hiện tượng tiếp nhận. Không có người làm², không có người trải nghiệm và không có bản ngã (atta). Đây là chánh kiến. Ý nghĩa ở đây là trong một tiến trình, các hiện tượng thực hiện các nghiệp (kamma) tốt và xấu. Cho nên, quả của nghiệp (kamma) xuất hiện cho tiến trình đó. Chúng ta là những tiến trình riêng lẻ. Nó có trách nhiệm cho bất kỳ những gì chúng ta thực hiện. Đức Phật đã hỏi rằng: “Làm sao có thể xem hoặc nhận dạng các hành động (saṅkhāra) diễn tiến và chuyển hóa liên tục này là bản ngã (atta) được?”

Tuy nhiên, giống như Sāti, đối với nhiều Phật tử theo trường phái Thượng Tọa Bộ (Theravāda), việc có được một tri kiến đúng đắn là một vấn đề khó khăn. Không phải chỉ vì chính vấn đề này là khó hiểu, mà còn vì nhiều người trong số họ đã bị ảnh hưởng bởi những giáo thuyết của những tôn giáo khác.

¹ Trong Saṃyutta Nikāya – Tương Ưng Bộ Kinh

² “Không có người thực hiện nghiệp cũng như không có người gặt quả của nghiệp; chỉ có các hiện tượng trôi chảy – chỉ có quan điểm này là đúng, không có quan điểm nào khác.” Trong Thanh Tịnh Đạo, XIX, 20.

Đầu thai (reincarnation) hay tái sinh (rebirth)?

Nếu các bạn tra từ “reincarnation” (đầu thai) trong từ điển Cambridge, các bạn sẽ thấy rằng trong định nghĩa có liên quan đến từ “spirit” (linh hồn). Đây là chỉ cho cái bản ngã (atta) mà chúng ta đang nói đến. Theo định nghĩa này, những người theo Hindu giáo và Phật giáo (có lẽ ý họ muốn nói đến Phật giáo Tây Tạng) tin vào đầu thai: tức là tại lúc chết, linh hồn của một người, vốn là tồn tại vĩnh hằng, sẽ nhập vào một thân xác khác. Khi cơ thể trở nên hao mòn, linh hồn sẽ nhập vào một cơ thể khác. Tại thời điểm chuyển đổi, ai là người lựa chọn? Chính nghiệp (kamma) là yếu tố quyết định sự chuyển đời từ đời sống này sang đời sống khác. Yếu tố về nghiệp này thì đúng là theo Phật giáo Thượng Tọa Bộ (Theravāda). Tuy nhiên, ai là người đi đến đời sống kế tiếp? Ở điểm này, chúng ta phải nhận ra được sự khác biệt mang tính nền tảng. Chẳng có ai có thể đi tái sinh cả. Không có cái linh hồn trường tồn bất biến di chuyển từ một thân xác này vào lúc chết đến một thân xác khác. Tuy nhiên, nhiều người có tư tưởng rằng tại lúc tử, linh hồn từ bỏ thân xác này để đến một thân xác khác. Tư tưởng này có chung trong nhiều trường phái Phật giáo và được nhiều người chủ trương giống như vị tỷ-kheo Sāti. Tư tưởng này được ví dụ như: một con chim con thay đổi lớn lên và rồi bay đi; một người thay áo cũ mặc áo mới; hoặc một người di chuyển từ ngôi nhà cũ sang ngôi nhà mới. Tương tự như vậy, bản ngã (atta) của người đó từ bỏ thân xác lúc chết để đi vào thân xác mới. Đó là cách được nhìn nhận trong Hindu giáo.

Các Phật tử Tây Tạng nắm chặt vào tư tưởng đầu thai mặc dầu họ chấp nhận Phật Pháp (Buddha Dhamma). Giáo lý của họ về vòng luân hồi (saṃsāra) và nghiệp (kamma) được trộn lẫn với những tư tưởng vốn

mâu thuẫn với những giáo lý nguyên thủy được thuyết giảng bởi Đức Phật. Nếu chúng ta, tức là những Phật tử Thượng Tọa Bộ (Theravāda), không thông suốt và không có hiểu biết vững chắc, chúng ta cũng chắc sẽ theo chân những Phật tử Tây Tạng trong việc thực hành: tức là học tụng niệm “Om mani padme hum (ở trong hoa sen là viên ngọc¹)”. Câu chú này có liên quan đến việc đầu thai vì nó được xem là rất quan trọng và được chú trọng bậc nhất trong Phật giáo Tây Tạng.

Quan điểm đầu thai không có chỗ đứng trong Phật giáo Thượng Tọa Bộ (Theravāda), vốn chỉ tin tưởng vào mối quan hệ nhân quả. Thay vì đầu thai, thì điều được chấp nhận là tái sinh (punabhavo). Trong đời sống mới, người đó không phải là cùng một người, cũng không phải là người hoàn toàn khác². Ý nghĩa ở đây là người qua đời đi tái sinh làm một người mới. Mặc dầu có sự nối liền giữa hai người, nhưng điều đó lại không phải là người đã chết sống lại trong một thân xác mới.

Theo Đức Phật, chỉ có thân và tâm. Cái khối ngũ uẩn mà được gọi là con người thì vô ngã (anatta). Bên cạnh những yếu tố này, còn có gì khác không? Không có yếu tố gì khác nữa. Đức Phật đã chỉ ra rằng những người có tà kiến là những người chủ trương rằng một trong số năm uẩn này là một thực thể trường tồn. Sự thật là nếu chúng ta suy nghiệm năm uẩn này, chúng ta chẳng bao giờ tìm thấy được bất cứ cái gì có bản chất trường tồn bất biến. Cái bản ngã (atta) không thể được tìm thấy ở đâu cả: đây là điều mà Đức Phật đã tuyên thuyết thẳng thừng như vậy. Trong thế gian này, thậm chí không có một chút vật chất nào là trường tồn bất biến cả.

¹ Mani = ngọc; padme = hoa sen.

² Na ca so na can añño. (Trong Milindapañha Pāḷi – Vua Milinda Vấn Đạo)

Tuy nhiên, những người chủ trương về bản ngã (atta) lại dễ dàng giải thích cho mọi người về vòng luân hồi (saṃsāra). Đó là vì họ có thể dùng ví dụ về việc thay thế một thân xác hao mòn, đổ nát với một thân xác mới khác. Tùy thuộc vào nghiệp (kamma), người đã thực hiện nhiều việc phước lành sẽ có được một thân xác tốt đẹp: như làm người hoặc làm thiên nhân. Nếu không, người đó sẽ nhận được một thân xác mới của một thú vật hay một ngạ quỷ chẳng hạn.

Đối với những vấn đề tái sinh như vậy, Đức Phật đã nói rằng thật vô cùng khó khăn để làm cho bất kỳ một người thông thường nào có thể hiểu được. Thậm chí nhiều Phật tử Thượng Tọa Bộ (Theravāda) cũng nhầm lẫn hay trộn lẫn những tư tưởng về đầu thai và thường kiến (saṃsāra) vào trong niềm tin của họ. Nhiều người thực hiện những việc phước lành với mục đích nhận lãnh lợi ích hay phúc lợi trong đời sống kế tiếp. Nếu không có quán tưởng, đặc biệt là nếu không có sự hiểu biết từ thiền minh sát (vipassanā), chúng ta rất dễ dàng có những quan điểm sai lầm này. Cho nên, giống như vị tỷ-kheo Sāti, nhiều người nghĩ rằng tâm thức là một thực thể trường tồn lang thang trong vòng luân hồi (saṃsāra).

CHƯƠNG CHÍN

Làm Sao Chấm Dứt Nghiệp (Kamma)?

Trong vòng luân hồi (saṃsāra), chúng ta đã tích lũy nhiều loại nghiệp (kamma) khác nhau. Hãy nghĩ về một loại cây mà ra hàng ngàn trái một lần. Nếu tất cả những hạt này mà đều mọc thành cây hết, thì điều gì sẽ xảy ra? Chúng ta sẽ thành sống trong rừng sâu, trong rừng rậm. Nhưng không phải tất cả các hạt đều có thể phát triển thành cây. Cũng giống như vậy, không phải tất cả các nghiệp (kamma) được tích lũy trong chúng ta đều có thể cho quả của chúng. Chỉ có một vài trong số chúng sẽ có cơ hội. Một vài trong số chúng sẽ hết hạn. Một vài trong số chúng sẽ không có cơ hội cho quả. Nếu không, chúng ta sẽ chẳng có cách nào thoát khỏi được nghiệp (kamma) đâu.

Thật ra, trước hết chúng ta phải hiểu rằng nghiệp (kamma) không thể được dời bỏ đi một cách trực tiếp. Cái gì đó đã được thực hiện thì không thể xóa bỏ được. Chúng ta có thể thay đổi những gì đã xảy ra vào ngày hôm qua không? Chúng ta có thể mang chúng trở lại không? Không, chúng ta không thể nào làm gì được cả vì chúng đã qua rồi. Cho nên, thay đổi những gì đã được thực hiện rồi là một điều bất khả thi.

Những phương cách chấm dứt nghiệp (kamma)

Tất cả mọi tôn giáo đều có những ý tưởng và phương cách riêng để chấm dứt nghiệp (kamma). Đối với Thiên Chúa giáo, Jesus Christ xóa bỏ nghiệp (kamma) của những tín đồ và cứu vớt họ. Một người xấu cũng có thể được Christ cứu vớt tại lúc chết thông qua việc tha

tội. Bằng cách sống một cuộc đời trong sạch, cầu nguyện và xưng tội với cha, các con chiên có thể thoát khỏi nghiệp (kamma).

Các tín đồ Hồi giáo cầu nguyện năm lần một ngày – đó là nghiệp (kamma) tốt. Họ còn tham gia lễ hội Ramadan nữa. Theo cách này, họ có thể xóa bỏ nghiệp (kamma) xấu. Những người theo đạo Jana (như được ghi nhận trong Kinh điển Phật giáo) tin rằng họ có thể ngăn chặn bất kỳ nghiệp (kamma) mới nào, không chỉ là nghiệp (kamma) xấu. Những nghiệp (kamma) xấu đã được tích lũy thì có thể được xóa bỏ bằng cách thực hành khổ hạnh. Theo cách này, họ tin rằng họ có thể thoát khỏi nghiệp (kamma) và chứng đạt sự giải thoát.

Câu nguyện có thể giúp được gì không?

Tại Ấn Độ, các tu sĩ bà-la-môn có thủ tục cầu nguyện trên xác chết rằng: “Câu nguyện cho người được sanh về thiên giới.” Tuy nhiên, theo Đức Phật¹ thì câu nguyện chẳng thể làm gì được. Chúng cũng không thể mang lại đời sống tốt đẹp hơn hoặc cứu vớt những ai khác. Chuyện gì xảy ra khi một tảng đá nặng rơi xuống nước? Nó sẽ chìm. Rồi giả sử nhiều tu sĩ bà-la-môn tập trung lại và cầu nguyện: “Này tảng đá lớn, hãy trôi lên. Này tảng đá lớn, hãy trôi lên.” Bằng cách cầu nguyện, liệu tảng đá có sẽ trôi lên không? Điều này cũng giống như cho một người xấu vậy. Giả sử chúng ta nguyện cầu cho ông ta rằng: “Hãy đi lên thiên giới. Hãy đi lên thiên giới. Cầu nguyện cho ông có một cuộc sống tốt đẹp hơn.” Chuyện đó không thể nào xảy ra. Rồi Đức Phật cho một ví dụ về người tốt: một hũ bơ bể ra, rơi xuống nước. Bơ sẽ nổi lên mặt nước. Nhiều người tập trung lại và cầu

¹ Asibandhakaputta, Gāmaṇisaṃyutta, Saṃyutta Nikāya – Kinh Người Đát Phương Tây hay Người Đã Chết, Tương Ứng Thôn Trường, Tương Ứng Bộ Kinh

nguyên: “Bơ ơi, hãy chìm xuống đi. Hãy chìm xuống đi.” Điều này cũng không thể nào xảy ra. Do đó, cầu nguyện không giúp được gì cả.

Phương cách trong Phật giáo

Đức Phật luôn luôn nhắc về nghiệp (kamma) cùng với phiền não (kilesa) như là một cặp. Mọi người thường chỉ hay đổ tội cho nghiệp (kamma) mà thôi. Nhưng nếu không có phiền não (kilesa), nghiệp (kamma) sẽ trở nên bị cô lập và không thể cho quả được. Nói ngắn gọn, nếu các phiền não (kilesa) biến mất, thì nghiệp (kamma) cũng sẽ biến mất. Nếu phiền não (kilesa) vẫn còn, thì nghiệp (kamma) sẽ còn.

Các bạn thấy đó, đây chính là điểm chính yếu của Giáo Lý Duyên Khởi (Paṭiccasamuppāda), vốn chỉ ra toàn cảnh về cuộc đời của chúng ta. Ở đây, Đức Phật giảng rõ rằng vô minh (avijjā) là phiền não gốc rễ trong vòng sanh tử. Hành (saṅkhāra) hay nghiệp (kamma) sanh lên phụ thuộc vào vô minh. Cho nên, “vô minh duyên hành” (avijjā paccayā saṅkhāra). Do bởi vô minh của mình, chúng ta hành động theo ước muốn của mình, không biết rằng cái gì nên làm hoặc cái gì không nên làm. Hành (saṅkhāra) này tạo sinh ra thức (viññāṇa), quả của nghiệp, đó là tâm tục sinh của đời sống mới. Cho nên, “hành duyên thức” (saṅkhāra paccayā viññāṇam). Với những điều kiện thuận lợi, hạt giống tục sinh (paṭisandhi) sẽ nảy mầm, cùng với danh sắc (nāma-rūpa) sanh lên với nó. Cho nên, Đức Phật đã nói: “Thức duyên danh sắc” (Viññāṇa paccayā nāma-rūpam). Rồi “danh sắc duyên lục nhập” (nāma-rūpa paccayā saḷāyatanam): do bởi các giác quan, sự giao tiếp hay tiếp xúc với thế giới bên ngoài mới có thể xảy ra. Chúng ta thấy, nghe, suy nghĩ và vân vân. Cùng với sự giao tiếp, cảm thọ sanh lên. Chúng ta muốn nhiều và nhiều những đối tượng đáng

được khao khát hơn. Ái xuất hiện. Sân sanh lên đối với những đối tượng không đáng được khao khát. Do đó, chúng ta có “thọ duyên ái” (vedanā paccayā taṇhā). Tâm với ái (taṇhā) trở nên bị chi phối mạnh hơn với thủ (upādāna). Trong tình huống này, có việc khao khát sự hiện hữu hay sự tồn tại. Khi nghiệp (kamma) tích lũy, thông qua nó, sanh (jāti) sẽ lại xảy ra. Theo đó, lo âu, phiền muộn, sầu ưu, đau khổ, tức là các vấn đề sẽ sanh lên theo. Do đó, trong bối cảnh của Giáo Lý Duyên Khởi (Paṭiccasamuppāda): Cái bắt đầu trở lại không phải là một thực thể trường tồn bất biến, mà chỉ là những hiện tượng vốn là một khối những khổ đau được bắt đầu với si mê (moha).

Như vậy, vòng tròn này cứ xoay với sự tích lũy của hành (saṅkhāra), giống như cây đứng mùa vụ sẽ cho hoa, trái và hạt trong một vòng quay không có điểm cuối.

Nếu các bạn không thích hạt giống và ước mong thoát ra khỏi tiến trình không có điểm cuối như vậy, các bạn phải cắt bỏ đi gốc rễ của cây. Các bạn không cần phải chặt cây. Trong Kinh Pháp Cú (Dhammapada) có dạy, nếu các bạn chặt cây mà vẫn để nguyên gốc, thì cây sẽ mọc trở lại. Nếu các bạn không cắt bỏ các phiền não (kilesa), thì những phiền não này sẽ quay trở lại. Gốc rễ là duyên hay điều kiện hỗ trợ chính: điều đó có nghĩa là, gốc rễ phiền não (kilesa) của cây sanh tử luân hồi (saṃsāra), tức là vô minh (avijjā) và tham ái (taṇhā). Nếu bị/được cắt bỏ đi, quả của nó, tức là hành (saṅkhāra) sẽ được diệt đi. Do đó, sẽ không có hạt nữa, tức là không có sản phẩm nữa.

Dùng nghiệp (kamma) đấu nghiệp (kamma)

Trong một vài bài kinh (sutta), Đức Phật dạy rằng thất giác chi (bojjhaṅga) và Bát Thánh Đạo là những

ngiệp (kamma)¹. Những loại nghiệp (kamma) này rất quan trọng vì chúng có thể thiêu hủy những loại nghiệp (kamma) khác. Giống như một vài người phải uống kháng thể² vậy. Nhưng nếu nó được tạo ra trong cơ thể một cách tự nhiên, thì loại thuốc như vậy không cần thiết. Có phải vậy không? Tự nhiên chống đối với tự nhiên; ở đây, nó là nghiệp (kamma) chống đối với nghiệp (kamma). Nếu chúng ta phát triển thất giác chi và bát Thánh Đạo, thì chúng ta có thể thoát được nghiệp (kamma). Những pháp (dhamma) này có năng lực vô cùng lớn, chúng không bao giờ tạo sinh ra việc tái sanh. Thay vào đó, chúng dẫn đến Níp-bàn (Nibbāna), phá hủy nghiệp (kamma) trong vòng luân hồi (saṃsāra).

Tuy nhiên, chúng ta phải cẩn thận lưu ý rằng, không phải mọi loại hỷ (pīti) đều là nghiệp (kamma). Chỉ có những loại thuộc vào những giác chi (bojjhaṅga) mà thôi. Hỷ (pīti) khi kết hợp với bất thiện (akusala) thì

¹ Theo Aṭṭhasālinī (Sớ Giải của bộ Dhammasaṅganī – Pháp Tụ), có 21 tâm sở (cetasika) kết hợp với tâm sở tư (cetanā) được gọi là nghiệp (kamma). Ba tâm sở bất thiện (akusala) là tham lam (abhiḥjhā), sân (byāpāda) và tà kiến (micchā diṭṭhi). Rồi vô tham (anabhiḥjhā), vô sân (abyāpāda) và chánh kiến (sammā diṭṭhi) thuộc vào thiện (kusala). Và rồi có thất giác chi và bát thánh đạo. Có sự trùng lặp trong số một vài tâm sở, ví dụ như định (samādhi) vừa là một giác chi (bojjhaṅga) vừa là một chi đạo (maggaṅga). Chánh kiến (sammā diṭṭhi) thì cùng là trí tuệ (paññā) và là trạch pháp giác chi (dhammavicaya sambojjhaṅga). Cho nên, danh sách thật sự giảm xuống còn mười bảy tâm sở (cetasika) bao gồm luôn cả tâm sở tư (cetanā): 1. Chánh kiến (sammā diṭṭhi), 2. Chánh tư duy (sammā saṅkappa), 3. Chánh ngữ (sammā vācā), 4. Chánh nghiệp (sammā kammanta), 5. Chánh mạng (sammā ājīva), 6. Chánh tinh tấn (sammā vāyāma), 7. Chánh niệm (sammā sati), 8. Chánh định (sammā samādhi), 9. Hỷ giác chi (pīti sambojjhaṅga), 10. Tĩnh giác chi (Passaddhi sambojjhaṅga), 11. Xả giác chi (Upekkhā sambojjhaṅga), 12. Tham lam (abhiḥjhā), 13. Sân (byāpāda), 14. Tà kiến (micchā diṭṭhi), 15. Vô tham (anabhiḥjhā), 16. Vô sân (abyāpāda), 17. Tư (cetanā).

² Một thứ vật chất được cơ thể tạo ra trong máu để chống lại bệnh tật.

không phải là nghiệp (kamma). Đức Phật cũng không bao giờ nói rằng cần (vīriya) khi kết hợp với bất thiện (akusala) là nghiệp (kamma), chỉ có cần (vīriya) khi là giác chi (bojjhaṅga) và khi là chi đạo (maggaṅga) mới là nghiệp (kamma). Tương tự, nhất tâm (ekaggatā), hay còn được gọi là định (samādhi), cũng không thể được gọi là nghiệp (kamma) khi nó kết hợp với bất thiện (akusala). Nó chỉ là nghiệp (kamma) khi là giác chi (bojjhaṅga) hoặc là chi đạo (maggaṅga) mà thôi. Đức Phật muốn nói rằng những tâm sở (cetasika) này, chỉ khi ở tầng mức cao, mới có thể dẫn đến Níp-bàn (Nibbāna).

Tại thời điểm của A-la-hán đạo (Arahatta-magga)

Bằng cách phát triển những yếu tố này thông qua việc hành thiền, chúng ta sẽ đạt đến điểm mà chúng trở nên đủ chín mùi (đặc biệt là chín mùi về chánh kiến) và đến lúc lúc đó, tất cả những phiền não được/bị thiêu đốt. Thiện (kusala) là đối nghịch trực tiếp với bất thiện (akusala). Khi nào bất thiện (akusala) còn, thì thiện (kusala) sẽ vẫn còn. Nếu không còn bất thiện nữa, thì thiện cũng không cần thiết nữa. Kết quả là nghiệp (kamma) không còn những điều kiện hỗ trợ nữa. Nó giống như giữ hạt giống trong một cái lọ đặt cách xa đất và nước. A-la-hán đạo (Arahatta-magga) là thiện (kusala) cao nhất có thể xảy ra. Sau đó, không còn thiện (kusala) nào sanh lên nữa. (Thay vào đó, chỉ còn là duy tác (kiriya)). Bất kỳ ai đạt được pháp thiện cao tột này thì sẽ trở thành một bậc A-la-hán (Arahant), không còn vô minh nữa và các phiền não đã bị tẩy trừ hoàn toàn (kilesa nirodha). Như vậy, các tâm đại duy tác (mahākiriya citta) của vị đó thì giống như những bông hoa đã nở của một cây bông có gốc rễ đã bị cắt đứt. Cuối cùng thì cây đó cũng sẽ tàn rụi và chết. Vì nghiệp (kamma) không còn hoạt động trong vị đó nữa, các hành động của vị đó thì

giống như những bông hoa trên một cây mà sẽ không cho trái nữa. Các hành động của vị đó không thể tạo sinh ra kiếp sống mới vì vị đó đã không còn bất kỳ phiền não nào nữa. Mặc dầu những tâm đại duy tác (mahākiriya citta) của vị đó vẫn có vô tham (alobha), vô sân (adosa) và vô si (amoha), vốn đối nghịch với tham (moha), sân (dosa) và si (moha), nhưng chúng không còn kẻ thù để chiến đấu nữa. Tại một vài quốc gia, hòa bình luôn luôn hiện hữu vì không có quân nổi dậy chống phá và tạo ra chiến tranh. Mặc dầu họ có quân đội, nhưng nó chỉ là để trình diễn mà thôi. Cũng theo cách này, vô tham (alobha), vô sân (adosa) và vô si (amoha) được kết hợp với những tâm đại duy tác (mahākiriya citta) không có kẻ thù để chiến đấu nữa. Do đó, nghiệp lực không thể được tích lũy. Không giống như chúng ta, vì tiến trình tâm thức của chúng ta còn cả căn thiện và bất thiện, nghiệp lực như vậy tiếp tục được gây dựng và tích lũy.

Đối với vị A-la-hán tại lúc tử – vì nghiệp (kamma) không thể tạo sinh ra bất kỳ quả (vipāka) nào – quả của nghiệp cũng diệt đi. Tất cả khổ đau được chấm dứt. Đó là Níp-bàn (Nibbāna), khi mà lửa đã bị dập tắt vì nhiên liệu đã không còn nữa. Tuy nhiên, trong kiếp sống hiện tại, vì không còn phiền não (kilesa) nữa, những cảm xúc như ham muốn hay ghét bỏ không thể nào sanh lên nữa. Tâm trí của vị đó êm dịu và bình thản trong tự tại hoặc trong giải thoát (vimutti).

Mặc dầu không có nghiệp (kamma) mới tích lũy, nhưng nghiệp (kamma) cũ vẫn còn. Những gì đã được thực hiện thì vẫn còn. Chúng vẫn còn trực tuyến, tức là vẫn còn diễn tiến, nếu ngũ uẩn vẫn còn tồn tại. Mặc dầu những nghiệp (kamma) cũ không có năng lực tạo sinh ra đời sống mới, chúng vẫn có thể hỗ trợ hoặc gây trở ngại trong suốt đời sống hiện tại của vị A-la-hán (Arahant). Thậm chí đối với Đức Phật, không phải lúc nào mọi việc

cũng tốt đẹp và suôn sẻ. Ngài phải thọ nhận những quả xấu từ những hành động bất thiện đã được thực hiện hàng a-tăng-kỳ kiếp về trước. Đó là quả của nghiệp bất thiện (akusala kamma), vốn không thể tránh khỏi được.

Rồi chúng ta có câu chuyện về ngài Angulimālā, người đã sát hại hàng trăm người, và thậm chí đã cố gắng sát hại luôn cả Đức Phật. Khi trở thành tu sĩ, ngài đã chứng đắc quả vị A-la-hán (Arahant), tức là với các phiền não (kilesa) được cắt đứt. Mặc dầu ngài đã sát hại rất nhiều người, nhưng hành động sát sanh (pānātipāta) của ngài đã không cho quả vào kiếp sống kế tiếp. Nếu không, ngài đã phải bị đọa vào địa ngục. Do bởi năng lực vô cùng mãnh liệt của nó, tâm A-ra-hán đạo (Arahatta magga citta) đã xóa bỏ bất kỳ những bất thiện (akusala) nào ngài đã thực hiện (ND: trong việc cho quả tái sanh vào kiếp sống kế tiếp). Nhưng trong kiếp sống hiện tại, ngài đã không thể tránh được quả của những nghiệp (kamma) quá khứ. Khi đi khất thực, bát của ngài bị đập vỡ và y của ngài bị xé rách. Người ta ném đá vào ngài làm ngài chảy máu nhiều lần, và trong một vài lần, việc ném đá đã dẫn đến việc ngài bị gãy xương. Vì mọi người vẫn còn sợ ngài, cho nên, họ đã đóng cửa không tiếp ngài, không đặt bát đến ngài.

Thái độ của phàm nhân và của bậc A-la-hán (Arahant) đối với sự sống và cái chết

Chúng ta hãy xem trường hợp của ngài Sāriputta, một vị A-la-hán (Arahant). Ngài đã quán chiếu về tuổi thọ của mình và nhận ra rằng ngài sẽ qua đời sau một tuần nữa. Đối với một người bình thường khi khám bệnh và nghe bác sĩ báo rằng: “Ông bị ung thư giai đoạn cuối”, người đó sẽ vô cùng lo lắng. Đó là do sự dính mắc vào thân xác. Thậm chí, các tu sĩ trong thời của Đức Phật cũng sẽ không khác gì.

Có một vị tỳ-kheo đau đớn khá nhiều vì bệnh tật. Vị vị đó là một hành giả chuyên chú, nên tham ái và những phiền não khác đã không xuất hiện trong vị đó một thời gian dài. Điều đó làm cho vị đó nghĩ rằng mình đã là một bậc A-la-hán (Arahant), không còn phiền não (kilesa) nào nữa. Nhưng thật ra là vị đó vẫn còn phiền não, chỉ là vị đó không biết mà thôi. Vì vị đó không thích sống trong đau khổ lâu dài hơn nữa, nên vị đó quyết định tự sát. Đó là một loại sân vi tế. Các bạn thấy đấy, cây mọc lên từ lúc nhỏ, sân hận cũng vậy. Vị đó không thông suốt và không nhận biết được chính trạng thái tâm của mình. Ngài Sāriputta đã cố gắng thuyết phục vị đó đừng tự sát. Nhưng ngay sau khi ngài đi khuất, vị đó đã tự lấy dao cắt cổ mình.

Tâm trí của con người rất là khô hàn. Sau khi tự cắt cổ mình, sợ hãi sanh lên. Vị đó nhận ra rằng: “Tôi sẽ chết.” Tại giây phút đó, vị đó nhận ra nỗi sợ hãi. “Ồ, sợ hãi là sân (dosa). Ta vẫn còn phiền não mà.” Trước đó, vị đó đã nghĩ rằng mình không còn bám víu vào đời sống nữa, đã dứt bỏ khỏi thân xác và mọi thứ khác. Cho nên, vị đó mới nghĩ rằng mình đã không còn phiền não nữa. Vì là một hành giả tốt có kinh nghiệm, vị đó nhận ra được ngay khi nỗi sợ hãi sanh lên. Ngay lập tức, vị đó quán chiếu nó ngay, bắt nó làm đề mục thiền. Do việc làm đó và trong khi làm việc đó, vị đó đã trở thành bậc A-la-hán (Arahant). Chỉ ngay sau khi chứng đạt A-la-hán đạo và quả (Arahatta-magga và phala), vị đó qua đời – một kết thúc tốt đẹp cho một cuộc tự sát.¹

Vì không nhận biết phiền não sân và sự kinh sợ của

¹ Vị A-la-hán (Arahant) như vậy được gọi là jīvita samasīsi (jīvita = sự sống; sama = ngang bằng; sīsa = cái đầu). Trong cuộc thi đua ngựa, hai con ngựa cùng đến đích ngang nhau. Ở đây, chết và sự giác ngộ đều chạm mốc – không phải là cùng nhau, chỉ một vài giây cách biệt.

mình, vị đó đã tự sát. Nếu vị đó nhận ra được rằng: “Ồ, những phiền não (kilesa) trong ta chỉ là tạm thời được lắng dịu. Chúng thật ra vẫn còn tồn tại bên trong,” thì vị đó đã sẽ không tự sát. “Tôi đã không còn phiền não. Cho nên, tôi có thể tự sát.” Việc này có đúng không? Có thể là sự thật không? Có thể xảy ra không? Những suy nghĩ như vậy là không thể có, không đúng. Nếu vị đó muốn chết, thì đó là vì vị đó đã chán ghét sự sống. Chán ghét là điều quan trọng ở đây. Không ai muốn chết cả. Không ai thích cái chết cả. Tuy nhiên, vị đó không thích tình huống hiện tại của mình, tức là, cái chết lúc đó đáng giá hơn đối với vị đó.

Vấn đề này thì không phải như vậy đối với ngài Sāriputta. Ngài đã không lo lắng gì cả, vì đã thật sự không có chút dính mắc gì tới thân xác hoặc đời sống của mình. Ngài chỉ suy nghĩ về việc thực hiện bốn phạm cuối cùng: giảng Pháp cho mẹ của mình (lúc bấy giờ vẫn còn thờ cúng Phạm thiên)¹.

Ngay từ lúc đầu, ngài Sāriputta đã xem đời sống là một gánh nặng, một gánh nặng chỉ để được tiếp tục tồn tại. Tuy nhiên, thái độ của ngài thì không phải do trầm cảm: “Sự sống rất là phiền toái. Nó giống như là mang cả một ngọn núi trên đầu.” Trong Trường Lão Tăng Kệ (Theragāthā), ngài đã ngâm lên bài kệ sau: “Tôi không có dính mắc vào đời sống của mình. Tôi không muốn chết. Tôi không có ước muốn hay khao khát được sống cũng như được chết.” Ngài chỉ chờ đợi ngày cuối cùng của mình. Ngày đó giống như là một phần thưởng đối với ngài vậy, vì lúc đó, “tôi sẽ giải thoát khỏi mọi khổ đau.”

¹ Ngài đã mất đúng một tuần đi bộ về lại làng của mình. Ngài đến nơi vào ngày thứ bảy và đã ở tại căn phòng nơi mà ngài đã sinh ra. Vào tối khuya đêm đó, ngài đã bị bệnh thổ tả. Gần rạng sáng ngày hôm sau, sau khi nghe ngài thuyết Pháp, mẹ ngài đã giác ngộ. Không lâu sau đó, ngài đã qua đời.

CHƯƠNG MƯỜI

Du Hành Với Nghiệp (Kamma) Là Tấm Vé

Nếu các bạn quan sát bất kỳ người nào, các bạn sẽ thấy được rằng tình huống của người đó không giống với ai khác cả. Nó không chỉ là về cuộc sống mưu sinh; nó còn về những hoạt động, khuynh hướng và tâm tánh, vốn làm cho người đó khác biệt. Chuyện đó là như thế nào? Một vài cá nhân sát hại sinh mạng của những người khác; trong khi một số khác thì cố tránh xa việc đó. Một vài trộm cướp tài vật của những người khác. Một vài thì không bao giờ dám đụng chạm vào những gì người khác sở hữu. Có những người dính líu vào những mối quan hệ tình dục không ngay thẳng. Nhưng lại có những người không bao giờ nghĩ về chuyện đó. Như vậy, không phải là có sự khác nhau về đạo đức sao? Các bạn có thể dễ dàng thấy được những sự khác biệt về phẩm cách như vậy xung quanh mình.

Cũng theo cách đó đối với những lời nói, có vài người giả dối trong lời nói, trong khi có những người chỉ nói sự thật. Rồi có những người gây tổn hại bằng cách chia rẽ người này với người kia, trong khi lại có những người cố gắng hòa giải hai bên. Vài người lại thích bêu xấu, sỉ nhục người khác, không giống với những người khác. Hoặc họ thích nói vớ vẩn hoặc nói về những chuyện vô ích. Ngược lại, lại có những người không thích làm như vậy. Cho nên, về lời nói, cũng rõ ràng là không có hai cá nhân nào giống nhau cả.

Điều để suy ngẫm tiếp theo là về tâm tánh của con người. Một vài người luôn luôn bị chế ngự bởi lòng tham (abhijjhā) bằng cách ao ước, ham muốn những vật sở

hữu của người khác. Trong khi đó, có những người khác chẳng hề màng đến chuyện nhìn đến tài sản của người khác, nói gì đến việc tìm cách chiếm giữ. Rồi một vài cá nhân ước ao nhìn thấy những người khác bị hại hoặc bị đau khổ, trái ngược với những người khác chỉ ước muốn mọi người được mạnh khỏe và hạnh phúc. Có những người không tin vào nghiệp (kamma) và quả của nghiệp trong khi lại có những người có đức tin đầy đủ.

Như vậy, có những người làm việc sai trái và cũng có những người làm việc tốt. Các bạn hãy nhìn vào cộng đồng, vào làng xóm, vào tập thể mà mình hay thân cận. Các bạn có thấy những sự khác biệt trong tính cách của hai hạng người này không? Sau khi họ chết đi, hai hạng người này có thể có cùng một kiếp sống mới không? Dĩ nhiên là không, phải không? Điều này chỉ để thấy rằng đích đến tương ứng của họ sẽ tùy thuộc vào nghiệp (kamma).¹ Cho nên, cảnh giới hiện hữu là nơi nghiệp (kamma) sản sinh ra quả của nó. Do bởi nghiệp (kamma) có nhiều loại khác nhau, cho nên, có nhiều hạng chúng sanh và có nhiều cảnh giới hiện hữu tương ứng dành cho họ. Không thể chỉ có một cảnh giới được. Do bởi những diễn biến khác nhau của những người khác nhau, không thể nào đích đến của mọi người sẽ là giống nhau trong kiếp sống kế tiếp. Nó giống như đón tàu đi từ Yangon đến Mandalay vậy. Trên đường đi sẽ có nhiều trạm dừng. Một vài hành khách sẽ thích dừng lại ở những trạm này, chứ không phải những trạm đến Mandalay. Cũng theo cách đó, do bởi sự khác nhau của nghiệp (kamma) mọi người thực hiện, họ sẽ có những đích đến khác nhau khi đời sống trong kiếp sống này của họ kết thúc. Nói chung thì có năm loại sanh thú (gati).

Nếu các bạn nhìn xung quanh, các bạn sẽ thấy mọi

¹ Yathā kammaṃ gato.

người đi nhiều nơi khác nhau, đến bất kỳ nơi nào họ dự tính hoặc ước muốn. Để tìm xem đó là nơi nào, các bạn chỉ cần nhìn vào tấm vé trên tay của họ. Có hành khách đi tàu, đi xe buýt, đi xe và đi cả máy bay. Nếu các bạn quan sát tại các nơi khởi hành và hạ cánh của những sân bay lớn tại bất kỳ quốc gia nào, các bạn sẽ thấy rằng hầu như từng phút một lại có một chuyến bay hạ cánh hoặc cất cánh. Như vậy, mọi người đến và đi từng phút một. Tất cả lại không có chung đích đến. Họ đi đến nơi được ghi trên tấm vé của họ.

Một số sẽ đến cõi nhân loại để bắt đầu cuộc sống làm người. Với nghiệp (kamma) đã được thực hiện như là chiếc vé, họ phải hướng đến nơi mà nghiệp đó cho quả. Điều này không phải được Đức Phật dạy thông qua suy luận hoặc tự biện. Về vấn đề này, Ngài đã dạy như sau: “Không phải thông qua tin đồn từ người khác mà Như Lai thuyết giảng Giáo Pháp này. Tự chính mình nhìn thấy, cho nên, Như Lai đã tự giác ngộ.” Thông qua trí tuệ¹ của Ngài với thiên nhãn minh (dibbacakkhu), Ngài có thể thấy toàn bộ thế giới: “Đúng vậy, chúng sanh này đang vi phạm tội lỗi.” Đức Phật có thể thấy được điểm đến của con đường mà người đó đang du hành. Trong những bài giảng pháp của mình, Ngài trình bày những ví dụ² để chỉ rõ những đích đến khác nhau của mọi người.

Năm sanh thú

Có năm hướng đi dẫn đến năm sinh thú khác nhau. Một trong số chúng kết thúc tại một cái hố to chứa đầy than cháy rực. Như vậy, Đức Phật có thể thấy rằng: người này đang đi trên con đường dẫn đến cái hố than này. Khi đến nơi, ông sẽ rơi xuống đó. Và đó là khi ông sẽ bắt đầu

¹ Yathā kammūpaga ñāṇa

² Như trong 50 bài kinh thứ hai (Majjhima Paṇṇāsa Pāḷi) của Trung Bộ Kinh (Majjhima Nikāya)

húng chịu khổ đau. Điều này muốn nói rằng ông là người sẽ sanh vào địa ngục. Như vậy, bất kỳ ai đang thực hành những nghiệp bất thiện thì đang hướng đến hố than nóng đỏ thông qua con đường đi địa ngục (niraya gati).

“Đúng vậy, người đó đang đi trên con đường đó. Tại cuối con đường đó là một cái hố sâu đầy phần.” Đức Phật đã biết như vậy thông qua thiên nhãn thông (dibbacakkhu abhiññā) của mình. Bằng việc thực hành những hoạt động cụ thể nào đó, người này cuối cùng sẽ rơi vào bên trong hố phần này. Đây là loại chúng sanh sẽ tái sanh làm thú vật.

Hướng đi tiếp theo là gì? Nó sẽ kết thúc tại một vùng đất hoang vắng chỉ với một vài cội cây trụi lá. Không có chỗ nào để tìm được bóng mát nghỉ chân trong cái nóng thiêu đốt. Từ loại hành động được thực hiện bởi một cá nhân cụ thể nào đó, Đức Phật có thể nói rõ rằng người đó đang đi trên con đường đến nơi này, nơi mà không có một chỗ nghỉ chân dưới cái nóng thiêu đốt. Nơi khô hạn và cằn cỗi này là trú xứ của các nạ quý (peta). Theo như những gì Ngài thấy, những ai đến đây sẽ phải gánh chịu sự kiệt sức và những điều kiện sống cực kỳ khó khăn.

Vê hướng đi tiếp theo: giả sử rằng một ai đó đang nhìn xuống từ đỉnh của một ngọn đồi. Ông ta thấy một người đang đi dọc theo một con đường dẫn đến một hồ nước có nhiều cây to lớn mọc xung quanh. Như vậy, người này cuối cùng sẽ đến được một khu rừng có nhiều bóng cây. Cũng theo cách đó, Đức Phật có thể nhìn vào những hành động của một người và biết rằng ông ta sẽ đến được trú xứ an vui và mát mẻ này để sinh sống: đây là cõi nhân loại.

Rồi một con đường khác dẫn đến một tòa nhà nguy nga tráng lệ với mái hình tháp và được trang trí tuyệt đẹp

bên trong. Chỉ bằng cách thấy một người đang đi dọc theo con đường này, chúng ta sẽ biết rằng ông ta cuối cùng sẽ đến ngôi biệt thự xinh đẹp này. Cũng vậy, Đức Phật sẽ biết thông qua những hành động của một người rằng đường nào ông ta đang đi và đích đến của nó là gì. Trong trường hợp này, Ngài có thể thấy được người này sẽ đến thiên giới, sẽ sống an vui và hạnh phúc trong tòa nhà cao đẹp này và tránh được những nguy hại.

Như vậy, Đức Phật đã sử dụng những ví dụ này trong các bài giảng của Ngài về những cảnh giới hiện hữu khác nhau để chỉ ra rằng tùy theo nghiệp (kamma) mà chúng ta thực hiện, chúng ta sẽ đi đến cảnh giới tồn tại tương ứng. Bằng cách đi theo một hướng đi cụ thể nào đó, nó sẽ dẫn chúng ta đến một trú xứ cụ thể nào đó. Cho nên, với sự hiểu biết về nghiệp (kamma), chúng ta sẽ hiểu những loại nghiệp (kamma) khác nhau được thực hiện và nơi mà chúng sẽ mang người thực hiện đến.

Kết quả là chúng sanh lang thang trong 31 cõi hiện hữu tùy theo nghiệp (kamma) của họ. Cho nên, nghiệp (kamma) là chính yếu, là quan trọng. Thông qua nó, tâm tục sinh (paṭisandhi) được tạo ra một cách tương ứng: chúng ta sẽ hiện hữu trong cõi này hoặc cõi kia. Sau đó, nếu chúng ta không thể thực hiện những việc lành, mà thay vào đó, lại làm những việc bất thiện (akusala), thì sẽ chẳng có nhiều an lành và ổn định trong vòng sanh tử này đâu. Cho nên, có một câu nói trong ngôn ngữ Miến Điện như sau: Bùng sáng trong cõi Phạm thiên, và rồi ụt ịt trong máng lợn. Dĩ nhiên, tái sanh làm lợn trực tiếp ngay sau khi chết đi từ cõi Phạm thiên là điều không thể xảy ra. Do bởi năng lực chỉ tịnh (samatha) trong các Phạm thiên quá lớn, họ không thể trực tiếp tái sanh làm thú vật sau khi chết từ cõi Phạm thiên. Họ có thể tái sanh làm người hoặc thiên nhân. Chỉ vào kiếp thứ ba (tức là sau kiếp làm người hoặc thiên nhân), họ mới có cơ hội

tái sanh làm lợn. Và điều đó chỉ vì họ vẫn chưa thoát được viễn cảnh tái sanh vào đọa xứ (apāya). Lý do là vì họ chưa thanh lọc chính mình bên trong.

Chúng ta trước hết phải thanh lọc bên trong, vốn vẫn rất dơ bẩn và hỗn tạp. Đây là nhiệm vụ chính. Vấn đề nằm ở tham (lobha), sân (dosa), si (moha) và các phiền não (kilesa) khác nữa. Ngày nào chúng vẫn còn trong chúng ta, thì chúng ta vẫn sẽ tiếp tục thực hiện nghiệp bất thiện (akusala kamma). Ngày nào chúng ta vẫn còn thực thiện nghiệp bất thiện (akusala), chúng ta vẫn sẽ còn tiếp tục lăn trôi trong 31 cõi. Nếu chúng ta may mắn thực hành việc tốt, chúng ta sẽ đi đến được nơi an vui. Nếu chúng ta không may mắn thực hành việc xấu, chúng ta sẽ đi đến nơi bất hạnh. Theo cách này, chúng ta trôi dạt – lúc ngược dòng, lúc xuôi dòng – trong vòng luân hồi (saṃsāra). Chúng ta dẫn thân vào những cuộc hành trình một cách lung tung, bừa bãi.

Đây là lý do tại sao Đức Phật dạy về các cõi hiện hữu dựa trên nghiệp (kamma). Vì nghiệp (kamma) là nền tảng, là căn cứ, cho nên, nhân tố quyết định thật sự nằm trong tay của chúng ta.

Luận Giải Về Nghiệp

Phần II: Đời Sống Bình Nhật

Bản Tiếng Anh của Venerable Sayadaw

Dr Nandamālābhivaṃsa

*(Kamma in This Life: How It Arises and Gives Its
Result)*

Bản Dịch Tiếng Việt Của Pháp Triều

GIỚI THIỆU

Chúng ta thực hiện đủ loại nghiệp thông qua ba môn ngày này qua ngày khác không ngừng. Cho nên, như một cội cây cho quả không ngừng nghỉ, chúng ta đang tích trữ một lượng nghiệp (kamma) rất lớn. Thêm vào đó, lại còn một lượng tồn trữ vô cùng lớn từ vô vàn những kiếp sống trong quá khứ của chúng ta. Theo Đức Phật, điều này được gắn liền với tâm sở tư (cetanā) – cách thức nhiều nghiệp (kamma) được thu thập và được tích trữ như thế nào thông qua sự kích thích của nó. Chúng không thể biến mất. Những hành động này, tức là những hành động mà chúng ta thực hiện lúc này hoặc lúc khác, sẽ quay lại với chúng ta với tư cách là kết quả trong tiến trình nhân quả. Đây là quy luật hành động và phản ứng: nếu cái này tồn tại, thì cái kia sẽ tồn tại¹.

Gặt hái cái được gieo

Do đó, tùy thuộc vào hành động được thực hiện, kết quả tương ứng với nó sẽ sanh lên. Hơn nữa, một loại nghiệp (kamma) nhất định nào đó sẽ chỉ cho quả liên quan với nó. Nói một cách khác, sau khi đã thực hiện một hành động, các bạn sẽ chỉ nhận quả của nó cùng loại cùng chất lượng trong kiếp sống này hoặc trong một kiếp sống khác. Ví dụ sau có liên quan đến Đức Phật khi Ngài đã cư trú tại Rājagaha một lần nọ.

Hoa dâng cúng đến Đức Phật Độc Giác (Pacceka Buddha)

Trong suốt thời gian đó, Ngài được đức vua của

¹ Imasmim sati idaṃ hoti.

Vesālī thỉnh mời đến Vesālī để giúp giải quyết những vấn đề mang tính quốc gia. Đối với cuộc hành trình đi đến biên giới từ Rājagaha, vua Bimbisāra đã cho trang hoàng toàn bộ đoạn đường. Về bên phần của Vesālī, vị vua bên đó cũng cho trang hoàng những đường phố. (Điều này đã xảy ra mặc dầu hai vương quốc đang có những chủ trương chính trị khác biệt và đều cho quân đội canh gác đường biên giới một cách cẩn thận. Các bạn không thể vượt qua biên giới đó một cách dễ dàng giống như đi từ Đức sang Hà Lan đâu.)

Những buổi lễ vô cùng long trọng đã được tổ chức trong suốt cuộc hành trình đó. Đức Phật đã giải thích rằng, trong một kiếp quá khứ, Ngài đã cung kính và cúng dường hoa đến một vị Phật Độc Giác (Pacceka Buddha), rải hoa đầy khắp khu vực xung quanh ngôi mộ. Cho nên, bây giờ hoa cũng đã được rải đầy dọc đường để dâng cúng Ngài. Đây là do nghiệp thiện (kusala kamma) của Ngài trong quá khứ bây giờ cho quả.

Đây là quy luật của nghiệp (kamma niyama), tức là một đặc tính của tự nhiên: tốt cho ra tốt, và xấu cho ra xấu. Không bao giờ có trường hợp nghiệp (kamma) thiện lại cho quả xấu và ngược lại. Quy luật tự nhiên không bao giờ sai.

Sự chi trả được đảm bảo chắc chắn

Mặc dầu nó được gọi một cách đơn giản là nghiệp (kamma), nhưng không có hai nghiệp (kamma) nào lại giống nhau hoặc có cùng mức độ năng lượng. Cho nên, năng lực và phẩm chất của từng nghiệp (kamma) một là không giống nhau thông qua sự khác nhau về trạng thái, về chức năng, về thời điểm chín muồi cho quả, cũng như về tuổi thọ của chúng. Kết quả của chúng cũng khác nhau.

Do đó, một nghiệp (kamma) nào trong số những nghiệp (kamma) được tồn trữ này đang ở trong tư thế sẵn sàng tạo sinh ra quả của nó. Do đã tích trữ đầy đủ năng lượng, nó sẽ cho quả của mình. Trải nghiệm quả của nó là chuyện không thể tránh được. Chúng ta không thể loại trừ nó với ý muốn rằng để cho nó không thể cho quả. Khi nào vẫn còn sự sống trong thân xác, thì nó sẽ tiếp tục cho quả. Thật vậy, Đức Phật đã dạy rằng, bất kỳ hành động (kamma) nào đặt trên nền tảng của tham (lobha), sân (dosa) và si (moha) cũng có thể cho quả của nó, thậm chí trong kiếp sống này, hoặc kiếp sống kế tiếp, hoặc cho đến khi nào vòng luân hồi (saṃsāra) còn tiếp diễn¹. Chúng ta hãy lấy trường hợp của người đồ tể làm ví dụ, ông đã hành nghề giết bò và bán thịt bò trên 50 năm.

Sự đáp trả của nghiệp (kamma)

Một ngày nọ, sau khi xong công việc của ngày, ông quay về nhà và nói với vợ rằng thịt đã được bán hết sạch, chỉ còn một miếng mà ông thích. Phần đó ông đã để dành cho riêng mình. Sau khi dặn dò người vợ dùng miếng thịt đó nấu thức ăn cho mình, ông đã đi ra ngoài đến ven sông để tắm rửa.

Trong lúc ông vắng mặt, một người bạn thân của ông đã ghé nhà và hỏi người vợ: “Chị có còn miếng thịt nào không?”

Người vợ trả lời: “Dạ, đã bán hết rồi ạ. Chỉ còn lại một miếng ông xã của em để dành cho riêng ông thôi ạ.”

Người bạn nói: “Làm ơn cho tôi xin miếng thịt đó đi. Tôi rất cần thịt để nấu thức ăn mời một người khách

¹ Nidāna Sutta, Aṅguttara Nikāya – Kinh Các Nguyên Nhân, Phẩm Sứ Giả Của Trời, Chương Ba Pháp, Tăng Chi Bộ Kinh

mới đến thăm nhà.” Sau khi nói xong, ông giục lấy miếng thịt và đi khỏi.

Lúc người đồ tể quay về nhà, người vợ đã dọn sẵn bàn ăn cho ông.

Ông nhìn thức ăn và hỏi: “Thịt bò đâu?”

Người vợ trả lời: “Ồ, bạn của ông ghé sang. Ông nói ông có khách đến nhà và cần thịt bò để mời khách. Mặc dầu tôi đã nói với ông rằng miếng thịt đó là để dành cho ông, không thể nhường cho ông được, nhưng ông không nghe và đã lấy nó đi mất rồi.”

Người đồ tể đã nói cái gì sau đó?

“Tôi không thể ăn được nếu không có thịt.” Sau khi nói xong, ông đã cầm dao và đi ra sau nhà, nơi giữ những con bò. Năm đại lấy một con, ông banh miệng nó ra và cắt đứt lưỡi của nó. Quay lại vào nhà, ông bảo vợ mình hãy làm thức ăn với cái lưỡi bò đó.

Các bạn cứ hãy hình dung là hành động đó tàn bạo đến mức nào; con bò sẽ la rống lên vì đau đớn. Nó có thể là chết đi vì đau đớn.

Khi món ăn được làm xong, người đồ tể gấp một miếng cho vào miệng. Ngay lập tức, lưỡi của ông ta bị rút ra khỏi miệng của mình. Đối với người đàn ông này, người mà đã làm nghề giết bò hơn 50 năm nay, ngày này hóa ra là ngày quả khổ xảy ra cho ông. La rống trong cơn đau đớn như con bò, ông cũng đối diện với cái chết tức thì. Đây là sự đáp trả của nghiệp (kamma) đúng với cách thức mà hành động tàn bạo đó được thực hiện.

Bây giờ ông phải đối diện với kết quả của việc mà ông đã thực hiện trong từng đó năm.

Nghiệp (kamma) là tài sản của chính chúng ta

Đức Phật cũng dạy chúng ta rằng chúng ta tồn tại hay hiện hữu trong kiếp sống này bây giờ là do nghiệp (kamma), nguyên nhân tạo sinh ra chúng ta. Nó quyết định việc chúng ta đẹp hay xấu, có mắt sáng hay bị khiếm thị. Thông qua nghiệp (kamma), chúng ta là độc nhất: khác với mọi người về tuổi thọ, nhan sắc, trí thông minh, tình trạng sức khỏe, tình trạng cuộc sống và vân vân, thậm chí là ngay trong gia đình. Theo Sớ Giải, những sự khác nhau trong xã hội đơn giản chứng minh những gì Đức Phật dạy về nghiệp (kamma) là đúng, tức là, kammassakatā sammādiṭṭhi. Điều này có ý muốn nói rằng nghiệp (kamma) chúng ta thực hiện chính là tài sản của chúng ta. Cho đâu nghiệp (kamma) đó là thiện (kusala) hay bất thiện (akusala), chúng ta phải nhận quả của nó. Đó là tài sản duy nhất mà chúng ta có thể thừa hưởng. Cho nên, người thực hiện nó nên lưu tâm và chú ý đến nó, chứ không phải ai khác cả.

Nghiên cứu về vấn đề này là điều cần thiết

Đối với vấn đề về nghiệp (kamma), Đức Phật dạy rất nhiều không chỉ trong các bài kinh (sutta) mà còn trong cả Thắng Pháp (Abhidhamma) nữa. Những gì tôi đang trình bày hiện tại đây chỉ là một phần cốt lõi nhỏ mà thôi – chỉ để giúp cho các bạn có được một chút hiểu biết nào đó về vấn đề này. Chúng ta dĩ nhiên có thể bàn về nó một cách chi tiết và sâu rộng.

Vì nghiệp (kamma) xảy ra trong thân-tâm của chúng ta, cho nên, chúng ta nên nghiên cứu và tìm hiểu cách nó sanh khởi lên trong danh-sắc (nāma-rūpa) như thế nào, nó được tích trữ ở đâu, cách nó chín muồi và cho quả trong suốt đời sống của chúng ta cũng như trong vòng luân hồi (saṃsāra) như thế nào.

Bằng cách nghiên cứu và hiểu những giáo lý của Đức Phật về vấn đề này, chúng ta có thể cố gắng tạo chấm dứt nghiệp (kamma). Điều này trước hết là bằng việc ngăn tránh thực hiện nghiệp bất thiện (akusala kamma) và bằng cách thực hiện chỉ nghiệp thiện (kusala kamma) mà thôi. Đối với những nghiệp bất thiện đã được thực hiện, thay vì hối hận và ăn năn, chúng ta nên tìm cách tránh để không tái phạm nữa. Chúng ta làm việc này bằng cách thực hiện hay tạo ra nhiều nghiệp tốt. Hơn nữa, bằng cách cố gắng đoạn diệt những phiền não của mình, cuối cùng chúng ta sẽ có thể giải thoát chính mình khỏi nghiệp (kamma). Tức là chúng ta đạt được chính sự tận diệt của nghiệp (kammakkhaya).

NGHIỆP (KAMMA) TRONG PHẬT GIÁO: KHÔNG GIỐNG VỚI NHỮNG QUAN ĐIỂM KHÁC VỀ NGHIỆP

Các bạn có thể hỏi rằng: “Vậy ý nghĩa thật sự của nghiệp (kamma) mà Đức Phật dạy trong kammassakatā sammāditṭhi là gì?” Vì thật ra, đây là một thuật ngữ phổ biến trong nhiều tôn giáo ở Ấn Độ. “Nghiệp” (kamma) không chỉ có hay không chỉ được dùng trong Đạo Phật, và những ai có niềm tin vào nó không nhất thiết phải là Phật tử. Vì những tôn giáo khác cũng dùng từ này, cho nên, những ai nghiên cứu các tôn giáo ở Ấn Độ sẽ trở nên nhầm lẫn và không hiểu rõ. Một vài người thừa nhận một cách sai lầm rằng Đức Phật đã tiếp nhận tư tưởng này từ Ấn Độ giáo. Cho nên, điều rất quan trọng là chúng ta phải phân biệt được ý nghĩa của “nghiệp” (kamma) trong Phật giáo và ý nghĩa của nó trong những tôn giáo khác. Mặc dầu Đức Phật đã dùng cùng thuật ngữ, nhưng ý nghĩa thì hoàn toàn khác.

Bản ngã (atta) được gắn kết với nghiệp (kamma)

Những tôn giáo khác chủ trương khái niệm về bản ngã (atta) trường tồn bất biến. Tức là một linh hồn thực hiện các nghiệp tốt và xấu. Do đó, nó bị bắt giữ làm nô lệ cho nghiệp (kamma). Vì nghiệp (kamma) trói buộc nó, nó không thể thoát khỏi khổ đau mà phải lang thang trong vòng luân hồi sanh tử (saṃsāra). Bản ngã (atta) có thể được giải phóng, được tự do khỏi nghiệp (kamma) nếu người đó có thể cắt bỏ được sự trói buộc của nó. Bằng cách làm như vậy, ông ta có thể chứng đạt được sự giải thoát.

Điểm khác biệt của Phật giáo đối với những tôn giáo khác là Đức Phật đã giải thích về nghiệp (kamma) mà không đụng gì đến bản ngã (atta). Đây là điểm rất quan trọng và khác biệt vì Ngài không chấp nhận, tức là loại bỏ quan điểm về linh hồn hoặc một thực thể trường tồn. Theo Ngài, không có “người” thực hiện hành động. Rồi các bạn có thể hỏi: “Nếu vậy, thì ai sẽ nhận quả của nghiệp (kamma)?” Chỉ có các hiện tượng thực hiện và các hiện tượng tiếp nhận. Không có người làm – không có người trải nghiệm – chỉ có các tiến trình danh và sắc hiện hữu. Trong các tiến trình tâm thức, các hiện tượng thực hiện các nghiệp (kamma) thiện và ác. Cho nên, quả của nghiệp xuất hiện trong tiến trình đó. Trong những tôn giáo khác, chính cái bản ngã thường hằng thực hiện (các nghiệp) và do đó, nó trải nghiệm kết quả. Như vậy, thuật ngữ thì giống nhưng ý nghĩa thì khác. Cho nên, chúng ta cần phải biết ý nghĩa của nó. Trong Pāli, “nghiệp” (kamma) có nghĩa đen là “hành động”.

Tìm kiếm nguyên nhân (của hành động)

Trong các Sớ Giải có dạy rằng nếu các bạn ném đá vào con chó rừng, nó sẽ cắn cục đá, chứ không phải người ném đá. Nhưng nếu các bạn ném đá vào con sư tử, nó sẽ quay lại cắn các bạn – chứ không phải cục đá. Cục đá chỉ là kết quả; yếu tố quan trọng hơn là người ném. Nếu một bác sĩ trị bệnh, ông sẽ tìm nguyên nhân của căn bệnh, chứ không phải chữa trị các triệu chứng. Đức Phật cũng giống như các bác sĩ: Ngài luôn tìm nguyên nhân.

Cho nên, trong Phật giáo – không giống như những tôn giáo khác – chỉ hành động đơn thuần thì không phải là nghiệp (kamma). Hành động xuất hiện do động lực. Các hành động thì rất nhiều: thậm chí trong khi ngủ, các bạn vẫn có thể nói, di chuyển hoặc thậm chí đánh một ai đó bên cạnh. Nguyên nhân tạo ra hành động thì quan

trọng hơn để tìm hiểu. Chúng ta có thể nhìn nhận vấn đề này theo cách sau: nghiệp (kamma) là nguyên nhân của hành động. Hoặc chúng ta có thể nhìn nhận nó theo cách khác: nghiệp (kamma) khi là hành động thì lại là kết quả của một nguyên nhân, và nguyên nhân đó là động lực.

Hành động này được phân chia ra thành ba loại: ý, ngữ và thân. Loại thứ nhất thì chỉ xuất hiện trong tâm trí. Một hành động bằng ngữ hoặc bằng thân thì bắt đầu với tâm ý và rồi xuất hiện ra thành lời nói hoặc được thân xác thực hiện, một cách tương ứng.

Tâm ý là trước nhất

Điều này muốn nói rằng những lời nói và hoạt động thân xác đều xảy ra với tâm trí. Trong Giai-na đạo, chúng được cho là xảy ra mà không có sự can thiệp của tâm trí. Còn theo Phật giáo, hành động thuộc về tâm ý khởi đầu tất cả. Tuy nhiên, hành động mà không có chủ ý thì không phải là nghiệp (kamma). Điều này trái ngược với những gì Giai-na đạo chủ trương. Ví dụ, trong khi đi bộ trên đường, chúng ta giẫm đạp chết những côn trùng mà không hay biết. Nghiệp (kamma) không được thực hiện ở đây trừ phi chúng ta giẫm đạp lên chúng một cách có chủ ý. Như vậy, trong ba loại hành động này, hành động mang tính tâm ý là quan trọng nhất vì nó làm nhân cho hai loại còn lại.

Không giống như ý nghĩa về nghiệp (kamma) trong những tôn giáo khác, Đức Phật đã tuyên bố rằng nghiệp (kamma) là sự chủ ý hay động lực (cetanā¹). Trạng thái tinh thần hay tâm sở này là nghiệp (kamma) vì nó khuyến khích chúng ta suy nghĩ, nói và thực hành. Như vậy, thông qua động lực, hành động được thực hiện bởi

¹ Thường được dịch là tâm sở tư, tức là sự chủ ý, động lực hay sự kích hoạt.

lời nói và thân xác. Thông qua nó, chúng ta thực hành tất cả những việc tốt và xấu.

Đối với loại nghiệp thứ ba, tức là ý nghiệp (mano-kamma), đó chỉ là ở trong tâm trí mà không được thể hiện ra bằng lời nói hoặc hành động thân xác. Có một vài loại ý nghiệp có thể rất mạnh mẽ, tức là có nhiều năng lực. Thật vậy, theo Đức Phật, ý nghiệp có năng lực mạnh nhất vì tâm trí tạo ra mọi thứ. Trong thiên chi tịnh (samatha), một người có thể thực hiện những hiện tượng siêu phàm chỉ thông qua năng lực của tâm ý mà thôi.

Nghiệp (kamma) trong suy nghĩ

Mặc dầu tâm sở tư (cetanā) được Đức Phật dạy là nghiệp (kamma), nhưng có những tâm sở khác kết hợp với nó cũng được xem là nghiệp (kamma). Các bạn hãy lưu ý rằng bất cứ nơi nào thân nghiệp (kāya-kamma) và ngữ nghiệp (vacī-kamma) có liên quan, thì tâm sở tư (cetanā) là lực đẩy chính yếu. Tuy nhiên, tại thời điểm ý nghiệp (mano-kamma) xảy ra, nó không còn động lực chỉ bởi một mình nó, mà còn những tâm sở khác có sức mạnh cùng tham gia. Mặc dầu hoạt động mang tính tinh thần này không được thể hiện qua thân và ngữ, nhưng nó vẫn là nghiệp (kamma). Tuy nhiên, theo Thắng Pháp (Abhidhamma), không phải tất cả mọi tâm sở (cetasika) sanh lên trong tâm ý đều có thể được gọi là ý nghiệp (mano-kamma) – ngoại trừ 21 tâm sở bao gồm luôn tâm sở tư (cetanā), tức là chỉ có 21 tâm sở này mới được gọi là ý nghiệp. Chúng ta hãy lấy tham lam (abhijjhā) làm ví dụ.

Tham lam là một khía cạnh của tâm sở tham (lobha). Tham lam là muốn sở hữu tài sản của những người khác. Đây không phải ham muốn đơn giản vì tham lam (abhijjhā) là thèm muốn hay khao khát tài sản của người khác. Nhiều người dính mắc vào tài sản của chính họ – đó là ham muốn thông thường. Nó không thể được

gọi là tham lam (abhiijhā). Tham lam là một ý nghiệp theo kinh điển Phật giáo. Cho nên, chúng ta phải hiểu theo định nghĩa này rằng, không phải tất cả các loại tham muốn đều trở thành ý nghiệp (mano-kamma) – chỉ có loại khao khát được sở hữu cái gì đó của người khác mới được gọi là ý nghiệp.

Rồi tất cả các loại ác cảm (byāpāda) đều được xem là những ý nghiệp. Ác cảm hoặc oán hận (byāpāda) là ước muốn đánh đập hoặc sát hại người khác hoặc nguyên rủa người khác: “Người đó chết đi thì tốt” hoặc “Nguyên cho bà ta trở nên tệ mạt hơn.” Bất kỳ loại ác cảm nào như vậy sanh lên đều trở thành ý nghiệp (mano-kamma).

Một loại ý nghiệp khác là tà kiến (miccha diṭṭhi). Cái gì là tà kiến? Đó là quan điểm cho rằng không có Pháp (Dhamma), không theo Pháp (Dhamma), và trái ngược với Pháp. Có ba loại đặc biệt quan trọng. Thứ nhất là bác bỏ quả của nghiệp (kamma) bằng cách cho rằng quả không có tồn tại¹, ví dụ như không có quả của việc bố thí (dāna). Một loại khác là không chấp nhận cả nghiệp (kamma) và quả của nghiệp, cả tốt lẫn xấu². Và loại thứ ba là quan điểm vô nhân³.

Khi sanh lên trong tâm trí, ba loại trạng thái bất thiện (akusala) này đều trở thành nghiệp (kamma).

Về bên khía cạnh tốt của nghiệp (kamma)

Về khía cạnh thiện (kusala), có ba loại đối nghịch với tham lam, oán hận và tà kiến: đó là vô tham (anabhiijhā), vô sân (abyāpāda) và chánh kiến (sammā diṭṭhi).

¹ Natthika diṭṭhi

² Akiriya diṭṭhi

³ Ahetuka diṭṭhi

Bên cạnh những trạng thái tinh thần này, còn có thất giác chi (bojjhaṅga) và bát thánh đạo (maggaṅga). Tuy nhiên, trong những tôn giáo khác, chúng không được xem là nghiệp (kamma). Tại sao Đức Phật lại xem chúng là nghiệp (kamma)? Đó là vì những yếu tố này có thể tiêu diệt phiền não (kilesa), dẫn đến sự đoạn diệt nghiệp (kamma). Với tư cách là những nghiệp (kamma) có năng lực rất mạnh, chúng không bao giờ tạo ra sự tái sinh. Thay vào đó, chúng dẫn đến Níp-bàn (Nibbāna) thông qua việc chấm dứt nghiệp (kamma) trong vòng luân hồi (saṃsāra). Đây là tự nhiên đối trị tự nhiên: bản chất tốt nếu đủ mạnh, tức là nếu có đủ năng lực, sẽ chế ngự được hoặc sẽ tiêu diệt được bản chất xấu.

Các bạn nên lưu ý rằng những tâm sở (cetasika) này khi kết hợp với bất thiện thì lại không phải là nghiệp. Đức Phật chưa bao giờ thuyết giảng như vậy. Chỉ khi nào, chúng được kết hợp với thiện thành các giác chi (bojjhaṅga) và các chi đạo (maggaṅga) thì chúng mới là nghiệp (kamma). Ví dụ, không phải tất cả các loại hỷ (pīti) đều là nghiệp; hỷ (pīti) là nghiệp chỉ khi nó là hỷ giác chi. Điều này muốn nói rằng những trạng thái tinh thần này có thể đưa đến Níp-bàn (Nibbāna) chỉ khi ở tầng mức cao mà thôi.

Như vậy, để có được sự hiểu biết rõ ràng hơn về nghiệp (kamma), chúng ta cần phải biết về cách hoạt động và sự vận hành của tâm thức, nơi tạo sinh ra nghiệp (kamma).

CHƯƠNG MỘT

Nghiệp (Kamma) Là Nhân Của Hành Động

Nghiệp (Kamma) Sinh Lên Trong Tâm Như Thế Nào

Tâm diễn ra rất nhanh, làm việc giống như một máy phát điện. Theo Sớ Giải, hàng tỷ sát-na tâm sinh lên và diệt đi trong một giây do bởi sự ngắn ngủi cực kỳ của một sát-na tâm. Đó là lý do tại sao chúng ta có thể xem truyền hình, nghe nhạc, ăn uống và cười nói cùng một lúc: giống như một nghệ sĩ xiếc bắt đầu chơi với hai quả bóng, rồi ba quả, rồi bốn quả và vân vân. Tuy nhiên, chỉ có một tâm (citta) tại từng mỗi thời điểm.

Ví dụ, chúng ta nghĩ rằng chúng ta thấy và nghe cùng một lúc, nhưng thật ra tâm thấy biến mất tạo cơ hội cho tâm nghe sinh lên. Nó giống như đốt nến vậy: bóng tối biến mất để cho ánh sáng xuất hiện.

Như vậy thì nghiệp (kamma) sinh lên trong tâm như thế nào? Nếu các bạn muốn biết, các bạn phải quen thuộc với cách thức tâm làm việc. Điều này có liên quan đến tiến trình tâm thức (citta-vīthi): tức là một chuỗi nhất định bao gồm những tâm (citta) sinh lên do sự tác động của cảnh vào môn giác quan.

Giả sử một cảnh sắc xuất hiện tại nhãn môn. Rồi điều gì xảy ra?

“Ai đang gõ cửa vậy?”

Để giúp các bạn theo dõi được tiến trình, chúng ta hãy giả sử rằng các bạn đang ở nhà. Rồi có một vị khách đến viếng thăm và gõ cửa. Sau khi nghe tiếng gõ cửa, các

bạn đi ra mở cửa. Mở cửa ra, các bạn thấy là có một vị khách. Nhận ra rằng đó là một người bạn, các bạn mời anh ta vào nhà. Sau khi hỏi: “Bạn đến chơi có việc gì không?”, các bạn mời anh ta ngồi và mời anh ta dùng trà cùng với bánh kẹo. Sau khi cuộc trò chuyện kết thúc, người khách nói lời tạm biệt và ra về. Rồi các bạn đóng cửa lại. Cuộc viếng thăm này chỉ là một tiến trình.

Chúng ta có sáu môn trong thân xác này để cho “những vị khách” đến gõ cửa. Chúng ta hãy lấy nhãn môn làm ví dụ. Khi đối tượng được phản chiếu trên nhãn vật, mười bảy sát-na tâm trong một chuỗi tâm bắt đầu làm việc với nó (tạo nên một lộ trình).

Trước hết, chúng ta mở cửa bằng tâm hướng ngũ môn (pañcadvārāvajjana), tâm này chú ý đến cảnh sắc hiện tại, và rồi tâm nhãn thức (cakkhu-viññāṇa) nhìn thấy nó. Chúng ta tiếp nhận đối tượng viếng thăm bằng tâm tiếp thu (sampaṭicchana), rồi sau đó, tâm quan sát (santīraṇa) tìm hiểu về nó.

Tiếp theo, chúng ta dùng tâm đoán định (voṭṭhabbana) xác định đối tượng là gì. Sau đó, chúng ta trải nghiệm nó bằng các tâm đồng lực (javana), thường thì sanh lên bảy lần kế tiếp nhau. Rồi với tâm na cảnh (tadārammaṇa), tức là tâm chiêm nghiệm hương vị dư tàn, chúng ta chia tay đối tượng.

Cửa được đóng lại khi tâm thụ động (bhavaṅga citta¹) sanh lên ngay lúc đời sống của đối tượng vừa kết thúc². Đời sống này kéo dài mười bảy sát-na tâm, cũng

¹ Có nghĩa đen là “hữu phần” (bhava = đời sống, sự hiện hữu + aṅga = nguyên nhân, yếu tố).

² Lộ nhãn môn cảnh rất lớn: B1 – B2 – B3 – Hướng ngũ môn (Pañcadvārāvajjana) – Nhãn thức (Cakkhu-viññāṇa) – Tiếp thu (Sampaṭicchana) – Quan sát (Santīraṇa) – Đoán định (Voṭṭhabbana) – Đồng lực (Javana) 1 – Đồng lực (Javana) 2 – ... –

tạo nên lộ trình tâm nhãn môn (đối với cảnh rất lớn).

Tâm làm máy phát điện

Sự tiếp xúc với thế giới bên ngoài thông qua các giác quan, chẳng hạn như mắt, sẽ được đi theo sau bởi suy nghĩ, tức là các lộ trình tâm ý môn. Đó là vì tiến trình ngũ môn khởi đầu (giai đoạn đầu tiên) chỉ ghi nhận hoặc tiếp nhận đối tượng.

Sau đó, suy nghĩ sẽ diễn ra tại ý môn, gợi nhớ lại đối tượng đã được nhìn thấy. Đây là giai đoạn thứ hai sau khi mắt nhìn thấy đối tượng. Chúng ta cần ít nhất ba lộ trình tâm ý môn¹ liên tiếp nhau để nhận ra được đối tượng đó là gì (xin hãy xem bảng nêu phía dưới).

Bốn giai đoạn trong một hành động thấy

<i>Giai đoạn</i>	<i>Loại lộ tâm</i>	<i>Cái gì xảy ra</i>
Một	Nhãn môn	Đối tượng xuất hiện tại nhãn vật
Hai	Ý môn	Gợi nhớ lại đối tượng quá khứ
Ba	Ý môn	Định danh đối tượng hoặc nhớ ra tên gọi
Bốn	Ý môn	Nhớ ra ý nghĩa của đối tượng hoặc biết đối tượng là gì

Đồng lực (Javana) 7 – Na cảnh (Tadārammaṇa) 1 – Na cảnh (Tadārammaṇa) 2 – B – B – ... Ở đây, B chỉ cho Hữu phần (Bhavaṅga).

¹ Lộ ý môn cảnh rất lớn: B – B – Hướng ý môn (Manodvārāvajjana) – Đồng lực (Javana) 1 – Đồng lực (Javana) 2 – ... – Đồng lực (Javana) 7 – Na cảnh (Tadārammaṇa) 1 – Na cảnh (Tadārammaṇa) 2 – B ... Trong trường hợp này, tâm hướng ý môn (manodvārāvajjana) làm nhiệm vụ hướng tâm tại ý môn (ND: thay vì là làm nhiệm vụ đoán định như trong lộ ngũ môn).

Cùng với lộ tâm nhãn môn, nhóm bốn giai đoạn này ám chỉ cho một hành động nhìn duy nhất với mười bảy sát-na tâm của nó, vốn cực kỳ ngắn ngủi.

Giả sử chúng ta nhìn thấy một cuốn sách. Đến lúc chúng ta chú ý đến nó thì ba sát-na hữu phần (bhavaṅga) đã trôi qua. Sau khi xuất hiện tại nhãn môn, tuổi thọ của nó sẽ chấm dứt sau mười bảy sát-na tâm. Rồi một tiến trình khác sanh lên tại con mắt (không phải là cùng lộ tâm như trước).

Nếu chúng ta nhìn cuốn sách trong vòng năm phút, thì hành động nhìn đó được lặp đi lặp lại nhiều lần trong khoảng thời gian đó. Tiến trình tâm thức diễn tiến như một cuốn phim, mỗi bức hình một thời điểm, không bao giờ diễn ra cùng một lúc.

Khi nào nghiệp (kamma) bắt đầu tích lũy

Một máy phát điện cần phải quay nhiều vòng mới phát ra điện được. Điều này cũng đúng như vậy đối với tâm trí. Chỉ một vòng sẽ không đủ để cho chúng ta biết rằng cái mà chúng ta đang nhìn là một cuốn sách vì nó chỉ mới là sự khởi động. Chỉ khi đến lộ tâm ý môn thứ ba, chúng ta mới biết được rằng nó là một cuốn sách.

Tiến trình cũng tương tự cho việc nghe âm thanh. Đối với âm thanh có một âm tiết, thì phải cần ít nhất bốn giai đoạn. Rồi các âm tiết được kết hợp với nhau để nhận được ý nghĩa đầy đủ. Trước hết, nhĩ môn bắt lấy âm thanh. Rồi ở giai đoạn thứ hai, ý môn gọi lại âm thanh đó. Tiếp theo, ý môn bắt lấy từ ngữ ở giai đoạn thứ ba. Chỉ ở giai đoạn thứ tư, chúng ta mới nhận ra được ý nghĩa¹.

¹ Ví dụ, một ai đó nói “dog”. (1) Chúng ta nghe âm thanh đó. (2) Chúng ta gọi lại âm thanh đó, lúc đó đã là cảnh quá khứ. (3) Tại lúc này, chúng ta đã nắm bắt được từ này, và đặt tên cho nó. (4) Chỉ đến

Như vậy, chúng ta cần ít nhất là bốn lộ tâm để nhận ra rằng cái chúng ta nhìn thấy là một cuốn sách, hay âm thanh chúng nghe là từ “dog”. Cho nên, giai đoạn thứ tư là tiến trình mang tính quyết định khi chúng ta nhận ra đối tượng đó là gì hoặc nó có nghĩa là gì.

Bắt đầu từ điểm này và từ giai đoạn thứ năm trở đi, tham (lobha), sân (dosa) và si (moha) xuất hiện, nói rằng: “Tôi thích/ghét đối tượng đó.” Như vậy, đây là nơi mà nghiệp (kamma) bắt đầu tích lũy.

Nghiệp (Kamma) Được Tích Trữ Ở Đâu

Nghiệp (kamma) tích lũy ở đâu trong chúng ta? Có phải nó được giữ lại trong bộ não không? Hay nó được giữ trong trái tim? Nó được bảo quản trong một chỗ thôi phải không? Một vài người nghĩ rằng nó ở trong bộ não vì đó là nơi các thông tin và ký ức được cất giữ.

Chúng ta phải suy nghĩ xem tại sao nghiệp (kamma) lại không được cất giữ trong bộ não. Các bạn thấy đây, âm thanh được ghi giữ trong băng hoặc đĩa. Nếu đĩa bị hủy đi hoặc làm cho hư đi, tất cả âm thanh sẽ mất đi. Tương tự như vậy, nếu chúng ta mất đi bộ não, nghiệp (kamma) sẽ mất đi. Nghiệp cũng sẽ mất đi trong trường hợp chúng ta chết đi, do bộ não cũng sẽ chết theo vì nó chỉ là vật chất thôi. Rồi có những trường hợp cụ thể nào đó, chúng ta có thể là vẫn còn sống nhưng bộ não của chúng ta được xem là chết. Còn nếu nghiệp (kamma)

lúc này, chúng ta mới biết ý nghĩa: từ “dog” này là một con vật. Nếu chúng ta không biết tiếng Anh hoặc chưa gặp từ này trước đây, thì sẽ không có việc nhận ra âm thanh đó ám chỉ điều gì. Trong trường hợp đó, tâm sẽ hỏi đi hỏi lại cái này là cái gì, tìm kiếm ý nghĩa của âm thanh đó. Cho nên, sẽ có sự trì hoãn trong việc quyết định. Nếu chúng ta hiểu từ đó ngay khi chúng ta nghe nó, thì sẽ không có sự trì hoãn. Đó là vì chúng ta đã có sự lưu trữ từ trước và hình ảnh con chó sẽ xuất hiện ngay.

được cất giữ trong trái tim và nếu người đó phải cần thay tim, thì tình huống có lẽ không được tốt đẹp cho lắm. Cho nên, nếu nghiệp (kamma) được lưu trữ tại những nơi như vậy, thì chúng ta sẽ bị thất lạc.

Vì nghiệp (kamma) là thứ phi vật chất, tức là thứ không thể nhìn thấy được, cho nên thật không dễ chút nào để giải thích cách nghiệp (kamma) tích lũy. Nhưng nó có thể được nhận biết thông qua kiến thức hoặc sự hiểu biết. Như vậy, nó tích lũy ở đâu? Nó nằm trong tiến trình tâm thức. Các bạn có thể nghĩ rằng tâm là nhất thời, sanh lên rồi diệt đi – không bao giờ quay trở lại – và được theo sau bởi một tâm mới. Cho nên, các bạn sẽ hỏi: “Như vậy thì nghiệp (kamma) cũng biến mất phải không?” Chúng ta hãy suy nghĩ về ánh sáng của ngọn nến. Bằng cách dập tắt ngọn lửa đi, chúng ta có thể mang nó trở lại không? Không, nó đã biến mất mãi mãi, giống hệt như tâm thức vậy. Cho nên, nếu nghiệp (kamma) được tồn giữ trong tâm, thì nó cũng là nhất thời mà thôi. Nhưng nó lại không biết mất, tức là không bị mất đi.

Nghiệp (kamma) là trực tuyến

Tiến trình tâm thức không bao giờ duy trì lại, vì tâm sanh lên và diệt đi không ngừng nghỉ¹. Tuy là như vậy, nhưng không có sự thay đổi, không có sự dịch chuyển đến nơi nào khác: mỗi khi nghiệp (kamma) đã được thực hiện, đã được hoàn thành, thì nó được duy trì, được thiết lập một cách vững chắc. Thậm chí như vậy, nó vẫn không được giữ cố định hoặc duy trì dai dẳng. Năng lượng, từng đơn vị một, được truyền gửi liên tiếp từ một tâm (citta)

¹ Chỉ có hai trường hợp mà tại đó tiến trình tâm thức bị gián đoạn: một là trong lúc nhập diệt thọ tướng định (nirodha samāpatti) của các vị A-na-hàm và các vị A-la-hán, và hai là trong suốt đời sống của các vị Phạm thiên vô tướng (asañña satta) trong sắc giới (rūpāvacara).

này sang tâm khác¹. Mỗi khi tâm (citta) đi trước diệt đi, nó truyền lại nguồn nghiệp lực của mình cho tâm (citta) đi theo sau. Khi đến lượt của mình, tâm theo sau này sẽ truyền nguồn năng lượng này đến tâm (citta) thứ ba, và vân vân. Theo ngôn ngữ hiện đại, chúng ta chắc sẽ nói rằng nghiệp (kamma) là trực tuyến, duy trì trong dòng tâm thức.

Tâm thứ nhất không trở thành tâm thứ hai. Sự thật là vì tâm thứ nhất biến mất, tâm thứ hai mới xuất hiện. Mặc dầu tâm thứ nhất và tâm thứ hai có liên quan với nhau, nhưng tâm thứ nhất không biến thành tâm thứ hai. Khi tâm thứ nhất còn tồn tại hay hiện hữu, tâm thứ hai không thể xuất hiện hoặc có mặt được.

Quả chưa chín muồi

Cũng giống như hạt giống và quả, theo Đức Phật thì có cả nghiệp lực chưa chín muồi và nghiệp lực chín muồi. Ngay sau khi nghiệp lực bắt đầu tích lũy, nó chưa chín muồi. Giống như hạt của quả chưa chín thì không thể nẩy mầm được. Năng lượng của nó vẫn còn tiềm ẩn hay ngủ ngầm trong tiến trình tâm thức. Nó sẽ phát triển theo thời gian. Chúng ta nên hiểu tính tiềm ẩn này như thế nào?

Khi chúng ta còn trẻ, chúng ta đến trường để học hỏi. Bắt đầu từ lúc đó, kiến thức của chúng ta không bị mất đi. Thay vào đó, nó tiếp tục phát triển hay tăng trưởng mặc dầu bộ não của chúng ta không lớn hơn nhiều chút nào. Bắt đầu với ABC mà chúng ta đã học tại lớp vỡ lòng, chất lượng của nó không bị giảm thiểu mà vẫn được duy trì. Nếu không, làm sao chúng ta có thể

¹ Trong Duyên Hệ (Paṭṭhāna), đây là vô hữu duyên (natthi paccayo), lý khứ duyên (vigata paccayo), đẳng vô gián duyên (samanantara) và vô gián duyên (anantara).

tiếp tục phát triển và tiến lên đến cấp đại học, rồi lấy bằng tiến sĩ? Mỗi một người trong chúng ta có đặc tính duy nhất, riêng biệt khác với những người còn lại. Nghiệp (kamma) cũng giống như vậy. Nó duy trì hay ở lại trong dòng tâm thức của chúng ta như là một phẩm chất, tạo ra những khuynh hướng mang tính thói quen.

Ví dụ, giả sử chúng ta thường hay giận dữ, đôi lúc với một người nào đó hoặc với một việc gì đó. Sự chú ý này, tức là tâm sở tư (cetanā) này, trở thành một nghiệp lực được tích lũy trong chúng ta, nằm ẩn tàng trong chúng ta. Điều này trở thành một tập tục: tức là sự giận dữ sanh lên, diễn ra nhiều lần. Nó sẽ chuyển thành một khuynh hướng khi những suy nghĩ tức giận xuất hiện lặp đi lặp lại. Như vậy, bản chất hay phẩm chất của nó sẽ tăng lên thông qua sự lặp lại. Theo thời gian, nghiệp lực sẽ trưởng thành hay chín muồi với sự giúp đỡ của những điều kiện khác.

Vô lượng kiếp cho đến khi Ba-la-mật (Pāramī) tròn đủ

Về bên phía thiện lành, chúng ta hãy lấy Bồ-tát (Bodhisatta) trong kiếp sống của Sumedha làm ví dụ. Từ lúc Ngài nhận được sự thọ ký từ Đức Phật Dīpaṅkara rằng Ngài sẽ một ngày nào đó trở thành Phật, Ngài đã bắt đầu vun bồi những pháp Ba-la-mật (Pāramī) của mình. Nếu những pháp Ba-la-mật này không được “ghi nhận” hoặc “lưu trữ” lại, thì làm sao chúng có thể tích lũy để Ngài cuối cùng trở thành Phật? Những phước Ba-la-mật này được truyền lại hay được giữ lại trong dòng tâm thức cùng với nó như là một nghiệp lực, truyền từ tâm (citta) này sang tâm kế tiếp trong vô số những kiếp sống tiếp nối. Chúng đã được giữ trực tuyến từ đạo sĩ Sumedha cho đến Đức Phật Gotama, tức là cho đến khi các pháp Ba-la-mật được vun bồi tròn đủ. Năng lực mà

được tích lũy trong suốt thời gian dài vô hạn này đã thể hiện ra, đưa đến việc thành tựu quả vị Phật.

Các bạn hãy tự suy nghiệm đi: nếu không học qua cơ sở và tiểu học, các bạn không thể nào hiểu được và tốt nghiệp được trung học. Nếu không có kiến thức từ tiểu học và trung học, các bạn sẽ chẳng thể nào tiếp thu được những gì được giảng dạy tại cấp đại học. Do đó, rõ ràng là những gì được tiếp nhận đã không bị mất đi. Cũng theo cách này, nghiệp (kamma) được duy trì trong dòng tâm thức của các bạn. Tại điểm cuối cùng đời sống này, nó sẽ được truyền gửi vào đời sống kế tiếp. Tại lúc tử của đời sống kế tiếp, quá trình này sẽ tiếp tục vào kiếp sống thứ ba. Với sự truyền gửi liên tục như vậy, tiến trình này không bao giờ biến mất trong vòng luân hồi (saṃsāra).

Động Lực Là Nghiệp (Kamma)

Đức Phật đã tuyên bố rằng tâm sở tư hay sự chú ý (cetanā) là nghiệp (kamma)¹. Tuy nhiên, nhiều người tại Miến Điện vẫn hiểu lầm về ý nghĩa của cetanā (tâm sở tư). Nhiều người nghĩ rằng nó là thiện và nói: “Tôi luôn có cetanā khi có liên quan đến chuyện làm việc thiện” hoặc “Tôi nói với cetanā”. Nhưng nó không hẳn đều là tốt mọi lúc.

Người Miến cho rằng trạng thái tinh thần này hoặc tâm sở này chỉ ở bên phía thiện có lẽ vì trong những dịp làm thiện pháp, họ thường nghe: “Sự dâng cúng này được thực hiện với sự chú ý (cetanā) nhiệt tâm.” Khi tâm sở tư (cetanā) được kết hợp với thiện (kusala), thì nó là thiện. Khi đi cùng với bất thiện (akusala), thì nó trở thành bất thiện. Cho nên, tự chính nó không thể được gọi là tốt hoặc xấu.

¹ Cetanāham bhikkhave kammaṃ vadāmi. Trong Nibbedha Bhagiya Sutta (hoặc Nibbedhika Sutta), Aṅguttara Nikāya – Kinh Một Pháp Môn Quyết Trạch, Đại Phẩm, Chương Sáu Pháp, Tăng Chi Bộ Kinh

Rồi khi mọi người nói về nghiệp (kamma) tốt hoặc xấu của mình, nhiều người có lẽ không nhận thức rằng họ đang nói về tâm sở tư (cetanā), vốn như đã được Đức Phật thuyết giảng.

Tâm sở tư (cetanā) thật ra có nghĩa là chủ ý, động lực hay sự thúc đẩy, chứ không phải ước muốn. Tại sao Đức Phật lại chỉ định cụ thể rằng tâm sở này là nghiệp (kamma)? Khi chúng ta suy nghĩ về một điều gì đó, việc làm này là thông qua sự kích hoạt của tâm sở tư (cetanā). Thông qua tác động hay sự kích hoạt của tâm sở tư (cetanā) mà chúng ta có thể nói được.

Đối với các hoạt động thân xác, cũng chính thông qua sự thúc đẩy của tâm sở tư (cetanā) mà chúng ta có thể thực hiện được những hoạt động đó. Các hoạt động thân và ngữ nếu không có sự chủ ý thì không phải là nghiệp (kamma). Chỉ có hành động có chủ ý mới có nghiệp (kamma) đi cùng với nó. Vì lý do này, tâm sở tư (cetanā) rất là quan trọng và chức năng của nó cần phải được hiểu rõ.

Tâm sở tư (cetanā) là người điều hành và là người cung cấp sinh lực

Tâm sở tư (cetanā) là một trong bảy tâm sở biến hành¹ vốn được tìm thấy trong mọi tâm (citta). Bảy tâm sở này không thể tách rời được này tạo lập nên một đơn vị tâm trí cơ bản nhất (và yếu nhất) mà có thể bắt được một đối tượng giác quan². Chức năng của phần tử tâm trí này là sự ghi nhận đối tượng một cách đơn thuần.

¹ Aññasamāna cetasika: tức là tâm sở có chung cho tất cả các tâm.

² ND: Ở đây, chúng ta phải hiểu rằng tập hợp này phải bao gồm thêm tâm (citta) nữa. Nói cách khác, tập hợp này phải bao gồm tám yếu tố: tâm và bảy tâm sở biến hành. Một ví dụ cho tập hợp này chính là bất kỳ một tâm nào trong ngũ song thức.

Những tâm sở (cetasika) khác trong nhóm này bao gồm xúc (phassa), tạo nên sự xúc chạm với cảnh; và thọ (vedanā), tận hưởng cảm giác của nó. Rồi có tưởng (saññā), đánh dấu đối tượng cho sự ghi nhận trong tương lai. Với tâm sở nhất tâm (ekaggatā), tâm chỉ có một đối tượng. Danh mạng quyền (jīvitindriya) bảo vệ nó, làm cho nhóm hay tập hợp này tiếp tục tồn tại. Tác ý (manasikāra) giữ cho tâm hướng trực tiếp đến đối tượng. Cho nên, mỗi tâm sở có một chức năng khác nhau mặc dầu chúng cùng nhau làm việc một cách hòa hợp như là tám trong một (bao gồm tâm (citta) nữa).

Đối với tâm sở tư (cetanā), thì nó đóng vai trò gấp đôi. Trước hết, nó có khả năng tập hợp những tâm sở khác lại cùng nhau. Ngày này, chúng ta có thể so sánh nó với người tổ chức hay người điều hành, tức là phải trông nom hay giám sát công việc của các nhân viên trong khi phải thực hiện chính công việc của mình. Bằng cách tập hợp những tâm sở khác lại với nhau và thông qua sự động viên, cổ vũ của nó, tâm sở tư (cetanā) giúp khiến cho nhiều việc được hoàn thành hơn. (Ví dụ, nó thúc đẩy tham (lobha) thành sự ham muốn, sân (dosa) thành sự giận dữ và si (moha) thành sự rối loạn.)

Chỉ lúc đó rồi mới có năng lượng toàn diện. Đó là do một khả năng khác của tâm sở tư (cetanā) trong việc cung cấp sinh lực và tích lũy năng lượng. Nó thu thập và gây dựng năng lượng của tất cả những pháp (Dhamma) có liên quan trong khi gây dựng năng lượng của chính mình. Đây là cách nó trở thành nghiệp (kamma) khi năng lượng của nó đầy đủ. Do đó, nó có thể tạo sinh ra kết quả của mình. Khi nó làm việc đó, điều gì xảy ra? Ý nghiệp (mano-kamma), ngữ nghiệp (vacī-kamma) hoặc thân nghiệp (kāya-kamma) sanh lên.

Cho nên, nếu không có tâm sở tư (cetanā) tập hợp

những tâm sở khác lại, thì sẽ không có năng lượng. Nhưng mỗi khi mà tất cả được tập trung lại, thì năng lực được tạo thành đó sẽ cho phép tiến trình và hành động diễn ra: thông qua ý, thông qua ngữ và thông qua thân xác. Đây là nghiệp (kamma).

Tuy nhiên, mặc dầu nghiệp (kamma) thật ra có nghĩa là hành động, nhưng nó không chỉ là hành động mà lại là sự thúc đẩy từ phía sau. Theo cách này, chúng ta có ý tưởng tham gia khóa hành thiền minh sát (vipassanā) tích cực mười ngày. Tên trộm có ý tưởng thực hiện một cuộc trộm cắp. Như vậy, tâm sở tư (cetanā) kích thích hay thúc đẩy hành động. Cho nên, nguyên nhân là nghiệp (kamma) và hành động là kết quả. Ai tạo ra nó? Chính tâm sở tư (cetanā). Đó là lý do tại sao Đức Phật tuyên bố rằng nó là nghiệp (kamma).

Tâm Sở Tư (Cetanā) Nào? Nghiệp (Kamma) Nào?

Hằng ngày, ai là người thúc đẩy chúng ta suy nghĩ, bàn thảo kế hoạch, nói chuyện và làm việc? Đó chính là tâm sở tư (cetanā) thông qua sự kích hoạt hay thúc đẩy của nó. Bằng cách thúc đẩy những tâm sở khác, năng lượng của chúng được gia tăng lên. Kết quả là chúng thực hành phận sự của chúng một cách tốt đẹp hơn. Tùy thuộc vào điều này, phước và tội sanh lên. Ví dụ, nếu tham (lobha), sân (dosa) hoặc si (moha) dẫn đầu, thì nghiệp (kamma) bất thiện sẽ hiện hữu. Nếu vô tham (alobha), vô sân (adosa) hoặc vô si (amoha) ở trong vai trò điều khiển, thì nghiệp (kamma) thiện sẽ sanh lên.

Như vậy, chúng ta có thể phân biệt hai loại nghiệp (kamma). Tương tự, có hai loại tâm sở tư (cetanā) có thể được nhận dạng tùy thuộc vào loại tâm mà nó có liên quan đến hoặc kết hợp với.

Tâm sở tư dị thời (nānākkhaṇika cetanā) và tâm sở tư đồng sanh (sahajāta cetanā)

Một loại là tâm sở tư dị thời (nānākkhaṇika cetanā¹). “Dị thời” ở đây là chỉ cho thời điểm lúc tâm sở tư (cetanā), tức là nghiệp (kamma), xảy ra khác với thời điểm khi nghiệp (kamma) cho quả của nó. Hai thời điểm này không phải là một vì quả của nghiệp xuất hiện tại thời điểm khác. Đôi lúc, nó có thể là ngay sau đó, ví dụ như trong trường hợp của đạo (magga) và quả (phala): sát-na đi trước là đạo (magga) và sát-na đi sau là quả (phala). Ở những trường hợp khác, chúng có thể cách nhau a-tăng-kỳ năm hoặc a-tăng-kỳ kiếp. Giả sử trong vòng luân hồi (saṃsāra), cách đây mấy a-tăng-kỳ kiếp, chúng ta đã phạm tội sát sanh. Nghiệp (kamma) đó đi theo chúng ta, tạo nên bệnh hoạn và thậm chí là cái chết bất đắc kỳ tử.

Giả sử nếu quả là tức thời thì sao? Nếu nghiệp bất thiện (akusala kamma) cho quả tức thời, chắc mọi người sẽ ghê sợ những việc làm sai trái. Đối với những nghiệp thiện, thì giả sử có một thí chủ mà việc thiện của ông sẽ cho quả sanh thiên. Vậy thì tại lúc thực hiện việc bố thí, ông sẽ không còn là người nữa vì ông sẽ thành thiên nhân ngay. Đó là giả sử tâm sở tư (cetanā) cho quả ngay lập tức. Điều đó có nghĩa là trong khi các bạn trì giữ giới hạnh (sīla), thì ngay thời điểm đó, các bạn sẽ trở thành thiên nhân ngay tại chỗ.

Như vậy, nghiệp dị thời (nānākkhaṇika cetanā) cho quả ở một thời điểm khác. Đây là loại tâm sở tư (cetanā) kết hợp với thiện (kusala) hoặc bất thiện (akusala). Vì chúng là tâm sở tư (cetanā) thiện và bất thiện, cho nên,

¹ Nānā = khác, khaṇa = thời điểm. Như vậy, nānākkhaṇika có nghĩa là khác thời hay không cùng thời điểm.

chúng tạo sinh ra quả của mình một khi năng lượng của chúng được gây dựng đầy đủ hoặc trọn vẹn. Đây là loại nghiệp (kamma) mà chúng ta thường nói đến khi chúng ta bàn về nghiệp (kamma) tốt và nghiệp xấu chúng ta làm. Đây là loại nghiệp (kamma) dẫn đưa chúng ta từ kiếp sống quá khứ đến kiếp sống hiện tại.

Một loại nghiệp (kamma) khác là loại tâm sở tư (cetanā) biến hành, được tìm thấy trong mọi tâm (citta). Không giống với nghiệp dị thời (nānākkhaṇika cetanā), nó không phải là loại nghiệp mà mọi người muốn nói đến khi nói rằng: “Ồ, mọi thứ đều do nghiệp (kamma).” Đây là loại tâm sở tư (cetanā) sanh lên cùng với những tâm sở kết hợp và tập hợp chúng lại. Với năng lượng của mình, nó kích hoạt những tâm sở đó trong khi tiến hành nhiệm vụ riêng của mình, tức là tích lũy năng lượng. Được biết đến với tên gọi là nghiệp đồng sanh (sahajāta cetanā hoặc sahajāta¹ kamma), nó không phải là loại nghiệp tạo sinh ra quả của mình khi nó kết hợp với những loại tâm (citta) thông thường khác.

Loại tâm sở tư (cetanā) nào là nghiệp (kamma)?

Vậy khi giảng về nghiệp (kamma) trong các bài kinh, Đức Phật muốn nói về loại tâm sở tư (cetanā) nào? Khi Ngài tuyên bố rằng tâm sở tư (cetanā) là nghiệp (kamma)², ý của Ngài là tâm sở tư dị thời (nānākkhaṇika cetanā). Trong những bài kinh (sutta) đó, chỉ có tâm sở tư (cetanā) kết hợp với các tâm thiện (kusala citta) và các tâm bất thiện (akusala citta) mới được gọi là nghiệp (kamma). Cho nên, ví dụ khi Đức Phật dạy rằng nghiệp

¹ Saha = cùng nhau, jāta = sanh lên. Như vậy, sahajāta có nghĩa là cùng sanh lên.

² Nibbedha Bhāgiya Sutta, Aṅguttara Nikāya – Kinh Một Pháp Môn Quyết Trạch, Đại Phẩm, Chương Sáu Pháp, Tăng Chi Bộ Kinh

(kamma) là tài sản của chính mình hoặc là sự kế thừa duy nhất của chính mình, thì nghiệp (kamma) đó chỉ cho nghiệp dị thời (nānākkhaṇika kamma). Rồi nếu các bạn tra cứu Lý Duyên Khởi (Paṭicca Samuppāda) trong phần “Hành duyên cho thức” (Saṅkhārā paccayā viññāṇa), hành (saṅkhāra) ở đó là nghiệp dị thời (nānākkhaṇika kamma).

Tuy nhiên, trong bộ sách Duyên Hệ (Paṭṭhāna) của tạng Thắng Pháp (Abhidhamma), tất cả các loại tâm sở tư (cetanā) đều được xem là nghiệp (kamma), không quan trọng sự kết hợp của chúng với tâm (citta) nào – thậm chí cả với những tâm quả (vipāka citta) và những tâm duy tác (kiriya citta). Do đó, tâm sở tư đồng sanh (sahajāta cetanā) cũng được bao gồm. Lý do như vậy là vì cũng là cùng loại, tâm sở tư đồng sanh (sahajāta cetanā) cũng có tiềm năng cho quả như tâm sở tư dị thời (nānākkhaṇika cetanā).

Cây nghiệp (cetanā) cho quả không ngừng nghỉ

Như vậy, giống như một cội cây cứ mãi cho quả, chúng ta thực hiện vô số nghiệp thông qua suy nghĩ, lời nói và hành động thân xác. Giống như quả với nhiều hạt, các hành động của chúng ta cho hạt của nghiệp. Với sự trợ giúp của các điều kiện, chúng có thể phát triển và nảy mầm.

Năng lượng tái tạo này ẩn chứa ở đâu trong cây? Nó chỉ được tìm thấy trong quả và hạt. Chúng ta nhận được nhiều bộ phận khác nhau phát triển từ hạt: như gốc rễ, thân, cành nhánh, lá, hoa và quả. Nhưng năng lượng tái tạo không nằm trong những phần này ngoại trừ trong quả và hạt.

Ngoại trừ những tâm đồng lực (javana), tất cả

những tâm (citta) khác tham gia vào lộ trình tâm (citta vīthi) như tâm hướng ngũ môn (pañcadvārāvajjana), tâm nhãn thức (cakkhu viññāṇa) và tâm tiếp thân (sampaṭicchana) đều có thể được so sánh với những bộ phận khác nhau của cây, như lá, rễ, thân và vân vân. Tuy nhiên, năng lượng tái tạo chỉ có thể được tìm thấy trong hạt, chứ không phải trong những bộ phận khác. Cũng giống như vậy, nghiệp lực tái sanh chỉ gom tập trong tâm sở tư (cetanā) của những đồng lực (javana). Tâm sở tư (cetanā) của những tâm (citta) khác thiếu vắng loại nghiệp lực tạo nên đời sống mới. Ví dụ, tâm sở tư (cetanā) trong tâm hướng ngũ môn (pañcadvārāvajjana) hoặc trong tâm nhãn thức (cakkhu viññāṇa) không thể tích lũy năng lượng, và nó chỉ là nghiệp đồng sanh (sahajāta kamma).

Theo Sớ Giải¹, tâm sở tư (cetanā) thực hiện chức năng tích lũy chỉ khi nào nó đi cùng với những tâm thiện (kusala citta) và tâm bất thiện (akusala citta), chứ không phải những loại tâm khác, tức là quả (vipāka) và duy tác (kiriya). Và rồi chỉ lúc đó nó mới được gọi là nghiệp (kamma) vì nó có khả năng gây dựng năng lượng một cách đầy đủ. Với tư cách là nghiệp (kamma), nó có thể tạo sinh ra quả của mình, ví dụ như sự tục sinh. Do đó, là tâm sở tư (cetanā) với lực đẩy mạnh tại lúc sanh lên của các đồng lực (javana) – chính tại đây, nghiệp (kamma) mới được hình thành.

Tâm Quyết Định Đời Sống Của Chúng Ta

Tại sao tâm sở tư (cetanā) chỉ gom tập năng lượng với những tâm thiện (kusala citta) và những tâm bất thiện (akusala citta)? Sớ Giải không trình bày lý do nào cả. Vì các đồng lực (javana) hầu hết là thiện và bất thiện,

¹ Aṭṭhasālinī, Sớ Giải của Bộ Pháp Tụ (Dhammasaṅgani)

cho nên, đó là nơi nghiệp (kamma) có thể tích lũy.

Mỗi khi chúng ta thấy một đối tượng, thì lộ tâm diễn ra. Điều này cũng giống như vậy đối với việc nghe, việc ngửi, việc nếm, việc đụng chạm hoặc việc suy nghĩ khi các đối tượng bao vây, tấn công chúng ta thông qua sáu môn. Trong lộ tâm diễn ra, tâm hữu phần (bhavaṅga) không bao giờ làm việc với bất kỳ đối tượng mới nào vì nó đã có đối tượng của riêng mình. Tâm hướng ngũ môn (pañcadvārāvajjana) làm người mở cổng thì không phải là nghiệp (kamma) và cũng không phải là quả của nghiệp. Nhìn xem khách viếng là ai, tâm nhãn thức (cakkhu viññāṇa) là quả của nghiệp (kamma). Tâm tiếp thụ (sampañcchana) cũng là quả của thiện (kusala) và bất thiện (akusala), cũng giống như tâm quan sát (santīraṇa). Tâm đoán định (voṭṭhabbana) thì không phải là thiện (kusala), không phải là bất thiện (akusala) cũng như không phải là quả của nghiệp (kamma). Sau khi nó diệt đi, thì tâm (citta) gì sanh lên? Đó là đồng lực (javana). Trong lộ trình tâm, đây là giai đoạn rất quan trọng.

Những tâm (citta) đi trước nó, tức là tâm hướng ngũ môn (pañcadvārāvajjana), tâm nhãn thức (cakkhu viññāṇa) và vân vân, sanh lên và diễn ra một cách tự nhiên theo nhân duyên và điều kiện – chúng ta chẳng thể làm gì khác được. Chỉ có những tâm đồng lực này mới trải nghiệm đối tượng. Có tính mạnh mẽ không giống như những tâm khác, tâm đồng lực (javana citta) cũng thực hiện quyết định cuối cùng về đối tượng: tức là nó đẹp hay xấu và vân vân. Nếu nó nhận thấy đối tượng là được khao khát, nó sẽ nói: “Cái này đẹp quá. Tôi muốn nó.”

Giống như tia sét

Với khả năng đạt được năng lực hay động lực, những tâm đồng lực (javana) này không giống như những tâm (citta) khác. Chúng ta có thể so sánh sự dâng trào về năng lượng của chúng với một tia sét. Điểm quan trọng không phải ở chỗ các đồng lực (javana) có nhanh hơn so với những tâm khác không. Nhanh hơn hay chậm hơn – yếu tố này thì giống nhau cho tất cả các tâm (citta). Theo Ledi Sayadaw, chúng là những tâm (citta) mà có thể đạt được sức đẩy hay động lực liên quan đến đối tượng.

Chúng ta hãy nghĩ xem điều gì xảy ra khi con mắt nhìn thấy đối tượng nó thích. Sự dính mắc hoặc sự khao khát tăng vọt lên. Đây là sức đẩy của những đồng lực tham (lobha javana). Đối với đối tượng không được khao khát, sẽ có sự gia tăng đột ngột về sự bất mãn, tức là sự không hài lòng của các đồng lực sân (dosa javana). Phụ thuộc vào tác ý khéo hay không khéo, những đồng lực thiện hoặc bất thiện sẽ sanh lên.

Ví dụ, khi thấy một bông hoa, một người có thể nghĩ rằng: “Bông hoa đẹp quá! Tôi có thể cài lên tóc. Hoặc chưng trên bàn ăn cũng sẽ rất đẹp.” Loại suy nghĩ này là do sự sanh lên của các đồng lực tham (lobha javana). Đối với một người khác, thì suy nghĩ lại khác. Tức là chẳng hạn như: “Bông hoa đẹp quá! Tôi sẽ dâng cúng nó đến Đức Phật tại bàn thờ.” Suy nghĩ theo cách này là do sự trào dâng của những đồng lực thiện (kusala javana). Những tâm sở tư (cetanā) kết hợp với chúng có thể tạo sinh ra kết quả khi tập hợp đủ năng lượng.

Nhân duyên

Như vậy, với tác ý không khéo (ayoniso manasikara), đồng lực tham (lobha javana) có thể sanh

lên tạo nên sự ham muốn, hoặc đồng lực sân (dosa javana) có thể sanh lên tạo nên sự chán ghét. Cũng vậy, vì không biết bản chất thật của đối tượng, ảo tưởng của đồng lực si (moha javana) cũng có mặt. Ba nhân xấu (tham, sân và si) cũng như ba nhân tốt (vô tham, vô sân và vô si) cung cấp sự hỗ trợ, vì nếu chúng vắng mặt thì năng lượng không thể duy trì được. Điều này muốn nói rằng chúng là các nhân duyên¹. Do những nguyên nhân như vậy, nghiệp lực có thể được gây dựng lên chỉ trong những đồng lực thiện (kusala javana) và những đồng lực bất thiện (akusala javana).

Tuy nhiên, nó không tích lũy trong các đồng lực quả (vipāka javana) và đồng lực duy tác (kiriya javana), mặc dầu vô tham (alobha), vô sân (adosa) và vô si (amoha) cũng được tìm thấy trong những tâm đại quả (mahāvīpāka citta) và những tâm đại duy tác (mahākiriya citta). Như vậy, tâm sở tư (cetanā) không thể duy trì nghiệp lực khi nó được kết hợp với những tâm (citta) như vậy.

Các nhân trong tâm quả (vipāka citta) cũng như trong tâm duy tác (kiriya citta) có khác không?

Các nhân vô tham, vô sân và vô si trong các tâm đại quả (mahāvīpāka citta) và các tâm duy tác (kiriya citta) thì không giống các nhân trong các đồng lực thiện (kusala javana) và các đồng lực bất thiện (akusala javana). Tại sao như vậy? Đối với tâm đại quả (mahāvīpāka citta), đó là vì nó chỉ là kết quả của tâm đại thiện (mahākusala). Cho nên, nó không thể là năng động, bởi vì nó chỉ là một hình ảnh mà thôi. Theo Sớ Giải, tâm đại quả (mahāvīpāka) thì lặng im và thụ động. Giống như

¹ Hetu paccayo. Trong Duyên Hệ (Paṭṭhāna), loại duyên này củng cố hay làm vững chắc pháp được duyên.

hình phản chiếu qua kính, nó không thể được làm thay đổi khác đi. Thậm chí tâm sở tư (cetanā) kết hợp với ba nhân thiện của tâm (citta) này cũng không thể tích lũy được nghiệp lực.

Rồi chúng ta hãy xem xét tâm đại thiện (mahākusala citta). Khi nó sanh lên trong chúng ta thì nó là đại thiện (mahākusala). Khi nó sanh lên trong các vị A-la-hán (Arahant) thì nó được xem là tâm đại duy tác (mahākiriya). Tại sao tâm sở tư (cetanā) không thể tích lũy nghiệp lực trong đồng lực đại duy tác (mahākiriya javana)? Sớ Giải so sánh tâm (citta) này với một cây có hoa nhưng đã bị cắt đứt gốc. Nếu như vậy, thì hoa có thể nở thành quả không? Dĩ nhiên là không. (Nếu gốc vẫn còn, thì chúng vẫn có khả năng.) Cũng theo cách này, đối với các vị A-la-hán (Arahant), gốc tham (lobha), sân (dosa) và si (moha) đã bị cắt đứt. Các đồng lực đại duy tác (mahākiriya javana) giống như những bông hoa của cây mà rễ đã bị cắt rời. Do đó, các tâm sở tư (cetanā) của những tâm (citta) này không thể tập hợp được nghiệp lực.

Đây là những gì tôi nghĩ vì thật ra Sớ Giải không trình bày lý do nào ngoại trừ nói rằng tâm sở tư (cetanā) mà được kết hợp với thiện (kusala) và bất thiện (akusala) thì tích lũy năng lượng. Chúng ta có gốc thiện và gốc tội lỗi trong dòng tâm thức của chính mình. Không giống với các bậc A-la-hán (Arahant), nghiệp lực tích trữ trong chúng ta thông qua những chuỗi liên tục không ngừng nghỉ của những đồng lực (javana).

CHƯƠNG HAI

Nghiệp (Kamma) Là Hành Động Do Bối Sự Thúc Đẩy

Nói Dối Được Thành Tựu Như Thế Nào

Khẩu và thân là nguyên nhân của ngữ nghiệp và thân nghiệp một cách tương ứng. Hai bộ phận này được xem là hai môn để nghiệp (kamma) xuất hiện. Như vậy, nghiệp (kamma) sanh lên từ thân biểu tri và ngữ biểu tri¹. Khi chúng ta thể hiện một hành động thuộc về thân xác hoặc khi chúng ta nói một cách có chủ ý, thì đó là thân nghiệp (kāya kamma) và ngữ nghiệp (vacī kamma)².

Mặc dầu khẩu hay cái miệng được bao gồm trong thân, nhưng nó lại đặc biệt. Thậm chí có thể được thực hiện thông qua các cử chỉ bằng thân, nhưng việc nói dối chủ yếu được thực hiện bằng khẩu. Vì nói dối hầu hết là bằng ngôn từ, cho nên, nó được tính riêng là một phương tiện bên ngoài thân xác.

Mặc dầu có bốn loại ngữ nghiệp bất thiện, nhưng chúng ta sẽ chỉ bàn luận về việc nói những điều không thật.

Một nghiệp (kamma) hoàn chỉnh

Thông qua động lực mà chúng ta nói dối. Giả sử rằng sự ham muốn sanh lên trong chúng ta và chúng ta nói dối. Như vậy, nói dối (musāvādā) là một ngữ nghiệp

¹ Kāya viññatti và vacī viññatti – viññatti có nghĩa là sự thể hiện.

² Có ba loại thân nghiệp bất thiện (akusala kāya kamma): sát sanh (pāṇātipātā), trộm cướp (adinnādāna) và tà dâm (kāmesumicchācārā). Bốn loại ngữ nghiệp (vacī kamma): nói dối (musāvādā), nói chia rẽ (pisuṇavācā), nói độc ác (pharusavācā) và nói vô ích (samphappalāpā).

do bởi động lực. Cho nên, có hai hiện tượng ở đây: thứ nhất là động lực hay sự chú ý (cetanā), và theo sau là một ngữ nghiệp. Như Đức Phật đã thuyết giảng, chính sự chú ý đó là ngữ nghiệp (vacī kamma). Lý do nó là như vậy là vì do sự chú ý, hành động nói dối đó xảy ra.

Cho nên, theo Phật giáo, ở đây muốn chỉ cho nguyên nhân, chứ không phải kết quả. Chúng ta cần phải nhìn thấy nó theo cách này: sự chú ý hay động lực là nguyên nhân; việc nói dối là kết quả. Nếu không có chú ý hay động lực, thì việc nói dối sẽ không xảy ra.

Do đó, ngữ nghiệp (vacī kamma) chỉ cho nguyên nhân. Nếu sự chú ý muốn nói dối thì có, nhưng việc nói dối thì không xảy ra : trường này thì như thế nào? Trong trường hợp này, nó không phải là ngữ nghiệp (vacī kamma). Các bạn có thể có động lực muốn nói một điều gì đó không phải là sự thật, nhưng các bạn lại không thực hiện việc đó. Với chỉ động lực nhưng lời nói không được thực hiện, thì đó không thể được gọi là ngữ nghiệp (vacī kamma). Không có hành động nói dối hoàn chỉnh.

Chỉ trong trường hợp sự chú ý đưa đến việc nói lời không thật – đây mới là ngữ nghiệp (vacī kamma). Như vậy, cái chú ý mà dẫn đến lời nói dối thì được gọi là ngữ nghiệp (vacī kamma). Trong kinh điển, loại nghiệp (kamma) này được gọi là kamma-patha¹, tức là nghiệp (kamma) được phát triển một cách hoàn toàn hay một cách trọn vẹn.

Hai bước trong việc nói dối

Ngay tại thời điểm của động lực hay sự thúc đẩy, nó có thể được gọi là nghiệp (kamma). Nhưng vì nó còn phải tạo ra lời nói dối nữa, cho nên, nó chưa phải là kamma-

¹ Patha = con đường hay đạo lộ. Như vậy, kamma-patha = [được đặt trên] con đường hay đạo lộ của nghiệp (kamma).

patha, tức là chưa phải là nghiệp hoàn chỉnh. Cho nên, động lực là ở một thời điểm. Nói lên lời nói dối là ở một thời điểm khác. Chúng ta có thể có động lực (mà có thể được gọi là nghiệp (kamma)). Nhưng nếu sự dối trá không được thực hiện, thì nó không thể được gọi là kamma-patha, tức là chưa phải là nghiệp hoàn chỉnh.

Hầu hết mọi người không phân biệt được nghiệp (kamma) và nghiệp được phát triển một cách đầy đủ; chỉ có những ai có nghiên cứu học hỏi kinh điển, chẳng hạn như Thắng Pháp (Abhidhamma) mới phân biệt rõ được hai loại này. Khi động lực dẫn đến việc nói lên lời nói dối, thì điều đó có nghĩa là nghiệp (kamma) đang diễn tiến thành việc nói dối (musāvādā).

Cần ba bước để không nói dối

Hành động đối ngược là kiêng tránh việc nói dối (musāvādā). Trong trường hợp này, nó là thiện (kusala). Tương tự, động lực sanh lên trước – không nói dối. Kiêng tránh việc nói dối: ngay sự vắng mặt của hành động đó đã là kamma-patha, tức là nghiệp hoàn chỉnh. Kiêng tránh việc nói dối là một ngữ nghiệp và là thiện nghiệp (kusala kamma). Nhưng không có hành động nào liên quan cả, mà chỉ là việc giữ lại lời nói không thật, tức là không nói ra. Vì nó liên quan đến khẩu, cho nên, nó được gọi là ngữ nghiệp (vacī kamma). Đây là vì việc giữ im lặng là hành động không dùng đến khẩu.

Rồi giai đoạn thứ ba là nói sự thật, một thiện nghiệp (kamma). Trước hết, động lực không nói dối là ở một thời điểm. Sự kiêng tránh việc nói điều không thật là ở một thời điểm khác. Rồi nói sự thật là nghiệp thiện (kusala kamma) được phát triển.

Như vậy, động lực hay sự chú ý là chìa khóa vì nó dẫn đến không chỉ việc nói dối mà là tất cả các dạng thiếu hạnh kiểm khác. Ví dụ, khi sân sanh lên, sẽ có lời

nói chửi rủa, sỉ nhục. Sau đó, người ta sẽ muốn thực hiện hành động có tính thân xác: đánh đập hoặc giết hại.

Trong Việc Gây Ra Án Mạng: Ai Là Người Có Tội?

Trong chuyến viếng thăm Mã-lai vào năm 1991, một tín nữ có kể cho tôi nghe rằng bà đã cảm thấy rất ân hận về việc mẹ của bà chết trong bệnh viện vì do lỗi của bà. Mẹ của bà lúc đó muốn uống nước. Cho nên, bà đã rót nước vào ly và đưa cho bà cụ. Bà cụ đã bị sặc do uống nước trong ly và đã chết vì không thở được. Cho nên, bà đã cảm thấy có trách nhiệm gây ra cái chết cho bà cụ.

Và tôi đã hỏi chủ ý của bà lúc đó là như thế nào. Bà không muốn mẹ của bà chết: tâm của bà là trong sạch.

Sự chủ ý là quan trọng hơn là hành động. Nếu không có động cơ sát hại, thì không có tội. Đức Phật đã trình bày một sự tương tự như sau: nếu tay của các bạn không có vết thương, thì thậm chí nếu các bạn có đung vào chất độc, nó cũng sẽ không bị nhiễm độc. Ý nghĩa ở đây là nếu tâm trong sạch, thì mặc dầu một người có làm cho người khác chết đi, người đó vẫn không bị khiển trách.

Trở lại với sự tình của cô tín nữ trên, mẹ của bà đã chết. Nhưng bà không có ước muốn gây ra chuyện đó. Cho nên, bà không có trách nhiệm ở đây. Trong một hành động không có chủ ý khi không có động lực sát hại, thì không có nghiệp (kamma).

Sát sanh là một hành động nghiệp tròn đủ

Chủ ý muốn sát hại là thời điểm trước nhất. Sau đó, hành động sát hại được thực hiện bằng thân xác trở thành kamma-patha, tức là nghiệp được phát triển tròn đủ. Tuy nhiên, để cho nghiệp tích lũy trong người thực hiện việc sát hại, năm yếu tố sau phải được thỏa mãn đầy

đủ. Thứ nhất, phải có chúng sanh có thức tánh. Thứ hai, người đó phải biết chúng sanh đó còn sống. Thứ ba, phải có động lực hay chủ ý sát hại. Thứ tư, phải có hành động sát hại. Thứ năm, cái chết phải xảy ra.

Nếu năm điều kiện này được hoàn thành, thì nghiệp (kamma) sẽ tích lũy trong người chịu trách nhiệm. Nhưng nếu nạn nhân không chết, thì đó không phải là nghiệp trọn vẹn. Đối với hành động không có chủ ý gây ra cái chết, thì đó không phải là nghiệp (kamma). Để kiểm tra hành động có phải là nghiệp không, năm điểm này phải được xem xét từng điều một. Ví dụ, có một người ở trong rừng. Ông ta nhìn nhầm một thân cây là một con người và cố gắng giết chết nó. Sân hận có thể sanh lên trong ông ta. Tuy nhiên, đó không phải hành động của nghiệp sát sanh (pāṇātipātā kamma), đơn giản là vì yếu tố thứ nhất không có mặt ở đó.

Đối với chi phần thứ hai: mặc dầu chúng sanh đó còn sống, nhưng người đó lại nghĩ rằng đó không phải là chúng sanh có thức tánh. Cho nên, mặc dầu ông ta cố gắng tiêu diệt đối tượng đó, đó cũng không phải là hành động sát sanh. Cho nên, để cho việc sát sanh (pāṇātipātā) xảy ra, năm yếu tố trên phải có mặt.

Ra lệnh sát sanh hoặc thi hành lệnh sát sanh

Nếu năm chi phần đều có mặt, thì người ra lệnh hoặc xúi giục việc sát sanh sẽ tạo nghiệp. Người đứng đầu chính quyền ra lệnh cho quân đội đi đánh trận và sát hại có thể là vô tội tính theo luật thế gian. Nhưng theo quy luật tự nhiên, ông ta không thể vô tội được. Trong trường hợp của việc làm cho chết một cách không đau đớn (mercy killing), bệnh nhân yêu cầu được tiêm một liều thuốc độc vì không muốn phải chịu đau đớn nữa. Nếu bác sĩ đồng ý trợ giúp, thì ông ta cũng có trách nhiệm như bệnh nhân. Còn nếu bác sĩ cho thuốc bệnh

nhân với ý muốn cứu sống ông ta, nhưng lại gây ra cái chết thì sao? Trong trường hợp này, vị bác sĩ không có tội.

Rồi còn trường hợp những người thi hành lệnh sát sanh thì sao? Chúng ta hãy xem trường hợp của người đao phủ của một vị vua trong thời của Đức Phật.

Tambadāṭhika, người đao phủ

Trong suốt 50 năm, ông đã giết tất cả những tội nhân mà nhà vua phán cho tội tử hình. Bây giờ vào lúc tuổi già, ông tình cờ gặp được ngài Sāriputta. Hình ảnh vị tỳ-khưu đã mang lại cho Tambadāṭhika rất nhiều niềm tịnh tín (saddhā); cho nên, ông đã dâng cúng đến ngài phần cơm sữa mà ông chuẩn bị ăn. Sau đó, ngài Sāriputta đã thuyết giảng Pháp đến cho ông.

Lúc bấy giờ điều gì đang xảy ra trong tâm trí của Tambadāṭhika? Những người giết chết nhiều người như ông thường thì không thể theo dõi bài Pháp được. Cho nên, tâm trí của ông bất an và nặng nề với suy nghĩ: “Ta đã trải qua phần đời với công việc tội lỗi.”

Ngài Sāriputta đã suy ngẫm về tình huống đó, ngừng bài giảng Pháp lại và hỏi: “Này thiện nam (dāyaka), người đang suy nghĩ về điều gì mà làm cho người có vẻ lo lắng như vậy?”

“Bạch ngài, trong nhiều năm, tôi đã xử tử nhiều người. Nghe Pháp bây giờ chẳng có lợi ích gì cho tôi đâu ạ.”

Ngài Sāriputta liền hỏi: “Những người đó bị xử tử có phải là do ông muốn như vậy không?”

“Dạ không, tôi chỉ thực hành theo lệnh của nhà vua thôi ạ.”

“Trong trường hợp đó, nếu ông thừa lệnh của người khác, thì ông có chịu trách nhiệm không?”

Nghe như vậy, Tambadāṭhika cảm thấy dường như vừa trút được một gánh nặng. Với cảm giác nhẹ nhàng, ông nghĩ: “Đúng rồi. Ta xử tử những người đó vì ta bị nhà vua ra lệnh, chứ đâu phải ta muốn đâu.”

Ông cho rằng hay đoán chừng rằng sẽ không có tội khi sát sanh theo lệnh của người khác. Thật ra, thậm chí là theo lệnh của người khác, hành động sát sanh là đáng bị chỉ trích. Dầu các bạn sát hại do tự mình ước muốn hoặc do người khác đề nghị hay xúi giục, nó đều giống nhau.

Vào lúc đó, ngài Sāriputta tiếp tục bài giảng của mình. Xin lưu ý rằng, ngài đã không nói rằng việc ông đã làm là không có tội. Tuy nhiên, bằng cách đặt câu hỏi như vậy, sự phỏng đoán là vô tội sanh lên trong tâm của Tambadāṭhika, làm cho ông lắng dịu xuống. Bây giờ, với một tâm trí an bình, ông đã có thể theo dõi và nắm bắt được Pháp bảo, nhiều đến mức ông đã đạt đến minh sát chánh kiến (*vipassanā sammā diṭṭhi*), tức là đế thuận thứ chánh kiến (*saccānulomika sammā diṭṭhi*)¹.

Người ăn mặn có phạm tội sát sanh (pānātipātā) không?

Nếu một người ăn cá thịt, thì đó có được xem là sát sanh (*pānātipātā*) không? Trong đạo Giai-na, người ăn mặn được cho là cũng có trách nhiệm. Điều này muốn nói rằng người sát hại và người tiêu thụ (ăn mặn) phải chia đều tội với nhau. Các bạn nghĩ sao?

Nếu các bạn nghĩ rằng những ai không ăn chay là có tội sát sanh, thì chúng ta cũng cần phải xem lại trường hợp của những người chế tạo vũ khí. Những vũ khí họ chế tạo ra làm cho người khác có thể phạm tội giết hại. Trong khi đó, ngày nay, chỉ có những kẻ giết người mới

¹ Vào lúc chết, ông đã tái sanh lên thiên giới.

đối diện với tội từ hình, còn những người chế tạo vũ khí thì lại không. Họ cũng có trách nhiệm như những người giết hại mà phải không? Luật pháp không quy đổ trách nhiệm cho họ, không giống như những người sử dụng những sản phẩm của họ chế tạo ra để giết người. Trong trường hợp đó, thì tại sao những người không ăn chay lại bị quy đổ trách nhiệm về những cái chết của những con cá và những con thú mà họ tiêu thụ?

Tuy nhiên, chúng ta cần phải xem xét xem tâm trí là thiện hay bất thiện. Nếu những người chỉ dùng cá (chết) và thịt làm thực phẩm, thì họ không nên bị quy đổ trách nhiệm. Trong trường hợp của những người săn bắt thú vật để giết lấy thịt, thì họ có trách nhiệm rõ ràng. Một người muốn giết một sinh vật để ăn có tâm ý ô nhiễm, không trong sạch. Nếu người đó giết sinh vật đó, thì ông ta phạm vào tội sát sanh (pāṇātipātā).

Điều này cũng áp dụng cho, hay cũng đúng đối với những người lấy săn bắn làm thú vui, làm tiêu khiển. Khi tôi còn trẻ, tôi có nghe kể lại rằng các sĩ quan Anh quốc đã từng bắn chim để tiêu khiển, chứ không phải để ăn thịt. Điều này cũng chẳng khác gì đối với những người ăn chay: họ không ăn thịt nhưng giày dép, túi xách hoặc áo khoác của họ thì được làm bằng da hoặc lông.

Như vậy, làm sao chúng ta có thể tránh được việc phạm tội? Trong Phật Pháp (Buddha-Dhamma), chỉ có sự cố ý sát hại mới là quan trọng, mới là đáng lưu ý. Ngoài chuyện đó ra thì không ai có thể tránh được việc phải chịu phần trách nhiệm cả. Các bạn biết là, khi chúng ta đi tới đi lui, chúng ta cũng giết chết rất nhiều côn trùng. Chỉ là vì chúng ta không thấy và không biết mà thôi. Mặc dầu chúng ta không có chủ tâm (sát hại), nhưng cái chết đang xảy ra vào lúc đó. Sự chủ ý – và lòng sân hận muốn giết – thì quan trọng hơn.

CHƯƠNG BA

Nghiệp (Kamma) Cho Quả

Sự Lặp Lại Sẽ Cho Quả

Giả sử rằng các bạn muốn niệm câu “Namo tassa Bhavagato Arahato Sammāsambuddhassa” nhiều lần cho đến khi các bạn quen thuộc với nó. Sau khi tụng một lần, các bạn lặp lại. Các bạn nhận ra là nó dễ hơn. Sau lần thứ ba, sự tụng đọc của các bạn thông suốt hơn. Sau nhiều lần, thậm chí nếu các bạn bị đánh thức dậy khi đang ngủ và được bảo là hãy tụng đọc đi, các bạn cũng sẽ tụng được, không vấp gì cả.

Khả năng này là do sự lặp lại (āsevana¹). Như vậy, thông qua sự thực hành mang tính lặp đi lặp lại, chúng ta sẽ đạt được kỹ năng. Bất cứ việc gì được làm hoặc xảy ra chỉ một lần thì sẽ không đưa đến kết quả gì nhiều – trừ khi nếu nó được thực hiện nhiều lần cho đến lúc nó trở thành như một cái nếp xếp trên tấm vải. Cái “nếp xếp” này trong tâm chỉ ra rằng khả năng hoặc tài năng đã thấu đạt được.

Trong lộ trình tâm, điều này được gọi là trùng dụng duyên (āsevana paccayo) khi những tâm (citta) tương tự sanh lên một cách lặp lại, với tâm (citta) đi trước truyền gửi năng lượng của nó đến tâm theo sau. Nếu không có sự truyền gửi này xảy ra, các bạn sẽ chẳng thể có được sự tiến triển nào trong việc học thuộc một câu kệ hoặc là việc học tập một kỹ năng nào đó. Các bạn thậm chí sẽ chẳng thể sinh hoạt hay thực hiện các công việc hằng ngày một cách bình thường được. Ví dụ, khi ăn cơm, các bạn sẽ không thể nhớ thủ tục ăn uống như thế nào –

¹ Ā = có tính được lặp lại, sevana = phụ thuộc vào

chẳng hạn như thức ăn phải đi vào miệng, chứ không phải đi vào lỗ tai. Đây là vì trùng dụng duyên cho phép hay giúp các thói quen được hình thành. Từ đó, những hoạt động hằng ngày có thể được thực hiện theo thói quen hay theo quán tính mà không cần sự nỗ lực nhận thức.

Với trùng dụng duyên (*āsevana*), năng lượng và sự thuần thực tăng lên theo từng sát-na tâm (*citta*). Hãy lưu ý rằng tất cả những loại tâm khác nhau tham dự trong lộ tâm – ngoại trừ các tâm đồng lực (*javana citta*) – không thể phát triển về năng lượng và sự thuần thực thông qua sự lặp lại. Với những tâm (*citta*) thông thường này, chúng sanh lên chỉ một lần để thực hiện chức năng của chúng. Đây không phải là trường hợp của các đồng lực (*javana*), vì đối với các đồng lực, năng lượng gia tăng do sự lặp lại của loại tâm này.

Ngoại trừ đồng lực (*javana*) cuối, tức là đồng lực thứ bảy (J7), mỗi một trong số sáu đồng lực (*javana*) ở trước duyên cho tâm sanh lên kế tiếp thông qua năng lực của trùng dụng duyên (*āsevana*). Cho nên, năng lượng của tâm (*citta*) kế tiếp trở nên mạnh hơn năng lượng của tâm đi trước. Theo thứ tự của sự gia tăng năng lượng thì các đồng lực (*javana*) có thể được chia ra thành ba nhóm: nhóm thứ nhất bao gồm chỉ có đồng lực thứ nhất (J1), nhóm thứ hai bao gồm từ đồng lực thứ hai (J2) cho đến đồng lực thứ sáu (J6), và nhóm thứ ba chỉ có đồng lực thứ bảy (J7).

Thời điểm hết hạn là tại lúc kết thúc đời sống này

Là đồng lực đầu tiên trong chuỗi, J1 có năng lượng giới hạn, vì nó chỉ mới bắt đầu thu góp năng lượng. Tại sao như vậy? Đó là vì ở thời điểm trước lúc nó sanh lên, không có tâm (*citta*) nào sở hữu năng lực trùng dụng

duyên (āsevana) cả. Tâm đi liền trước nó là tâm đoán định (voṭṭhabbana), tức là một loại tâm (citta) khác. Cho nên, J1 không thể được duyên bởi năng lực của trùng dụng duyên (āsevana). Do đó, nó không thể tạo sinh ra đời sống mới. Nó chỉ có thể hỗ trợ cho đời sống hiện tại. Đó là hiện báo nghiệp (diṭṭha dhamma vidaniya kamma), cho quả trong kiếp sống hiện tại. Vì năng lượng của nó không đủ, nó không thể vượt ra ngoài kiếp sống này để đi vào được kiếp sống kế tiếp. Tại lúc kết thúc đời sống này, nghiệp lực của nó trở thành hết hạn, tức là thành vô hiệu nghiệp (ahosi kamma), có nghĩa là nó không thể cho quả được nữa – giống như thuốc hết hạn vậy. Cho nên, nếu J1 không có cơ hội cho quả trong khoảng thời gian cho phép của nó, tức là kiếp sống này, thì nó sẽ trở thành vô hiệu nghiệp (ahosi kamma).

Đợi chờ thuận duyên để trở quả trong kiếp sống kế tiếp

Vào lúc diệt đi, J1 truyền năng lượng của nó sang cho J2. Rồi năng lượng của J2 được truyền sang cho J3. Kết quả là J2 mạnh hơn J1, và J3 có năng lực nhiều hơn J2. Như vậy, có sự truyền gửi năng lượng giữa những tâm liền kề nhau như thế này. Đến lượt J6 thì đồng lực này có đầy năng lượng. Rồi năng lượng được tích lũy này được gửi sang cho đồng lực cuối cùng của chuỗi những đồng lực này. Theo cách này, tâm sở tư (cetanā) của J7 nhận được sự hỗ trợ từ tất cả những đồng lực (javana) đi trước. Năng lượng của nó đủ mạnh để tạo ra sự tục sinh vào lúc kết thúc đời sống này.

Tuy nhiên, để tạo ra quả tục sinh, nghiệp (kamma) không thể tự mình thực hiện được. Điều này chỉ có thể xảy ra khi các điều kiện hỗ trợ khác hội tụ. Chỉ lúc đó thì kết quả mới xảy ra. Như vậy, đối với J7 thì khi nào kết quả của nó xảy ra? Do mức năng lượng cao của nghiệp

(kamma), nó xảy ra trong kiếp sống liền kề – tức là đời sống gần nhất có thể – chỉ khi có cơ hội và sự trợ giúp của các điều kiện. Sanh báo nghiệp (upapajjavedaniya kamma) này có thể được so sánh với cây đang đợi nảy mầm vào đầu mùa xuân: chúng “trốn” trong lớp sương lạnh, đợi những ngày ấm áp đến. Hoặc nó giống như những ứng cử viên trong danh sách đợi chờ việc. Với sự giúp đỡ của các điều kiện, nghiệp (kamma) này “phải” trở quả trong kiếp liền kề. Nếu không có cơ hội cho nó trở quả, thì nó sẽ trở thành vô hiệu¹. Nó sẽ không đi tiếp đến kiếp sống thứ ba.

Mặc dầu có năng lượng được tích lũy từ những đồng lực (javana) khác, nhưng vì là đồng lực cuối cùng trong chuỗi đồng lực, J7 không thể là pháp làm duyên của trùng dụng duyên (āsevana). Tâm gì đi theo sau J7? Nó có thể là tâm na cảnh (taḍārammaṇa) hoặc là tâm hữu phần (bhavaṅga) – cả hai đều thuộc bản chất khác. Cho nên, J7 không thể gửi truyền năng lực của nó cho tâm đó thông qua phương tiện của trùng dụng duyên. Sau khi diệt đi, nó chỉ có thể để lại phía sau năng lượng của nó cho tâm (citta) đi theo sau².

Chó săn rượt đuổi trong vòng luân hồi (saṃsāra)

Rồi đối với những đồng lực (javana) còn lại, vì không thể cụ thể chỉ rõ tâm (citta) nào có liên quan, cho nên, chúng ta phải nhắc chung đến chúng là nhóm gồm năm đồng lực (javana) ở giữa. Chúng được gọi chung là

¹ Ngoại trừ trường hợp của trọng nghiệp (garuka kamma). Vì năng lực quá mạnh mẽ của mình, nó phải cho quả của nó.

² Điều này được thực hiện thông qua các phương tiện thông thường dành cho những tâm (citta) bình thường, tức là vô gián duyên (anantara paccayo), đẳng vô gián duyên (samanantara paccayo), vô hữu duyên (natthi paccayo) và lý khứ duyên (vigata paccayo).

hậu báo nghiệp (aparāpariya vedanīya kamma), có nghĩa là không có giới hạn thời gian. Bắt đầu từ kiếp sống thứ ba trở đi (ND: kể từ kiếp sống này), những nghiệp (kamma) này sẽ tiếp tục cho quả nếu chúng ta vẫn còn trong vòng luân hồi sanh tử. Cứ nếu có một đời sống mới thì chúng sẽ chờ đợi cơ hội trở quả; một trong số chúng có năng lực tạo nên việc tục sinh. Mặc dầu chúng có thể được làm cho cô lập, nhưng chúng ta không thể tránh chúng được. Trong nhóm này, đồng lực nào có năng lực làm duyên mạnh nhất? Đó là J6 vì năng lượng được tăng dần từng bước một từ J3. Cụ thể là, năng lượng của J3 mạnh hơn của J2, năng lượng của J4 mạnh hơn của J3 và vân vân. Những năng lực làm duyên của chúng sẽ tiếp tục cho quả trong bất kỳ kiếp sống nào kể từ kiếp sống thứ ba.

Như vậy, đây là loại nghiệp (kamma) có tuổi thọ lâu dài nhất. Ngài Buddhaghosa đã so sánh nó với một con chó săn. Khi con chó săn thấy con hươu, nó sẽ rượt theo ngay. Nếu con hươu vấp ngã, con chó sẽ vồ lấy ngay. Cũng theo cách này, những nghiệp (kamma) này sẽ đi theo chúng ta trong suốt vòng luân hồi (saṃsāra) – thậm chí cho dầu nó có là một nghiệp xấu mà chúng ta đã thực hiện cách đây hàng trăm ngàn kiếp sống trong quá khứ.

Trong trường hợp của nghiệp thiện (kusala kamma), Đức Bồ-tát trong kiếp sống làm đạo sĩ Sumetha là một ví dụ điển hình. Khi gặp được Đức Phật Dīpaṅkara, Ngài đã được thọ ký rằng Ngài sẽ trở thành Phật một ngày trong tương lai. Từ lúc đó trở đi, đạo sĩ Sumetha đã bắt đầu tích lũy ba-la-mật (pāramī) trong vô lượng những kiếp sống cho đến kiếp sống cuối cùng của Ngài, tức là lúc Ngài thành Phật Gotama.

Bạn Hay Thù

Nghiệp (kamma) không chỉ tạo sinh ra đời sống mới với tư cách là sanh nghiệp (janaka kamma), mà thật ra còn ba loại nghiệp khác nữa với những chức năng khác nhau ngoài việc tạo nên sự tục sinh. Phương cách (làm việc) của nghiệp (kamma) là trong quá trình cho quả trong thời bình nhật (pavatti), nó sẽ giúp đỡ bằng cách hỗ trợ cho những nghiệp khác có cùng bản chất hay đặc tính như nó. Nếu không, nó sẽ can thiệp hoặc ngăn cản bằng cách làm yếu đi, làm trì hoãn, hoặc thậm chí phá hoại hay tạo ra khó khăn. Nếu năng lực của nó được phát triển đến mức cao, nó có thể hủy hoại hoặc cắt đứt. Đó là bản chất của nghiệp (kamma) trong thời bình nhật.

Chúng ta hãy lấy chính bản thân mình làm ví dụ: chúng ta sinh ra làm người do bởi sanh nghiệp (janaka kamma). Nó cũng tạo ra các căn quyền của chúng ta, như mắt, tai, vân vân. Đó là lý do tại sao có người thậm chí ở tuổi 80 vẫn không cần mang kính, trong khi nhiều trẻ em lại phải mang kính. Rồi khi chúng ta lớn lên, cha mẹ của chúng ta, sự nuôi dưỡng của họ, vật thực, thuốc men, và vân vân là các loại trì nghiệp (upathambhaka kamma). Chức năng của loại nghiệp (kamma) này chỉ là hỗ trợ cho công việc của sanh nghiệp (janaka kamma). Như vậy, sau khi sanh nghiệp đã làm xong việc của nó, trì nghiệp (upathambhaka kamma) sẽ nắm quyền để duy trì đời sống của chúng ta và ngăn chặn những sự đổ vỡ.

Rồi khi chúng ta lâm bệnh – cần sự chữa trị và thuốc men – đó là chương nghiệp (upapīlaka kamma) đang thực hiện việc của nó. Chức năng của chương nghiệp là làm yếu đi, trì hoãn hoặc thậm chí phá hoại kết quả của những nghiệp (kamma) khác. Tuy nhiên, sự can thiệp của nó hoạt động theo cả hai chiều, tức là cả thiện (kusala) và bất thiện (akusala). Khi nghiệp thiện đang

cho quả, nghiệp bất thiện xen vào phá hoại, và ngược lại.

Nếu bệnh tật của chúng ta là nan y, thì đó là do đoạn nghiệp (upaghāta kamma hoặc upacchedaka kamma) khi chúng ta qua đời. Loại nghiệp này hủy hoại kết quả của nghiệp (kamma) khác thông qua việc ngăn chặn hay cắt ngang, giống như hỏa tiễn chống phi cơ. Theo Sớ Giải, nó cũng có thể cho quả của chính mình sau khi phá bỏ kết quả của nghiệp (kamma) khác.

Tại sao lại có những chuyện đó xảy ra? Đó là vì mọi người thực hiện cả việc tốt và xấu. Cho nên, các nghiệp tốt (kusala kamma) và nghiệp xấu (akusala kamma) của họ được tích lũy hằng ngày. Bất kỳ khi nào có cơ hội, một nghiệp (kamma) với năng lượng đầy đủ sẽ xen vào phá hoại (hoặc trợ giúp).

Bị quấy nhiễu bởi sự không may mắn

Giả sử có một người đã thực hiện lần nghiệp tốt và xấu trong đời sống của mình. Tại lúc tử, một trong những nghiệp thiện (kusala kamma) có cơ hội trở quả đưa đến việc ông ta được tái sinh làm người trở lại. Các nghiệp bất thiện (akusala kamma) của ông ta nói rằng: “À, nghiệp thiện (kusala kamma) đó đã đến đó trước chúng ta.” Rồi chúng chờ đợi cơ hội. Mặc dầu sanh nghiệp (janaka kamma) tốt đã đưa ông ta đến cõi nhân loại, nhưng những nghiệp (kamma) xấu của ông nằm chờ đợi cơ hội thích hợp để tạo ra khó khăn cho ông. Lúc này lúc nọ, những chướng nghiệp (kamma) này sẽ tạo ra các bệnh hoạn. Lúc này lúc nọ, chúng sẽ làm cho ông phải vào bệnh viện. Ông sẽ bị tố cáo những chuyện vô lý, không xác đáng. Tài sản của ông sẽ bị hư hoại, và vãn vãn. Theo phương thức này, các nghiệp (kamma) xấu của ông tạo cho ông phải trải nghiệm đủ loại khổ đau (dukkha). Rồi một nghiệp xấu nào đó đủ mạnh trở thành

đoạn nghiệp (kamma), chín muồi mang lại cái chết non cho ông trong một tai nạn.

Đời sống của một con chó may mắn

Giả sử có một người nào khác cũng thực hiện cả việc tốt và việc xấu. Một nghiệp bất thiện (akusala kamma) đã có cơ hội cho quả trước vào lúc kết thúc đời sống của ông. Ông đã tái sanh làm một con chó.

Nhìn thấy điều này, các nghiệp thiện (kusala kamma) của ông đã nói: “Ồ, nếu chúng ta có cơ hội, chúng ta đã đưa ông tái sanh về cõi nhân loại hoặc thiên giới. Chúng ta muộn rồi. Nghiệp bất thiện (akusala kamma) của ông đã đến trước. Cho nên, bây giờ ông đã có đời sống của một con chó. Nhưng chúng ta sẽ chăm sóc cho ông trong khả năng của mình.” Cho nên, các nghiệp tốt của ông đã đưa ông vào sống trong một gia đình giàu sang. Ở đó, con chó này sống như một con người, thậm chí được đi lại trong xe sang trọng. (Tôi có nghe rằng trong một vài gia đình, các thú cưng được ăn các đồ ăn thượng vị trong những cái đĩa bằng vàng.) Tiêu chuẩn sống của nó cao hơn nhiều người rất nhiều.

Cho nên, mặc dầu nghiệp bất thiện (akusala kamma) của người đó đã đến trước cho quả, nhưng các nghiệp thiện của ông ta với tư cách là trợ nghiệp đã chăm sóc cho ông.

Tuy nhiên, đối với những con chó vất vường, nghiệp (kamma) của chúng sẽ là loại chướng nghiệp bất thiện (akusala). Và thêm nữa, nghiệp bất thiện của chúng hoạt động với tư cách là trợ nghiệp hay trì nghiệp. Đó là vì sự trợ giúp có thể hoạt động theo cả hai chiều (giống như trường hợp của chướng nghiệp): hỗ trợ để tốt đẹp hơn hoặc hỗ trợ để xấu tệ hơn. Loại đầu tiên là thiện, trong khi loại sau lại là bất thiện. Nghiệp bất thiện (akusala

kamma) được trợ giúp bởi sự bất thiện. Một người trở nên càng ngày càng hạnh phúc hơn hoặc một người càng ngày càng có nhiều sự khổ đau hơn. Nó giống như một kẻ thù và một người bạn luôn luôn đi theo sau. Nếu người bạn mạnh hơn, sẽ có sự trợ giúp. Nếu kẻ thù mạnh hơn, cái chết sẽ không tránh được.

Nhìn Bằng/Với Sự Phản Chiếu Của Nghiệp (Kamma)

Nghiệp (kamma) tạo sinh ra quả (vipāka¹) của nó ở mọi cơ hội thuận lợi. Điều này xảy ra hai lần: một lần tại lúc đời sống bắt đầu ở thời điểm tục sinh (paṭisandhi). Lần khác là về sau đó. Khi đời sống đã được thiết lập, thì từ lúc đó trở đi cho đến lúc tử, nghiệp (kamma) sẽ tiếp tục cho quả của nó trong suốt thời bình sinh (pavatti). Đó là gì? Đó là tâm nhãn thức, tâm nhĩ thức, tâm tỷ thức, và vân vân, tức là các quả của nghiệp (kamma). Những tâm thức (viññāṇa citta) sanh lên do nghiệp (kamma) quá khứ vốn đã được tích lũy và bây giờ chín muồi².

Tuy nhiên, những tâm thức (viññāṇa) này sanh lên không chỉ đơn giản thông qua nghiệp (kamma). Lý do chúng xuất hiện là vì cảnh hay đối tượng tiếp xúc với vật. Chỉ lúc đó chúng mới có thể sanh lên. Vào những lúc khác, chúng không thể sanh lên. Trong trường hợp này, các bạn có thể tự hỏi rằng: “Vậy tại những lúc khác đó, những tâm thức (viññāṇa) này đi đâu?”

¹ “Vi” có nghĩa là “không tương tự nhau” (theo bản chất). Điều này chỉ cho cái gì? Ở đây, nó chỉ cho các pháp thiện (kusala dhamma) và các pháp bất thiện (akusala dhamma), vốn có bản chất khác nhau. Rồi “pāka” có nghĩa là “kết quả” (của những pháp thực tính (sabhāva) này, vốn đã chín muồi). Trong trường hợp này, thuật ngữ “vipāka” chỉ muốn nói đến kết quả của tâm sở tư (cetanā), tức là, những tâm sở (cetasika) của tâm quả (vipāka citta).

² Theo Bộ Pháp Tụ (Dhammasaṅgaṇī)

Tâm nhãn thức được cất giữ ở đâu?

Ngọn lửa được cất giữ ở đâu trong que diêm? Các bạn hãy thử cố gắng tự trả lời xem. Khi tìm ra câu trả lời, các bạn cũng sẽ biết được tâm nhãn thức được cất giữ ở đâu. Như vậy, ngọn lửa được cất giữ ở đâu trong que diêm? Không có chuyện cất giữ đó. Nhưng vì do sự gặp gỡ của những điều kiện thuận lợi hay thích hợp, ngọn lửa sẽ sinh ra, đúng không? Đúng vậy. Chúng ta có thể nói rằng, tại đó có tiềm năng. Và tương tự cho việc thấy, các điều kiện để tâm nhãn thức sanh lên là gì? Chính nghiệp (kamma) tạo ra thần kinh thị giác (cakkhu pasāda). Cảnh sắc xuất hiện và phản chiếu lên đó. Đây thật ra là một tác động mặc dầu thông thường chúng ta không nhận thức sự tác động này. Sự va chạm của hai yếu tố này, tức là cảnh sắc và thần kinh thị giác, giống như sự cọ xát của que diêm với bề mặt rám; hoặc giống như hai đầu âm và dương của hai dây điện đụng vào nhau tạo ra sự xuất hiện đột xuất của ánh sáng.

Cho nên, tâm nhãn thức xuất hiện khi ngoại cảnh (ND: cảnh sắc) tác động lên thần kinh thị giác, như đã được Đức Phật thuyết giảng trong một vài bài kinh (sutta). Ngài đã không bao giờ dạy rằng tâm nhãn thức hiện hữu một cách liên tục, mà nó chỉ xuất hiện khi các điều kiện thích hợp hội đủ. Theo lời giảng dạy của Ngài, nó là kết quả của nghiệp (kamma), mặc dầu nó chỉ có thể xảy ra do sự xúc chạm giữa cảnh và vật. Ở ngoài tình huống này thì nó không sanh lên. Đây là bản chất của nghiệp (kamma) tạo sinh ra kết quả của nó (vipāka citta) trong thời bình nhật (pavatti). Tại sự gặp gỡ của các ngoại cảnh với các vật tương ứng của chúng, những tâm quả này sanh lên do bởi sự va chạm. Tuy nhiên, cái gì là nguyên nhân chính? Chỉ có nghiệp (kamma) mà thôi.

Đức Phật dạy rằng những tâm quả (vipāka citta) này rất im lặng và không có liên quan các hoạt động nào cả. Chúng có thể được so sánh như sự phản chiếu trong gương. Hình ảnh của một người trong gương chỉ di chuyển khi người đó di chuyển. Hình ảnh có thể tự di chuyển không? Không, điều đó không thể xảy ra. Như vậy, những tâm quả (vipāka citta) này là sự phản chiếu của nghiệp (kamma). Cho nên, không có hoạt động nào ở bên phía của chúng cả. Bản chất của chúng chỉ là phản chiếu lại bất kỳ hành động nào đó của nghiệp (kamma). Đây là cách nghiệp (kamma) cho quả trong đời sống.

Sáu Giọt Mật Cọng Với Một Giọt Dung Dịch Sắt

Chúng ta hãy lấy con mắt làm ví dụ. Chúng ta không thấy (hoặc nghe, ngửi, nếm, đụng và suy nghĩ) vật tốt đẹp và đáng hài lòng mọi nơi mọi lúc. Những gì chúng ta thấy không phải chỉ là thứ chúng ta thích. Chúng ta cũng tiếp nhận những thứ không tốt, không hài lòng. Tâm nhân thức dựa trên cái gì khi nó sanh lên do nghiệp bất thiện (akusala kamma) tạo ra? Nó xuất hiện khi thấy một đối tượng không hài lòng (anittārammaṇa¹). Sự thấy ở đây là với sự không thỏa mãn, không hài lòng, không giống như việc thấy một cái gì đó đáng hài lòng với sự thỏa mãn.

Đối tượng tốt hoặc đáng hài lòng là itthārammaṇa. Khi tiếp nhận nó, tâm nhân thức sanh lên đó là quả của thiện (kusala). Cho nên, có hai loại tâm nhân thức (cakkhu viññāṇa). Điều này cũng giống như vậy cho lỗ tai trong việc nghe âm thanh ngọt ngào hoặc chát chúa, cho lỗ mũi trong việc ngửi hương thơm hoặc mùi hôi thối,

¹ Một đối tượng không tốt hoặc không được khao khát được gọi là anittā, đối nghịch với itthā, tức là tốt hoặc được khao khát.

cho cái lưỡi trong việc nếm vị thượng hảo hoặc vô vị, hoặc cho thân xác trong việc trải nghiệm sự đụng chạm êm dịu hoặc khó chịu. Ví dụ như khi vô tình đá chân vào vật cứng nào đó, sự trải nghiệm đó thật là đau đớn, phải không? Đó là dạng đụng chạm khó chịu điển hình nhất.

Các bạn hãy cố gắng quan sát những loại tâm khác nhau sanh lên trong đời sống hằng ngày của mình: trong việc thấy, trong việc ngủi, trong việc nếm và vân vân. Bất cứ điều trải nghiệm gì không êm dịu là kết quả của bất thiện (akusala). Cái gì êm dịu lại là quả của thiện (kusala).

Điều các bạn thích lại có thể là điều tôi không thích

Khi mọi người thích một điều gì đó, nó là một đối tượng đáng được hài lòng. Nếu họ không thích nó, nó là không được khao khát. Nói chung, mọi người thường xem cái mình thích là tốt đẹp, đúng không? Tuy nhiên, đôi lúc thật khó để gán định cái gì là tốt (iṭṭha) hoặc xấu (aniṭṭha), hoặc để phân biệt giữa cái “tốt” và cái “xấu”. Điều các bạn không ưa thích có thể là điều được người khác ưa thích.

Đi ngang qua xác chết của một con chó, mọi người sẽ bịt mũi, rồi khạc nhổ trong sự ghê tởm. Trong khi đó, những con chim kên kên thì lại rất là vui mừng. Thậm chí từ xa, chúng sẽ bay lại khi đánh mùi và vô cùng hân hoan. Rồi đối với những người thích sầu riêng, trái sầu riêng là cảnh tốt (iṭṭhārammaṇa), nhưng đối với những người không thích thì sẽ cho mùi của nó là không đáng hài lòng.

Như vậy, làm sao định đặt ra các tiêu chuẩn? Điều này chỉ được thực hiện bằng cách trưng cầu dân ý hoặc theo mặt bằng chung, xem có bao nhiêu người cho là tốt

hoặc xấu. Ví dụ, khi nhìn thấy một cái gì đó mà tạo sinh ra một cảm giác không vui, chúng ta có thể nói rằng đối tượng đó là không tốt. Nếu thay vào đó, cảm giác hạnh phúc sanh lên, thì nó có thể được xem là đối tượng tốt. Ngoài trừ những người có đầu óc không bình thường, đối tượng như vậy sẽ được hầu hết mọi người thích.

Sáu Giọt Mật Cộng Với Một Giọt Dung Dịch Sắt

Bây giờ chúng ta hãy nhìn xem quả của bất thiện (akusala) được tạo ra trong thời bình sinh. Bên cạnh tâm nhãn thức, nhĩ thức, tỉ thức, thiệt thức và thân thức, còn có tâm tiếp thân (sampaṭicchana) và tâm quan sát (santīraṇa): bảy tâm quả bất thiện (akusala vipāka citta) tất cả. Chúng có điểm gì chung?

Tính theo thọ (vedanā), thọ xả (upekkhā) là có hầu hết cho các trường hợp. Tuy nhiên, tâm thân thức lại được đi kèm với thọ khổ, không giống với những tâm còn lại có thọ xả (upekkhā), tức là thọ không lạc không khổ. Chính vì lý do này, tâm quả bất thiện với thọ khổ này được so sánh với giọt dung dịch sắt. Những tâm (citta) còn lại đi cùng với thọ xả thì giống như những giọt mật.

Sau khi cộng thêm giọt sắt ở thể lỏng vào sáu giọt mật, rồi đổ dung dịch đó lên lưới. Cảm giác đó là như thế nào? Nó có êm dịu không? Hương vị của mật có rõ ràng không? Giọt sắt ở thể lỏng đó có ở trong sáu giọt mật được so sánh với tâm thân thức với thọ khổ. Sự đau khổ (dukkha) trở nên vượt trội, lấn áp.

Điều này đặc biệt đúng cho trường hợp của những chúng sanh trong địa ngục. Đối với họ, không có giai đoạn giải tỏa, tức là giai đoạn mà những sự trừng phạt được ngưng lại. Khổ đau luôn thống trị.

Những chúng sanh địa ngục có thể trải nghiệm quả của thiện (kusala) không?

Thông thường thì những chúng sanh địa ngục chỉ trải nghiệm những đối tượng không được hài lòng, và rồi la hét, rên rỉ trong những nỗi đau đớn và sợ hãi. Tuy nhiên, trong thời Đức Phật còn tại tiền, ngài Moggallāna đôi lúc đã có viếng thăm địa ngục và có sử dụng thân thông của mình. Mục đích của ngài là để cho họ có cơ hội nhìn thấy và đánh lễ bậc A-la-hán (Arahant) cũng như lắng nghe Pháp.

Đối với những chúng sanh mà luôn la hét trong sự đau khổ như “Hãy cứu tôi! Hãy giúp tôi!” thì ngài Moggallāna đã làm gì để làm sanh khởi thiện pháp (kusala) trong họ? Với thân thông của mình, ngài đã tạm thời dập tắt lửa địa ngục. Trong suốt thời gian đó, ngài hiện ra cho họ thấy ngài và giảng Pháp ngắn gọn đến cho họ. Trong khoảng thời gian ngắn ngủi đó với lửa địa ngục được dập tắt, các chúng sanh địa ngục được làm dịu đi bớt những cơn đau khổ của họ; điều này cho phép họ chú tâm đến ngài và cung kính ngài. Đây là cảnh tốt (iṭṭhārammaṇa). Một cảnh tốt nữa là âm thanh của bài Pháp do ngài giảng và họ lắng nghe.

Như vậy, trong khoảng thời gian ngắn ngủi đó, các cảnh tốt (iṭṭhārammaṇa) đã có thể xuất hiện đến cho họ, những cảnh tốt này là kết quả của thiện (kusala).

CHƯƠNG BỐN

Các Yếu Tố Ảnh Hưởng Đến Nghiệp (Kamma)

Không Có Sự Đối Đãi Công Bằng

Chúng ta hãy lấy ví dụ về một nhóm những Phật tử tập trung lại dâng cúng y Kathina và lắng nghe Pháp bảo. Các bạn có thể tự hỏi: “Nghiệp (kamma) có sẽ cho quả giống nhau đến mọi người do phước thiện tập thể này không?”

Mọi người có thể chia sẻ cùng kết quả của nghiệp không? Quả của nghiệp không thể giống hết cho mọi người vì nghiệp (kamma) chín muồi hay cho quả dựa trên các điều kiện và đặc tính vốn khác nhau từ người này sang người khác. Mặc dầu đó là nghiệp thiện tập thể, nhưng chủ ý (cetanā) không thể giống hết nhau. Các điều kiện và đặc tính cũng không thể như nhau. Do đó, kết quả cũng sẽ không thể là giống hết nhau.

Hãy xem trường hợp những kẻ sát nhân. Vì hành động sát hại đó của họ, họ bị án tử hình hoặc tù chung thân. Nhưng người thực hiện việc treo cổ hoặc bắn chết những phạm nhân này lại không những không bị trừng phạt mà lại còn được các cấp chính quyền khen tặng và thăng chức. Cùng một hành động sát nhân, nhưng kết quả lại khác nhau. Tại sao?

Đó là vì các điều kiện là không giống nhau cho mọi người. Hơn nữa, vẫn còn có những yếu tố khác chi phối và ảnh hưởng, cho nên, nghiệp (kamma) không thể tạo ra quả cho tất cả và từng người một.

Phụ thuộc vào các điều kiện hỗ trợ, nghiệp (kamma) cho quả của nó. Đối với người được trợ giúp

bởi các điều kiện tốt đẹp, nghiệp bất thiện (akusala kamma) không thể tạo sinh ra quả. Cũng vậy, nghiệp thiện (kusala kamma) không thể cho quả nếu các điều kiện xấu đang bao quanh người đó.

Theo Đức Phật thì nó giống như là bỏ một muống muối vào một ly nước¹. Nó sẽ trở nên quá mặn để uống. Nhưng nếu muống muối này được thả vào một dòng sông, như sông Ganges hoặc sông Ayeryarwady chẳng hạn, thì vị mặn đó sẽ chẳng thấm vào đâu.

Cũng theo cách này, một vài người có đức hạnh không tốt. Thêm vào đó, họ lại không thực hiện việc phước thiện nào. Nếu họ phạm vào một việc sai quấy nhỏ nào đó, họ sẽ phải trải nghiệm đau khổ rất nhiều.

Ngược lại, chúng ta hãy lấy ví dụ một người có đức hạnh tốt đẹp và có một trái tim nhân hậu. Ông ta cũng thực hiện rất nhiều việc phước thiện. Tuy nhiên, vì còn là một phàm nhân (puthujjana), ông đôi lúc vẫn vi phạm những việc sai quấy. Nhưng chúng dường như chẳng để lại hậu quả gì cả và hầu như là biến mất hoàn toàn.

Như vậy, quả của nghiệp thì khác nhau tùy thuộc người này người kia. Không phải là nghiệp (kamma) có thiên vị, mà chỉ là vì còn có những yếu tố khác hỗ trợ.

Các điều kiện thế gian

Nếu một người nghèo đói trộm cắp một con cá từ một người buôn cá thì ông ta sẽ có vấn đề và gặp khó khăn. Nếu một người giàu sang ngồi trong xe có người lái riêng cũng làm điều đó, ông ta có lẽ còn được tặng thêm một con nữa. Sự ưu tiên luôn được dành cho những kẻ giàu sang, chứ không cho những kẻ bần cùng. Đây chỉ là phương cách của thế gian.

¹ *Loṇakapalla Sutta* (Aṅguttara Nikāya) – Bài Kinh Hạt Muối, Phẩm Hạt Muối, Chương Ba Pháp, Tăng Chi Bộ Kinh

Chuyện thường xảy ra (ở những nơi cụ thể nào đó) là khi có tiền và thế lực thì người ta không phải đối diện với sự trừng phạt của pháp luật, đúng không? Tình huống thì thường là khác giữa người giàu có và người nghèo khổ, mặc dầu người ta luôn nói rằng: “Mọi người là bình đẳng dưới luật pháp.” Người không có tiền sẽ bị giam tù vì phạm tội, nhưng người có tiền thì có lẽ là không. Đối với người có tiền, mặc dầu cũng vi phạm tội lỗi tương tự, nhưng vấn đề thường được bỏ qua. Thông qua hối lộ hoặc đút lót, ông ta có thể tránh được tội hình. Và cũng theo cách đó, đối với người có cấp bậc hoặc quyền lực, cũng thường không có sự trừng phạt. Một người khác không có những thế lực này phải chịu sự trừng phạt nặng nề hơn.

Các bạn có thể gọi việc này là bất công tùy theo cách nhìn của các bạn. Hoặc các bạn có thể nói rằng đây là chuyện thế gian. Trong trường hợp như vậy, tiền bạc (cũng như thế lực hoặc quyền lực) có thể được xem là một dạng điều kiện.

Điều này không có nghĩa nói rằng có tiền – hoặc không có tiền – tạo nên sự khác biệt đối với nghiệp (kamma). Khi bàn về nghiệp (kamma) hay liên quan đến nghiệp (kamma), vấn đề quan trọng là có sự vắng mặt hoặc sự thiếu vắng của những đặc tính. Đối với người có những đặc ân hoặc ân đức, hậu quả sẽ ít nghiêm trọng hơn, không giống như người không làm việc thiện gì cả. Người không làm việc thiện gì cả sẽ chịu đau khổ nhiều thậm chí đối với một việc sai trái nhỏ nhặt nào đó. Đây chỉ là quy luật tự nhiên.

Điều ám chỉ ở đây là nếu một người thực hiện một việc bất thiện (akusala) nào đó, để làm giảm nhẹ bớt nghiệp (kamma) xấu đó, ông ta phải nên thực hiện nhiều phước thiện.

Bản Chất Tạo Nên Sự Khác Biệt

Trong bất kỳ việc tốt hoặc xấu nào được thực hiện, tăng cấp hay mức độ, tức là bản chất, luôn luôn có liên quan. Khi thiện (kusala) hoặc bất thiện (akusala) được thực hiện, tốc lực tâm và bản chất có luôn giống nhau cho mọi người không?

Cho dầu đó là bố thí (dāna), trì giới (sīla) hoặc tham thiền, tâm lực của một người và bản chất của nó thì không giống với người khác. Hãy xem trường hợp của bố thí (dāna) chẳng hạn. Trước khi việc đó được thực hiện, các bạn có những ý nghĩ tốt về việc bố thí của mình. Thậm chí sau đó, tâm thiện (kusala) sanh lên khi các bạn nghĩ về sự bố thí (dāna) đó.

Điều đó sẽ khác đi cho người có sự ngờ vực và các ý tưởng sai lầm trước và sau khi hành động bố thí được thực hiện. Do đó, do bởi việc thiện này được đi trước và theo sau bởi một tâm trí bất thiện, năng lượng tiềm tàng của nghiệp lực bị yếu đi. Nó được gọi là nghiệp bình phạm¹.

Trong trường hợp của các bạn, tức là không có tâm bất thiện (akusala) đi trước và theo sau hành động bố thí, thì nó được gọi là nghiệp ưu thắng² với tâm thiện (kusala) sanh lên cùng với trí tuệ, tức là ba nhân thiện có mặt: vô tham (alobha), vô sân (adosa) và vô si (amoha). (Nếu không có trí tuệ, thì điều kiện đó là nhị nhân (dvihetuka).) Như vậy, ưu thắng hay bình phạm được phân biệt bởi trí tuệ³ và bởi việc hành động thiện đó có bị

¹ Omaka kusala kamma.

² Tihetuka ukkattha.

³ Khi trí tuệ dẫn đầu, phước thiện đạt được có tên gọi là thiện hợp trí (nāṇa-sampayutta kusala). Nếu không có trí tuệ, thì nó được gọi là lý trí (nāṇa-vippayutta).

đi trước và theo sau bởi các chủ ý bất thiện (akusala cetanā) không.

Đối với trường hợp bất thiện (akusala), chúng ta hãy lấy ví dụ của cậu bé đang đói bụng và nhìn thấy một quả táo. Lòng tham sanh lên và cậu bé trộm lấy quả táo, nghĩ rằng việc đó là không sai trái gì cả vì cậu đang đói bụng. Một cậu bé khác cũng ở trong tình huống đó, biết rằng việc này là sai và ngập ngừng. Nhưng với sự thúc đẩy của bạn bè, cậu đã cắp trộm nó.

Như vậy, có sự khác biệt về tâm lực và bản chất trong những hành động của hai cậu bé.

Cho nên, thậm chí nếu hành động trộm cắp hoặc bố thí, trì giới hoặc hành thiện là giống nhau, nhưng tầng cấp hay mức độ lại không giống nhau cho tất cả mọi người. Điều này muốn nói rằng bản chất thì khác nhau. Mặc dầu hành động thì như nhau, nhưng bản chất hay tính chất của nghiệp (kamma) thì không giống nhau, phải vậy không?

Những nhà sản xuất khác nhau thì tạo nên những sản phẩm khác nhau

Chúng ta hãy nhìn các mặt hàng tiêu dùng ngày nay với những sự khác biệt về chất lượng. Mẫu mã của mặt hàng – nó có giống nhau không? Chúng ta hãy lấy máy ghi âm làm ví dụ. Những công ty nào sản xuất máy ghi âm? Các bạn tìm kiếm và rồi kết luận: “Hãng này sản xuất máy ghi âm chất lượng tốt. Hãng kia sản xuất máy ghi âm chất lượng xấu.” Dầu chất lượng là tốt hay xấu, điều đó không có nghĩa là mặt hàng của nhà chế biến yếu kém thì lại không thể được gọi là máy ghi âm. Nó vẫn là máy ghi âm, giống như máy ghi âm có chất lượng cao.

Theo cách này, quả do nghiệp tạo ra khác nhau phụ thuộc vào chất lượng của nghiệp (kamma).

Các bạn hãy suy ngẫm khi trả lời câu hỏi trong tình huống sau: Tất cả chúng sanh trong đọa xứ (apāya) có cùng tâm tục sinh (upekkhā santīraṇa) cho dầu họ là chúng sanh địa ngục, thú vật, ma đói (peta) hoặc a-tu-la (asura). Vậy họ có cùng chia sẻ sự khổ đau như nhau không? Nếu không thì tại sao không?

Tâm tục sinh thì là giống nhau cho tất cả (những chúng sanh đó), nhưng những gì họ phải trải nghiệm trong những địa phận khác nhau lại không giống nhau. Trong địa ngục (niraya), chỉ có sự đau khổ tột cùng mà không có một chút hạnh phúc nào. Cư dân tại đó có đời sống tệ hại nhất. Thú vật thì đỡ hơn một chút. Đức Phật so sánh địa ngục như là một hố lớn với than cháy đỏ¹, trong khi đời sống của thú vật thì giống như trong một hố phần. Nếu so sánh, thì các ma đói (peta) và a-tu-la (asura) lại đỡ hơn chút nữa mặc dầu Ngài so sánh tình huống của họ với việc ở tại một nơi nắng nóng nhưng hầu như chẳng có một bóng mát nào và mặt đất thì toàn là đá với những cạnh sắc bén.

Tại sao chúng sanh trong địa ngục lại chịu nhiều khổ đau hơn những chúng sanh khác? Đó là vì tâm lực được dùng trong quá trình thực hiện việc bất thiện (akusala) – cùng với chất lượng hay tính chất của nghiệp – là không giống nhau. Loại hành động cực ác cho quả trong địa ngục. Nó cũng có nghĩa rằng bản chất hay chất lượng của nghiệp (kamma) là ở mức độ cao nhất.

Hơn nữa, kết quả được xác định thông qua việc nhìn vào mức độ của bất thiện (akusala). Mức độ càng cao thì môi trường càng khắc nghiệt, như một núi lửa đang phun trào dữ dội. Như vậy, tùy thuộc vào mức độ,

¹ Mahāsīhanāda Sutta, Majjhima Nikāya – Đại Kinh Sư Tử Hống, Trung Bộ Kinh

chúng ta có môi trường cực kỳ nóng, môi trường nóng và môi trường ít nóng hơn trong những tầng hiện hữu hay những cảnh giới hiện hữu khác nhau.

Do đó, sự đau khổ là cùng cực trong địa ngục A-tỳ (Avīci), nơi mà các chúng sanh phải ở sát nhau, không có khoảng cách giữa họ, giống như kim trong hộp. Đó là lý do tại sao tầng địa ngục thấp nhất này được gọi là Avīci. Hơn nữa, không có khoảng trống hay nơi nương náu giữa những đám lửa liên tục cháy rực.

Dạng bất thiện (akusala) ít nghiêm trọng hơn với bản chất nghiệp thấp hơn sẽ cho quả trong giới bàng sanh. Rồi một dạng kém hơn nữa sẽ cho tái sanh làm ma đói (peta).

Tương tự, hạnh phúc của nhân loại và thiên chúng cũng không giống nhau do bởi sự khác nhau về chất lượng mặc dầu tâm tục sinh là giống nhau. Tất cả những xe bốn bánh chuyên chở một số ít hành khách đều được gọi là xe hơi. Nhưng chúng không thể là có cùng giá trị do bởi sự khác nhau về loại xe và nhà sản xuất, phải không? Đúng vậy. Cũng theo cách này, điều này cũng giống như sự không đồng nhất giữa hạnh phúc của nhân loại và hạnh phúc của thiên chúng.

Đức Phật đã miêu tả cảnh giới nhân loại như thế nào? Nó giống như việc các bạn tìm thấy mình đang ngồi dưới một cội cây to với bóng mát. Các bạn sẽ nói rằng: “Ồ, ở đây mát mẻ quá!” Tuy nhiên, cho dầu có mát mẻ đến độ nào đi nữa, nhưng khi ngồi trên mặt đất, các bạn không thể tránh được các tia nắng mặt trời hoặc mưa.

Đối với đời sống của thiên chúng, Đức Phật so sánh với việc sống trong một căn nhà tiện nghi với ghế giường êm dịu, tránh được gió và mưa. Hai tình huống này có giống nhau không? Không, chúng không giống nhau. Sự

khác nhau là do chất lượng của nghiệp thiện (kusala), như trong việc bố thí (dāna) và trì giới (sīla). Do đó, kết quả là khác nhau.

Thành Công Và Thất Bại

Mặc dầu nghiệp (kamma) là điều kiện cơ bản tất yếu, nhưng chúng ta không thể chỉ quy kết mọi thứ cho nghiệp. Chúng ta cần phải suy xét những điều kiện khác nữa, tức là toàn bộ tình huống. Các bạn hãy suy ngẫm theo cách này: cây cần các điều kiện trợ giúp như đất, nước, ánh sáng, nhiệt lượng, phân bón và vân vân nếu nó muốn mọc lên. Loại đất, hoặc nhiệt độ quá cao hoặc quá thấp chẳng hạn sẽ ảnh hưởng đến sự phát triển của nó. Cho nên, có nhiều điều kiện liên quan ở đây.

Điều này cũng giống cho nghiệp (kamma). Cho dầu nghiệp (kamma) đó có tốt (kusala) đến mức nào, nhưng nếu nó gặp phải những điều kiện bất lợi (vipatti¹), nó sẽ không thể cho quả được. Tương tự, nghiệp bất thiện (akusala kamma) – dầu là to lớn đến mức nào – trong điều kiện hoàn toàn tốt đẹp, thuận lợi cho sự thịnh vượng (sampatti), không thể hoạt động để mang lại sự đau khổ (dukkha). Bản chất hay tính chất này của nghiệp (kamma) phải nên được thấu hiểu.

Cõi hiện hữu và các thời kỳ

Một người có thể sanh vào một cõi không được tốt đẹp: như địa ngục, làm súc sanh, làm ma đói (peta) hoặc làm a-tu-la (asura). Một khi ông ta đã sanh vào một cõi bất hạnh (gati vipatti) như vậy, thì mặc dầu ông ta có nhiều nghiệp thiện (kusala kamma) đang muốn cho quả, nhưng chúng không thể trở quả được. Điều tốt nhất

¹ Vipatti có nghĩa là sự thất bại, trong khi sampatti có nghĩa là sự thành công.

chúng có thể làm là giúp cho ông có đủ ăn, không bị đói khát. Chúng không thể cung cấp cho ông cuộc sống của nhân loại hoặc thiên chúng được, cuộc sống mà không bị thoái hóa và bất mỹ.

Rồi trong suốt những thời kỳ đen tối, mọi người bị suy hoại tinh thần và có khuynh hướng vi phạm những tội lỗi. Trong thời kỳ đen tối của thất bại (*kāla vipatti*), các bất thiện nghiệp (*akusala kamma*) thường được thực hiện. Vào lúc đó, không ai sống trong hòa bình và tránh khỏi những hoạn nạn được. Đại Chiến Thế Giới Thứ Hai là một thời kỳ như vậy, khi mà vô cùng khó khăn để đạt được một chút phước lộc hay lợi ích nào. Tôi (ND: tác giả) sanh vào năm 1940, ngay trước khi chiến tranh xảy ra. Do bom đạn và bệnh tật lan tràn, nhiều người vô tội đã chết. Thậm chí trong làng của chúng tôi, một gia đình đã bị chết. Trên toàn quốc, nhiều người đã chết vì dịch bệnh, bao gồm cả những học giả nổi tiếng.

Mặc khác, thời kỳ mà mọi người có cơ hội thực hành các thiện pháp, tu tập tâm tánh thì được gọi là thời kỳ của hưng thịnh (*kāla sampatti*). Đây là thời kỳ mà sự tiến triển được thực hiện trong mọi lãnh vực, với kinh tế phát triển, giáo dục được cải thiện và vân vân.

Tướng mạo của một người

Hình dáng tướng mạo là quan trọng – thậm chí đối với một con chó. Nếu nó là dễ thương, mọi người sẽ nói: “Con chó này đẹp quá!” và cho nó thức ăn. Điều này được gọi là *upadhi sampatti*, tức là bản chất gắn liền với sự thuận lợi. Còn đối với *upadhi vipatti*, tức là bản chất gắn liền với sự thất bại, thì: nếu con chó đó là thú lai đói khát với ghê lở, mọi người chắc sẽ quăng đá vào nó.

Điều này cũng giống cho con người vậy. Cho dầu người đó có khỏe mạnh như thế nào, nhưng với tướng

mạo xấu xí, xã hội cũng khó mà chấp nhận. Ví dụ, có một câu chuyện về một vị bộ trưởng tại Tích Lan có một người vợ tương đối xấu xí. Vào những buổi lễ hội, bà thường bị xem nhăm là một người giúp việc trong nhà. Không ai đón tiếp bà một cách tôn trọng cả. Do bởi upadhi vipatti, không ai nghĩ bà là phu nhân của vị bộ trưởng cả.

Với upadhi vipatti, thậm chí con của vua cũng khó có cơ hội kế thừa ngôi vị. Tại Tích Lan, một lần nọ, có một vị hoàng tử rất thích chơi trò đá gà lúc còn nhỏ. Trong một trận đấu gà, mắt của vị hoàng tử đã bị tổn thương do bị con gà đá nhăm. Kết quả là vị hoàng tử đã bị mù một mắt. Khi đến tuổi trưởng thành, mẹ của ông, tức là hoàng hậu, đã đến gặp vua và hỏi xin cho con mình được kế thừa ngôi vua. Vị vua đã trả lời như thế nào?

“Hoàng tử là kẻ tàn tật. Nó không thể làm vua được. Đã từ lâu rồi, chẳng có vị vua nào lại có một mắt đâu.”

Cho nên, ngôi vua ở Tích Lan đã không được trao cho vị hoàng tử đó. Ông được ban cho một hòn đảo nhỏ để trị vì. Nếu ông không mất một con mắt – nếu không có upadhi vipatti – thì ông chắc chắn đã trở thành vua. Thậm chí nếu thiện nghiệp (kusala kamma) của ông muốn cho quả, nó cũng không thể thực hiện được vì mọi thứ đã đi sai đường.

Rồi có một vị đại tướng rất thiện xảo với cung tên, nhưng lại rất nhỏ con như người lùn. Nên nhà vua đã không thích để ông làm cận vệ bên mình vì nghĩ rằng mọi người sẽ nực cười khi thấy một người lùn xấu xí làm cận vệ. Cho nên, một vị đại tướng đã phải chọn một vị khác khỏi ngô đứng vào chức vị đó, trong khi ông chỉ ở cương vị của người trợ giúp mà thôi. Nếu có việc gì đó cần đến sự phục vụ của ông, thì ông chỉ được phép làm việc trong sự kín đáo với cương vị của một người phụ trợ,

tức là không được nhìn thấy.

Do đó, thậm chí chỉ để được bổ nhiệm vào một bộ phận nào đó, diện mạo của một người cũng rất quan trọng, đặc biệt là vào những ngày cổ xưa của thời còn nô lệ. Không quan trọng việc giai cấp của một người là thấp kém như thế nào hoặc người đó nghèo khó đến mức nào. Thân mẫu người đó có thể là một nô lệ. Nhưng nếu người đó có tướng mạo trẻ đẹp, thì người đó vẫn có thể có được cấp bậc và chức phận.

Như vậy, để tạo sinh ra quả của mình, nghiệp (kamma) chịu ảnh hưởng của các điều kiện của sự thành công (sampatti) và sự thất bại (vipatti). Nó không thể nương tựa vào chỉ một mình nó.

CHÚNG TA CÓ THỂ TRÁNH ĐƯỢC QUẢ CỦA NGHIỆP (KAMMA) XẤU KHÔNG?

Khi nào mà chúng ta vẫn chưa giải thoát được khỏi sự u tối của vô minh (avijjā), tức là chưa chứng ngộ được Sự Thật, thì chúng ta vẫn có thể được gọi là đang mù quáng đi trên đường mà không có người chỉ dẫn. Đôi lúc, chúng ta có thể xoay xở đi đúng đường và đến đích. Nhưng đôi lúc, chúng ta có thể không đến đích được. Trên hành trình lang thang cùng vô minh trong vòng luân hồi (saṃsāra) với tư cách là phạm nhân (puthujjana), chúng ta không biết được nên hoặc không nên làm những cái gì. Cho nên, điều nên làm chúng ta lại nghĩ là không nên làm. Điều không nên làm chúng ta lại cho là nên làm.

Theo cách này, chúng ta hành động theo những gì chúng ta suy nghĩ: đôi lúc chúng ta thực hiện các việc thiện, đôi lúc chúng ta thực hiện những việc ác. Những hành động này sẽ cho quả và trả ngược lại chúng ta. Đây là quy luật tự nhiên của tác động và phản ứng.

Đã thực hiện những việc không nên làm

Nếu các việc bất thiện đã bị vi phạm, chẳng hạn như sát sanh, thì chúng ta phải làm gì? Chúng ta có phải thất vọng, đầu hàng và đau khổ suốt cuộc đời của mình không? Chúng ta không nên tuyệt vọng vì Đức Phật đã có dạy phương pháp thoát khỏi nghiệp (kamma) xấu.

Trước hết, chúng ta phải ghi nhận hay nhận thức rằng những gì đã vi phạm là không tốt: tức là các việc bất thiện là không tốt. Chính Đức Phật đã dạy rằng: “Không nên làm những việc bất thiện. Nếu các người thực hiện những việc bất thiện, nghiệp bất thiện (akusala kamma)

sẽ cho quả bất hạnh và đau khổ.”

Sau khi nhận ra được điều này, chúng ta nên hứa phải sửa đổi với chính mình, với vị thầy hay với một người bạn: “Tôi đã làm sai. Suy nghĩ về điều đó làm cho tôi cảm thấy ân hận. Mặc dầu tôi có thể vượt qua được cảm giác đó, nhưng tôi không thể thay đổi được gì vì việc đó đã được thực hiện. Tôi sẽ không bao giờ vi phạm việc sai trái đó nữa từ giờ này trở đi. Tôi sẽ chỉ thực hiện những việc thiện tốt.”

Chúng ta nên nghiêm trì lời hứa của mình, cố gắng không lặp lại việc bất thiện đó nữa. Đây là giải pháp. Bằng cách ngăn tránh những việc bất thiện (akusala), chúng ta hành trì các pháp thiện (kusala). Thực hiện các việc tốt, tránh xa các việc xấu: hành trì như vậy, chúng ta có thể chắc chắn giúp mình thoát được việc nghiệp (kamma) xấu này gây trở ngại cho chúng ta. Điều này không có nghĩa là chúng ta hủy hoại nó hoặc làm cho nó biến mất – điều đó không thể xảy ra. Đây chỉ là phương pháp thoát khỏi nó.

Không cần thiết và chẳng có ích lợi gì phải trở nên trầm cảm suy nghĩ về điều đã làm. Nó là việc mà không thể nào thay đổi được nữa. Cho nên, chúng ta không nên suy nghĩ về nó nữa.

Điều quan trọng hơn là phải đoán chắc rằng việc làm bất thiện đó sẽ không được lặp lại trong tương lai. Đó là cách duy nhất. Nếu không thì làm sao ngài Āṅgulimāla có thể trở thành vị A-la-hán (Arahant) mặc dầu ngài đã sát hại rất nhiều người? Bằng cách tránh xa việc ác và vun bồi việc thiện, nghiệp (kamma) sẽ bị cô lập¹: đây là lời dạy của Đức Phật. Vì phiền não (kilesa) làm cho nghiệp (kamma) màu mỡ, cho nên, nghiệp sẽ

¹ Kilesa nirodhe, kamma nirodho.

lớn mạnh lên. Nếu các phiền não được tẩy trừ, thì nghiệp (kamma) biến mất. Nhưng khi nào các phiền não còn tồn tại, thì nghiệp (kamma) sẽ vẫn còn tồn tại.

Lúc tôi (ND: tác giả) còn sống tại Hoa Kỳ, một lần nọ, tôi có giảng về cách làm sao thoát khỏi nghiệp (kamma) xấu. Một cư sĩ đã nói rằng: “Bạch ngài, trong bài giảng của mình, dường như ngài khuyến khích, động viên những người làm sai trái.”

Tôi đã trả lời rằng: “Đây chỉ là nói chuyện thực tế thôi. Nếu không thì ích lợi của Pháp bảo sẽ là gì? Phạm nhân (puthujjana) thường thực hiện những việc bất thiện. Sau khi đã làm như vậy, nếu không có cách thức hoặc phương pháp tránh thoát, thì chuyện gì sẽ xảy ra? Nhưng dĩ nhiên là có giải pháp. Đây là điều Đức Phật đã chỉ dạy trong bài kinh Saṅkhadhamma Sutta.”

Đừng đầu hàng với nghiệp (kamma)

Như vậy, nghiệp (kamma) không phải là thứ mà các bạn trở nên bất lực. Thay vào đó, nghiệp có thể được chuyển đổi. Các bạn có thể thay thế cái xấu với cái tốt – bất thiện (akusala) được dứt bỏ bằng cách dùng điều thiện (kusala). Khi hiểu được bản chất của nghiệp (kamma) và nhận ra được những kết quả của nó, các bạn sẽ từ bỏ hoặc tránh xa việc thực hiện những nghiệp xấu. Thay vào đó, các bạn sẽ nỗ lực thực hiện những việc tốt. Nếu như vậy, các bạn có thể luôn hạnh phúc trong vòng luân hồi (saṃsāra) nếu các bạn muốn.

Tuy nhiên, nếu các bạn không còn muốn sự khổ đau (dukkha) của lão, bệnh và tử nữa, các bạn phải tiếp tục vun bồi thiện trong khi nỗ lực thấu hiểu những gì Đức Phật đã giảng dạy về nghiệp (kamma). Sẽ đến lúc các bạn có thể hiểu được và phân biệt được giữa hai loại nghiệp (kamma) trong đời sống của mình – loại nên được tránh

xa và loại nên được trì giữ. Nỗ lực thực hành các nghiệp (kamma) thiện, các bạn cũng nỗ lực thực hành để loại trừ các phiền não (kilesa). Điều này với mục đích cuối cùng để giải thoát chính mình khỏi cả những nghiệp (kamma) thiện và bất thiện. Tại thời điểm mà các bạn có thể loại bỏ được các phiền não (kilesa), thì nghiệp (kamma) sẽ không còn có khả năng cho quả nữa. Đó là lúc các bạn đã đạt được sự an lạc của Níp-bàn (Nibbāna).

--ooOoo--

TÀI LIỆU THAM KHẢO

--ooOoo--

1. “Kamma at Death and Rebirth” by Sayadaw Dr. Nandamālābhivāṃsa
2. “Kamma in This Life – How It Arises and Gives Its Result” by Sayadaw Dr. Nandamālābhivāṃsa
3. Digital Pāḷi Reader (DPR) by Venerable Yuttadhammo
4. budsas.net by Binh Anson

PHƯƠNG DANH THÍ CHỦ HÙN PHƯỚC ẤN TỔNG

--ooOoo--

Phật Tử Hải Ngoại

Thượng tọa Chơn Trí
Gia đình Huỳnh Văn Ngưu
Gia đình Huỳnh Thị Bé
Gia đình Huỳnh Thị Thúy Vân
Gia đình Huỳnh Văn Dũng
Gia đình Huỳnh Hoàng Anh
Gia đình Nguyễn Thị Việt Hương (Đức)
Gia đình Oanh Trần
Gia đình Hồ Thị Đa
Gia đình Nguyễn Thị Thương Thanh
Gia đình Tô Mỹ Hương (Úc)
Tu nữ Nguyễn Thiên
Gia đình Võ Thị Nguyệt Linh
Gia đình Peter Huỳnh
Gia đình Nông Đình Hoàng
Gia đình Nông Đình Hải
Gia đình Nông Thị Mai Trâm
Gia đình Nông Thị Mai Thoa
Gia đình Nông Đình Hùng

Phật Tử tại Việt Nam

Gia đình Mai Phan
Gia đình Tịnh Trang
Gia đình chị Thủy Tiên
Gia đình Ngô Thị Lệ Dung
Gia đình Diệu Phương
Gia đình Nguyễn Ngọc Sang

Gia đình Phan Bình
Gia đình Nguyễn Thị Dung
Gia đình Trần Thị Nhung
Gia đình Từ Châu
Gia đình Từ Phước
Gia đình Nguyễn Đoàn Ngọc Tâm
Gia đình Trinh Trần
Gia đình Huệ Đăng, Huệ Hoa
Gia đình Song Khương Lưu
Gia đình Nguyễn Phúc Đại
Gia đình Nguyễn Thị Hương
Gia đình Phật tử Như Tâm
Gia đình Tâm Bình
Gia đình chú Cúc và cô Thi
Gia đình Võ Thị Thu Thủy
Gia đình Vinh
Gia đình Trần Thị Kim Tiến
Tu nữ Tịnh Giác
Tu nữ Ngọc Hạnh
Gia đình bà Lê Thị Cửu và tu nữ Diệu Tâm
Gia đình Trần Ánh Nguyệt
Gia đình Hứa Cẩm Nhung
Gia đình Mai Kim Nhị
Gia đình Trần Thị Thu
Gia đình Nguyễn Thị Nết
Gia đình Trần Thị Mẫn
Gia đình Dương Thị Xanh
Gia đình Đào Thị Vui
Gia đình Phan Thị Lý
Gia đình Nguyễn Thị Cúc
Gia đình Trần Thị Lập
Gia đình Nguyễn Đình Thảo
Gia đình Đỗ Hữu Hải
Sư cô Sucārī
Gia đình Nguyễn Thị Trường Hồng (Nhóm Sư Tuệ Nhân)
Gia đình Đặng Minh Thuận

Gia đình Nguyễn Thanh Thủy
Gia đình Nguyễn Hoàng Đức
Gia đình Huỳnh Minh Tuấn
Gia đình Huỳnh Quốc Lâm
Gia đình Trần Diệu Ánh
Gia đình Tống Ngọc Dũng
Gia đình Lương Vũ Trọng An
Gia đình Mai Xuân Sang
Gia đình Dương Ngọc Tú Quỳnh
Gia đình Tuệ Dũng
Gia đình Mẫn Giác
Gia đình Lưu Thị Diễm Thúy
Gia đình Nguyễn Đoàn Thị Ngọc Tâm
Gia đình Hạnh An
Gia đình Trần Lê Khanh
Gia đình Đào Thị Ngọc Anh
Gia đình Hạnh Nhã
Gia đình Nguyễn Tri Quỳnh Nga
Gia đình Vũ Thị Châu Giang
Bhikkhu Saṃvarasīla
Bhikkhu Tuệ Tường
Gia đình Trương Thị Minh Hai
Gia đình Võ Văn Quốc
Gia đình Trần Thị Ngọc Phương
Gia đình Trần Anh Thiên
Gia đình Nguyễn Thị Huyền Dung
Tu nữ Chơn Duyên
Tu nữ Nguyễn Thị Như
Gia đình Tạ Thanh Thiện
Gia đình Thanh Hạnh
Gia đình Đặng Minh Ngọc
Gia đình Lê Đức Trung
Gia đình Ngọc Anh
Gia đình Diệp Thị Rang
Sư cô Tâm Hiền
Sư cô Vạn An

Gia đình Nguyễn Ngọc Ánh
Gia đình Nguyễn Công Chính
Các Phật tử ẩn danh
Gia đình Lữ Hoàng Đạo
Gia đình Trần Ánh Nguyệt
Gia đình Trần Văn Linh
Gia đình Nguyễn Thị Mai
Gia đình Nguyễn Văn Thu
Gia đình Lâm Tấn Trung
Gia đình Đoàn Xuân Trí
Gia đình Dư Tiếc Nhân
Gia đình Hoàng Thị Vân + Văn Minh
Gia đình Trần Thị Thanh Mai
Gia đình Quảng Nhã
Gia đình Nguyễn Hồng Sĩ
Gia đình Nguyễn Thị Bé
Gia đình Ngọc Hà
Gia đình Nguyễn Đình Phong
Gia đình Hoàng Đức Đạt
Gia đình Trần Vũ
Gia đình Nguyễn Thanh Tâm
Gia đình Lê Hoàng Vân
Gia đình Bùi Phong Châu
Gia đình Hoàng Văn
Gia đình Hà Nguyên
Gia đình Huỳnh Nguyễn Thùy Trang
Gia đình Nguyễn Thị Chính Nghĩa
Gia đình Lại Thế Quân
Gia đình Võ Trọng Phi
Gia đình Mai Nguyên Ls
Gia đình Nguyễn Thị Bé
Sư cô Giới Thanh
Gia đình Đinh Đức Độ
Gia đình Đặng Thị Xanh
Gia đình Nguyễn Hiền + Diệu Thiện
Gia đình Võ Thị Ngọc Thảo
Gia đình Trương Nguyễn Quỳnh Như
Gia đình Nguyễn Phước
Gia đình Trần Thị Ngọc Mai
Gia đình Ngọc Hà

ĐỊA CHỈ PHÂN PHỐI

❖ TP. Hồ Chí Minh

1 - Tu nữ Phước Thủy

Chùa Bửu Quang

171/10 - Quốc lộ 1A

P. Bình Chiểu - Q. Thủ Đức

ĐT: 0919763531

2 - Vũ Thị Châu Giang

511/9 Huỳnh Văn Bánh

P. 14, Q. Phú Nhuận

ĐT: 0909129098 – 0903129098

❖ Đà Nẵng

Nguyễn Thị Chính Nghĩa

16 Hoàng Văn Thụ - Q. Hải Châu

ĐT: 0905688670

❖ Huế

Võ Trọng Phi

09 Bùi San

ĐT: 0979165701

Luận Giải Về Nghiệp

Tác giả: Sayadaw Dr. Nandamālābhivamsa

Dịch giả: Pháp Triều

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO

53 Tràng Thi – Hoàn Kiếm – Hà Nội

ĐT: 024-37822840 - Fax: (024) 37822841

Email: nhaxuatbantongiao@gmail.com

Chịu trách nhiệm xuất bản :

Giám đốc – Tổng biên tập

Nguyễn Công Oánh

Biên tập: Lê Hồng Sơn – Nguyễn Thị Huệ

Bìa & Trình bày: Thiện Tuệ

Sửa bản in: Pháp Triều

Đơn vị liên kết: Ông Võ Trọng Phi

Địa chỉ: 40 Bà Triệu, Thành Phố Huế

Số lượng in: 2500 bản, khổ 14 x 20 cm.

In tại: Công ty Cổ phần In và Dịch vụ Đà Nẵng, 420 Lê Duẩn, phường Chính Gián, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

Số ĐKXB: 1146-2018/CXBIPH/101-65/TG.

Mã ISBN: 978-604-61-5523-2.

QĐXB: 166/QĐ-NXBTG ngày 18 tháng 4 năm 2018

In xong và nộp lưu chiểu quý II năm 2018.